

Triển

Xuân

GIÁP THÂN

Chúc
mừng
Xuân
mới

SỐ 126-127

Gia 1\$50

TRƯỚC CỜ

« Quân ta dù kém quân người
Hơn thua cũng quyết với trời một keo »

Quân sĩ cúi đầu và kính cẩn
Cùng lặng chờ trong không-khí trang
ngghiêm,

Trên voi, Nữ vương vẫn ngồi yên,
Vội vẻ mặt trầm tư nghiêm nghị
Ngài như đắm sâu hồn trong suy nghĩ.
Trên đài cao, theo gió ngả nghiêng lay
Là cờ Phục-quốc nhẹ tung bay,
Hai bên đài, hai hàng nữ tướng,
Cúi chờ lệnh chúa, với hết lòng tin
tướng.

Và, xa xa vang dậy tiếng tung hô,
Cả muốn dân mừng đón đức vua.
Bỗng vẫy kiếm, ngài truyền: « Quân sĩ!
Ta cũng muốn cùng ba quân tạm nghỉ
Nhưng vừa đây Mã-Viện lại tiến binh
Cũng khá nhiều, hai mươi vạn tinh
binh.

Vậy há lẽ thấy nhiều mà ta sợ?
Ta định lúc quân thù chưa yên số,
Hợp toàn quân đánh một trận cuối
cùng

Đề một là giữ vững non sông
Hai... nhưng có lẽ — có lẽ nào lại thế!
Có lẽ nào — với muốn lòng trung nghĩa,
Có lẽ nào — với sức mạnh cả ba quân,
Không giữ được nền độc lập của giang
sơn?

Không đuổi nổi kẻ tham tàn quen xâm
chiếm.

Quân sĩ hỡi! xin cùng ta vung, kiếm
Trước cờ thề gắng đuổi quân thù,
Trận này là trận quyết được thua,
Phải liều chết để giữ gìn đất nước,
Phải lấy máu giả cái thù nội thuộc. »
Rút lời ngài, nữ tướng Lê Chân

Nàng quốc kị, và hàng hải ba quân,
Chỉ kiếm thét: « Xin diệt quân Đông
Hán! »

Trong nắng mới tung bừng và sản lạn
Ngọn cờ Phục-quốc huy-hoàng bay...
Bà LƯU-VĂN-LỢI

THƠ XUÂN

I

Xuân nay nhẩn hoi ai cười khóc?
Ai khóc ai cười, có những ai?
Xuân mới đau lòng câu chuyện cũ.
Thương ai khóc khóc lại cười cười.

II

Mắt hoen lệ mơ-màng sương sâm nhạt.
Bóng ai kia tha-thuột đứng bên lầu!
Ồ! Xuân ơi! Chờ đợi từ bao lâu?
Xin chờ hỡi vì đâu ta vô tình thế nhỉ!
Rợn tưởng đóng qua hồn mộng-mị.
Lãng quên xuân lối dạ âu-sầu.
Ta với xuân tình nặng vẫn thăm sâu,
Chẳng có lẽ gặp nhau ta hờ-hững.
Kìa bướm lượn, chim ca mừng ánh
nắng,
Lướt trên cành hoa trắng diễm hồng
tươi!
Cùng xuân trò chuyện dăm nhời.

III

Ta muốn hỏi vì sao em thồn thức,
Rời giường ca như uất ức nổi lòng chi?
Vội non sông trở lại bóng xuân, kìa!
Hãy gượng hát, vui đi trong chốc lát.
Tâm-sự nghìn thu, tình bát-ngát.
Thieu quang một khắc, mộng huy-
hoàng.

Em nghe ta mà sóng lệ vẫn dâng tràn!
Đâu có phải khách bàng-quan em oán
trách!

Ta cảm biết em ngập-ngừng bực-bạch
Mối sầu chung dấu tích chữa phai
nhòa.

Một cung đàn, một đôi ta..

IV

Trông mai, mê bóng mai tường.
Dưới trăng đứng lặng mơ-màng hồn
hoa!

Xuân về cách chẳng bao xa,
Cành mai trơ-trụi, lòng ta ngậm-ngùi.
MINH-TUYỀN

BÚT
KÝcủa
HOA
BÀNG

Đã từ lâu, vườn quê có mấy cây mai, cứ gần Tết đến, mai đua nở... nở những đóa hoa trắng muốt và nhẹ-nàng. Tôi, bấy lâu, vì « ham, giọng rười », thường phải xa nhà, nên ai cũng mùa mai nở, không mấy khi được tận hưởng cái thú, cái đẹp của giờ phút mãn khai, thành thử tuy không đặc-đạo cũng phải dẫn lòng mà nghĩ theo Trúc lâm đệ nhất tổ, Điều-ngự Giác - hoàng (thuyền hiệu của vua Trần Nhân-Tông, 1279-1293):

« Viên lâm tịch mịch vô nhân quản,
Lý bạch, đào hồng tự tại hoa. »

Nghĩa là :

Vườn được im lìm, ai kẻ giữ,
Đào hồng, mạn trắng cứ phở bóng ư

Nhưng nay, vì thời-cực nghiêm-trọng, khỏi thuốc đạn đây tôi về cổ hượng lánh nạn mấy hôm.

Vừa lê gót giày trên đường lát gạch trong ngõ xóm, tôi đã được hương mai thoang thoang man-mát đưa đến khứ-quan, nhuần vào da, thấm qua thớ thịt, lọt tới tận xương tủy, hấp-dẫn tôi vào trong vườn, tôi bật giác cất giọng cao ngâm :

*Gió chửa ngừng tung, bụi chửa quang
Hương xa... xa đón khách thông-mang...*

*Thơm-thơm mãi nhẹ pha ki ôn, khi,
Đánh loảng hơi tanh khỏi ải lang t*

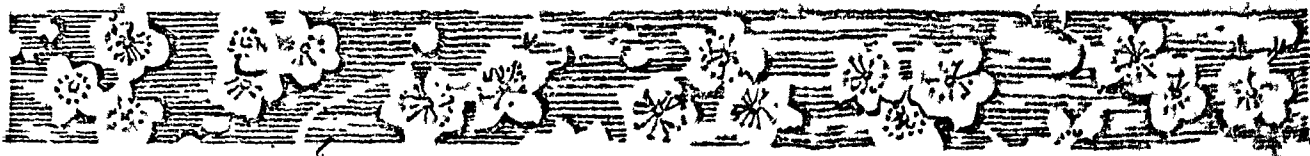
Rồi những lúc thú xõng tung trời, hững bay theo khối, tôi sống say sưa bên mai : ngắm những gốc gỗ ghề cồ kính, những mặt đốt bướng bĩnh gân-guốc và những cành giông-giống gầy gò, tôi cứ cảm-lương coi Mai như một chiến-sĩ có vẻ ngạo ngễ với thời-

tiết, tiệt-liệt trước nguy-cơ, coi tầm thường hết cả những cái gì là gian nan, là ghê sợ, là éo-le, khinh bỉ hết cả những cái mờ tối, nhỏ nhen và không trong sạch. Tôi không biết phải dùng nhưng lời nào cho cao hơn, cho thanh nhĩa đề tả cái đặc thù của Mai được.

vi :

*Mưa thấm đường rây khắp thể gian.
Rừng Mai gân-guốc ngạo sơn hà ;
Thần giả tuạ-lửa cảnh xươ g xâu ;
Nhựa sống ngấm đầy vẫn chưa chán*

Có một buổi sáng Sương mù dày đặc phủ khắp một bầu trời quê. Tôi cầm chén trà đứng thưởng bên Mai : Lặng ngắm những bông trắng muốt đan dệt ở các khe cành, tôi tưởng tượng như nàng Dương Quý (Xem tiếp trang 2)



THƠ XUÂN ĐỜI HỒNG-ĐỨC

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRƯỜNG Bác-cổ có sao được một tập thơ chữ nôm đề là *Hồng-đức quốc-âm thi-tập* (Hồng-đức là niên-hiệu vua Lê Thánh-tông về năm 1470-1497) (1), tất cả độ 250 bài, trong có hơn 20 bài vịnh xuân hoặc vịnh tết nguyên-đán và vịnh một vài thứ hoa cùng một vài thứ cây-cỏ.

Những bài vịnh xuân đã in trong *Nam-phong* (novembre 1919, trang 426, v. v.), nhưng có chữ nhầm, nên tôi chép lại và chưa nghĩa qua-loa, đề chiều ý các bạn đọc-giả đã lưu tâm đến những bài *Tài liệu đề dinh-chính các bài văn cổ* đăng trong *Tri-tán* nam xưa.

Còn những bài vịnh cây vịnh cỏ, thì chưa thấy ai in ra quốc-ngữ: có bài hay lắm, đọc lên cũng êm tai vui miệng. Tuy chỉ ngâm hoa vịnh nguyệt, nhưng cũng có nhiều chỗ bóng bẩy xa-xôi.

Nếu chỉ cho nhà làm thơ là một tay âm-nhạc, phải dùng chữ như tiếng đàn, thì chắc là nghe không được véo-von, mà cũng không thấy xúc-dộng đến tâm-hồn. Nhưng ta phải nhớ rằng các bậc hiền-bối thường lấy đạo trung-dung làm trọng, không ưa lời phũ-phỉ, lối lăng-mạn, sợ người đọc dễ sinh ra phóng-túng, rồi có hại đến phong-hóa. Cho nên những bài thơ này, tuy chỉ vịnh xuân, vịnh hoa mà vẫn giữ được điều-hòa đứng-đực: hề hề hiểu thấu các điển-tích thì rõ ngay được cái tinh-thần triết-lý.

Tháng xuân là một dịp tốt để đọc lại những bài thơ cổ mà nghiệm lấy cái âm-hưởng đời xưa, và nán đây xem các hoa đua nở,

« Khoe tốt hơn chưng vườn lãng-uyên,
« Kết đôi còn đợi chửa Đông-hoàng;
« Lại mừng được đất phồn-hoa nữa,
« Cảnh ngọc đòi khi kết quả vàng... » (*Hồng-đức quốc-âm thi-tập*, bản sao của Bác cổ, số A B 292, tờ 42 b).

Nguyên-đán (bài thứ nhất).

*Cơ màu thơ hóa bốn mùa xuân,
Đông cuối ba mươi, đông một xuân.*

*Rõ-rõ cửa vàng ngày Thuần sáng,
Lâu-lâu phiến ngọc-lich Nghiêu phân.
Cao vọi-vọi ngôi hoàng-cực,
Khắp lảng-lảng phúc thứ-dân.
Tôi mọn dự đòi hàng ngọc-duần,
Non cao kinh chúc tuổi minh-quân.*

« Cái triệu-trăm màu-nhiệm của thơ tạo, chuyên vần quanh khắp bốn mùa (2). Cuối đông là 30 tháng chạp, đầu xuân là đông một tháng giêng. Cảnh thái-bình sáng tỏ nhà vàng đời Đế thuấn. Quyền ngọc-lich rõ ràng hung cát tự Đường Nghiêu. Trồng lên hoàng-cực, ngai vua cao chót-vót. Ngó xuống thứ-dân, giáng phúc khắp nơi-nơi. Tôi nay kẻ hạ-thần nhỏ-mọn, được theo đòi dự trong hàng ngọc-duần. Xin lấy câu « non cao » kính chúc muôn tuổi đứng minh-quân. »

Non cao bởi chữ « Thái-son chi cao », ví vua cao như núi Thái. Chữ thơ hóa ở câu thứ nhất, tức là chữ thơ tạo bảy giờ; hai chữ đều do chữ « hóa-công » mà ra. Về câu thứ tư, sử nước ta có chép năm Mậu-dần (khoảng năm 2353 trước Thiên-Chúa) là năm thứ năm đời vua Đường Nghiêu, nước Văn-lang dâng thần-qui, vua Nghiêu sai chép làm qui-lich. Hoàng-cực bởi chữ « duy hoàng kiến cực », nghĩa là duy vua dựng đạo cực (phép tắc), nên ngai vua gọi là hoàng-cực. Ngọc duần nghĩa là mang ngọc: Đường Lý-tông xét thi cống-cử, lấy được nhiều kẻ sĩ, đời bấy giờ gọi là ngọc-duần, sau lấy chữ ấy đặt cho những tòa văn-hàn của nhà vua.

Nguyên-đán (bài thứ hai).

*Ấm dương hai khi mặc xoay vần,
Nếu quả thời đông đến tiết xuân (3).
Chân ngựa giông khi tuyết lạnh,
Hàng loan sắp thuở canh phân.
Chín trùng chễm-chễm ngôi hoàng-cực (4),
Năm phúc hây-hây dưới thứ-dân.
Mây hợp đền nam châu-chực sớm,
Bến tai nương mắng liêng thiều-quân.*

« Hai khí âm dương trong giới đất, mặc ý xoay vần khắp bốn mùa. Theo về thời-tiết, nếu quá đông thì lại sang xuân. Trong cảnh ngày xuân, chân ngựa ruổi giông khi hết tuyết. Ở nơi cung cấm, hàng loan (lính hầu vua, bởi chữ loan-xa, loan-giả mà ra) sắp sẵn lúc sang canh. Trông lên ngôi hoàng-cực, ngồi chính-chê trên chín tầng cao. Ngó xuống dưới muôn dân, khắp nơi nơi đều năm phúc đủ. Trăm quan đông như mây họp, đều châu-chực sẵn ở đền nam. Bên tai nghe tiếng vua ban, như nhạc quân thiều (hai tên nhạc) dờ Nghiêu Thuân.»

Họa văn bài tết Nguyên-đán

*Ba dương đã gặp thuở thời xuân,
Bốn bề đều mừng một chúa xuân.
Nức ngai vàng, hương mấy hộc,
Trang cửa phượng, ngọc mười phân.
Giời lồng-lộng hay lòng thánh.
Gió hây-hây khắp muôn dân.
Nhờ ấm nhân khi hên bóng ửng,
Ước dăng muôn tuổi chúc ngô-quân.*

« Ba dương (tháng giêng là tháng tam dương) đã gặp thì-tiết, bốn mùa vẫn chuyển đến xuân. Khắp dưới giới trên bốn bề, đều đón mừng một chúa xuân. Hoi xuân thơm nức chốn ngai vàng, hương đông mấy hộc. Cảnh tết đầm trang nơi cửa phượng, ngọc dát mười phân. Trông giới cao rộng mệnh-mông, ví với nhân-tử lòng thánh-chúa. Thấy gió hây-hây đưa lại, mừng rằng giải-uần khắp lê-dân. Nhờ khí ấm của giới, nhân khi hên bóng ửng. Ước dăng muôn tuổi thọ chúc vua ta. »

Lại họa văn bài tết Nguyên-đán.

*Khắp bốn mùa đều tạo-hoá vần,
Cuối đông mừng đã lại đầu xuân.
Tiết ba dương thịnh hây-hây mở,
Ấn chín trùng nhiều mãi-mãi phân.
Vầy họp đại-cân về một chốn,
Đặt yên chấn-chiếu khắp muôn dân.
Hội lành đã gặp gồm hăm phúc,
Trở non Nam chúc thánh-quân (5).
« Bốn mùa quanh khắp đều tự tạo-hoá xoay vần.
Cuối mùa đông rồi, mừng nay đã lại bắt đầu sang xuân.
Tháng giêng là tháng tam dương, tiết giới thịnh tốt hây-hây mở. Ôn vua từ trên chín bộ, phân-phát thần-dân khắp-khắp nơi. Trăm quan vầy họp*

đại-cân, cùng về một chốn. Lòng thánh đặt yên chấn-chiếu, đều khắp muôn dân. Hội lành mừng gặp thái-bình, đủ gồm năm phúc. Trở non Nam, xin chúc thánh-quân. »

Trong kinh Thi có câu « như Nam sơn chi thọ », vì vua sống lâu như núi Nam-sơn. Chín trùng do chữ cửu trùng, là chín tầng giới, tức là nơi vua ở. Sở-tử có câu : « Quân-môn hề cửu trùng », nghĩa là cửa nhà vua thăm-thăm chín tầng. Cũng có khi dùng cửu bộ (chín bộ), nghĩa cũng thế. Đại-cân là đại và khấn, tức là phạm-phục. Chữ Hán có câu : « Thổ sinh-dân ư nhâm (chấn) tịch (chiếu) chi hạ », nghĩa đen là đất sinh-dân ở dưới chấn-chiếu, nghĩa bóng là vua yên dân như yên con.

Xuân (bài thứ nhất).

*Một khi giới đáp đời vần,
Ba tháng đông lại ba tháng xuân.
Sinh-thành mọi vật đều tươi tốt,
Đầm-ấm nào ngày chẳng được nhuần.
Tượng mở thái-hoà Nghiêu vô-trị (6),
Ôn nhiều chấn-thải Hán nuôi dân (7).
Đài xuân bốn bề đều vầy họp,
« Tuổi tám nghìn », tôi chúc thánh-quân (8)
(Xem tiếp trang 8)*

1) Cũng có vài người sao được tập Hồng-đức quốc-âm thì hoặc có bản cũ, nhưng tôi dẫn bản sao của Trường Bắc-cổ đề ai nấy thấy chữ nào nghĩ ngờ có thể tốt đấy mà kiểm lại. Xem ra có nhiều bài không phải của đời Hồng-đức (1470 1497). Đề khi nào chép thơ triều Lê, tôi sẽ dẫn chừng.

2) Giả theo khoa-học, thì đã cất nghĩa là cái máy mẫu-nhiệm của tạo-hóa chuyển vần thành bốn mùa !

3) Nam - phong novembre 1919, trang 426, chép là « Nẻo quá ngày đông đến tiết xuân ».

4) Nam-phong, nov. 1919, trang 426, chép là « Chấn trùng chấn-chấn ngôi hoàng-cực ».

5) Nam-phong, nov. 1919, trang 426, chép là « Trở núi Nam sơn chúc Thánh-quân ».

6) Nam-phong, nov. 1919, trang 426, chép là « Tượng mở thái-hoà Nghiêu phủ trị. » Chữ « vô trị » phải hơn, trên đã cất nghĩa.

7) Nam-phong, nov. 1919, trang 426, chép là « Ân nhiều chấn-thải Hán tuy dân. » « Nuôi dân » phải hơn.

8) Nam-phong, nov. 1919, trang 426, chép là « Tuổi tám nghìn đôi chúc thánh-quân ». « Tôi chúc » mới phải, trên kia đã cất nghĩa.

NHÀ THỤC và NHÀ TRIỆU

ĐÀO-DUY-ANH

Đại-Việt sử ký toàn thư chép rằng: «*Nhà Thục*.— An-Dương-Vương, ở ngôi 50 năm, họ Thục, tên Phán, người Ba-Thục, đóng đô ở phong Khê (nay là thành Cổ-Loa).

« Giáp-tìn, năm đầu (năm 58 đời>Noãn-Vương nhà Chu vua đã chiếm nước Văn Lang rồi thì đổi tên nước là Âu-Lạc.

Xưa vua nhiều lần đem binh đánh Hùng-Vương, nhưng Hùng-Vương có binh mạnh tướng gan vua thua luôn. Hùng-Vương nói với vua rằng: « Ta có sức thần, nước Thục không sợ sao? » rồi bỏ không sửa sang vũ bị nữa, chỉ ham an uống dề mua vui. Quân nhà Thục bức đến gần mà Hùng-Vương còn say sưa chưa tỉnh, bèn hộc máu nhầy xuống giếng mà chết. Quân lính trở giáo đầu hàng. Thục-Vương xây thành ở Việt-Thường, rộng nghìn trượng, vòng quanh theo hình tròn ốc cho nên gọi là *Loa-Thành*, lại gọi là thành *Tur-Long* (người Mường gọi là thành *Côn Lân* vì thành ấy cao lắm). Thành xây xong lại dở, vua lấy làm lo, bèn làm chạy dề cầu đảo trời đất cùng thần núi thần sông, rồi lại xây lại...

« Đinh-hợi, năm 44 (năm 33 đời Tần Thủy Hoàng nhà Tần dùng những bọn lưu vong, bọn về thừa, bọn lại buôn làm lính, sai quan Hiệu Uy là Đồ-Thư đem quân lâu-thuyền, và sai Sử-Lộc xem việc đào sông vận lương, để

đi sâu vào miền Lãn-Nam, chiếm đất Lục-Lương, đặt các quận Quế-Lâm (nay là huyện Minh-Quí, tỉnh Quảng-Tây), Nam-Hải (nay là tỉnh Quảng-Đông), Tượng-Quận (nay là An-Nam), bổ Nhậm-Ngao làm quan Ủy quận Nam-Hải, Triệu-Đà làm quan Lệnh huyện Long-xuyên (Long-xuyên là huyện thuộc quận Nam-Hải), khiến đầy bọn tù đồ 50 vạn người để giữ miền Ngũ-lãnh. Ngao và Đà nhân mưu lẫn dấy ta ..

« Quý-tý, năm thứ 50 (năm thứ 2 đời Tần-Nhị-Thế) Nhậm-Ngao bệnh gần chết bảo Đà rằng: « Ta nghe bọn Trần-Thắng nổi loạn, lòng dân chưa biết theo ai. Đất này hẻo lánh xa xôi, ta sợ bọn tộm cướp sẽ xâm phạm đến, ta muốn dứt đường để tự giữ và phòng chur hầu có biến. Như g nay ta đau gần chết. Đất Phiên-Ngung này có núi ngăn nước trở từ Đông sang Tây có đến mấy nghìn dặm, lại có người Tần giúp đỡ, cũng đủ để dựng nước làm vua, xưng chúa ở một phương được. »

Nhậm-Ngao chết. Đà bèn gợi hịch cho các cửa ải Hoành-Phổ, Dương-son, Hoàng-Hác, nói rằng quân giặc gần đến, phải kịp dứt đường mà tự thủ.

Hịch đến, các quận huyện đều ứng theo. Bấy giờ Đà giết hết các quan trưởng lại của nhà Tần đặt, mà lấy người đảng mình làm quan Thủ. Đà đem quân đánh An-Dương-Vương (lược chuyện Nổ thần)

«*Nhà Triệu*.— Vũ-Đế, ở ngôi 71 nam, thọ 121 tuổi... Họ Triệu, húy là Đà, người huyện Chân-Định nhà Hán; đóng đô ở Phiên-Ngung (nay tại tỉnh Quảng-Đông).

« Giáp-ngọ, năm đầu (năm thứ 3 đời Tần-Nhi-Tuế), vua gồm chiếm các đất Lâm-Ấp (sửa là Quế Lâm) và Tượng-Quận, tự lập làm Nam-Việt vương.

« Quý-mão, năm thứ 10, (năm thứ 9 đời Hán-Cao Đế), vua sai hai quan sứ cai trị hai quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân.

«. Mậu-ngọ, năm 25 (năm thứ 5 đời Hán Cao-hậu), vua lên ngôi hoàng đế, phát binh đánh Trường-Sa, đánh được mấy quận (sửa là huyện) rồi trở về.

«... Canh-thân, năm 27 (năm thứ 7 đời Hán Cao-hậu), nhà Hán sai Long-Lân hầu là Chu-Tao đánh nước Nam-Việt để báo thù trận Trường-Sa, gặp trời nắng và ẩm, sinh bệnh dịch, nên phải bãi binh. Vua nhân đó lấy binh thị uy ở miền biên giới, và lấy của cải để dụ các xứ Mân-Việt và Tây Âu-Lạc (tức Giao-Chỉ và Cửu-Chân), hai xứ ấy đều thần phục cả ».

Ta hãy phân tích xem trong những điều sử cũ chép về nhà Thục và nhà Triệu có điều gì đáng xem là sự thực.

L. Aurousseau, Giáo-sư ở viện Viễn-Đông Bác-Cổ, trong Tập sau (B.E.F.E.O.) năm 1923 (T. XXIII) đã viết một bài nhan đề là « La première conquête chinoise des pays annamites », dẫn rất nhiều tài liệu trong thư tịch chữ Hán xưa về hai nhà ấy. Nay tôi phần nhiều cũng dựa vào những tài liệu của ông đã dẫn mà bàn về hai vấn đề này :

An-Dương-Vương. — Vị sử thần đầu tiên của ta là Lê-văn-Hưu ở đời Trần-Thái-tôn (thế kỷ 13), viết sách *Đại-Việt sử ký*, chép từ đời Triệu Võ-đế đến Lý-Cmêu-hoàng. Ở quyền sử đầu tiên ấy, chưa thấy nói gì về họ Hồng-Bàng và nhà Thục. Mãi đến sử thần Ngô-Sĩ-Liên đời Hồng-Đức Lê-Thánh-tôn (nửa thế kỷ 15) làm sách *Đại-Việt sử ký toàn-thư* mới chép thêm họ Hồng-Bàng và nhà Thục mà hợp với lịch-sử Bắc-thuộc làm một bộ *Ngoại-Kỷ*. Đề biên bộ *Ngoại-Kỷ* ấy, Ngô-Sĩ-Liên đã căn cứ vào những chuyện tục truyền (chép trong Lĩnh-Nam trích-quái của Trần-Thế-Pháp do Võ-Quỳnh ở đời Hồng-Đức sửa lại) và những điều vụn vặt ghi chép trong sách Tầu, như Hoài-Nam-tử, Sử-Ký, Thiên-Hán thư, Quảng-châu-ký, Giao-châu-ngoại-vực-ký.

Xét lại, về sự tích ấy, sách *Quảng-châu-ký* (Thế-Kỷ 3-5) chép rằng: « Sau con vua nước Thục đem binh đánh Lạc-hầu, tự xưng làm An-Dương-Vương, đóng đô ở huyện Phong-Kê. Sau Nam-Việt vương là Triệu-Đà đánh phá An-Dương-Vương, rồi sai hai sứ cai trị hai quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân, tức là Âu-Lạc vậy. »

Sách *Giao châu ngoại-vực-ký* dẫn *Thủy-Kinh chú* (đầu thế kỷ thứ

6) chép: « Sau con vua nước Thục đem quân 3 vạn đến đánh giết Lạc-vương và Lạc-hầu và áp phục các Lạc-tướng Con vua nước Thục nhân xưng là An-Dương-vương. Sau Nam Việt vương là Triệu-Đà cử binh đánh An-Dương-vương ».

Sau đoạn ấy thì sách chép về chuyện An-Dương-vương xây thành Cồ-Loa và chuyện Nỗ thần. Nhưng dù chuyện xây thành gặp thần Kim-quì và chuyện Nỗ thần là hoang đường, ta cũng không thể xò bỏ mà cho rằng An-Dương-vương là nhân vật hoàn toàn truyền kỳ. Triệu-Đà cũng quan hệ đến chuyện Nỗ thần, đã là người thực thì An-Dương-vương cũng có thể là người thực.

An-Dương-vương chiếm đất Lạc-Việt mà dựng nước vào hồi nào? L. Arousseau cho rằng, trong khoảng từ năm 210 trước kỷ nguyên là năm Tần-Thủy-Hoàng mất, đến năm 207 là nam Triệu-Đà cắt cử lúc ấy Trung quốc có loạn, thời một người con vua nước Thục nào đó thừa cơ hội vào chiếm lấy đất Tượng-Quận của nhà Tần để dựng nước. Tượng-Quận tức là đất Tây-Âu (2) mà trong khoảng năm 224-219 trước n.à. Tần đã chinh-phục được.

Tôi không hiểu tại sao L. Arousseau lại không đề cuộc chinh-phục đất Lạc-Việt hay Giao-Chỉ, bởi con vua nước Thục trước cuộc chinh phục đất ấy bởi nhà Tần, đất Lạc-Việt ở đời Chu, tức là đất Giao-Chỉ.

Theo sách *Hoài-Nam tử* chép thì vào khoảng năm 221-214, quân nhà Tần đánh người Việt, giết được vua nước Tây-Âu (tức Âu-

Lạc) gọi là Dịch-Hu-Tổng. (3) Cả đoạn sách ấy thì ta có thể cho rằng trước khi quân nhà Tần đi chinh phục phương Nam, đất Giao-Chỉ xưa đã gọi là Tây-Âu. Vua nước Tây-Âu Dịch-Hu-Tổng, bị quân nhà Tần giết đó, có thể là vị Hùng-Vương cuối cùng.

Sau khi tù trưởng đã bị hại, « người Việt đều vào trong rừng sâu, ăn ở cùng cầm thú, không chịu làm nô lệ nhà Tần. Họ đặt người kiệt tuấn làm tướng và cứ ban đêm thì ra đánh người Tần phá được quân Tần và giết được quan Ủy Đồ-Thư. Người chết và bị thương đến mấy chục vạn (Nhà Tần) bèn phát những người bị đày đến đó để phòng bị (người Việt) » (4).

Người kiệt hiết mà dân Việt cử ra để làm tướng đó, có thể là người mà sách *Quảng-châu-ký* và *Giao-châu ngoại-vực-ký*, cùng sử ta gọi là An-Dương-Vương nhà Thục. Nếu thuyết ấy (Xem tiếp trang 37)

1) Trong bài Lạc Long quân và Âu cơ sẽ đăng trong Tạp chí Đại Việt, tôi nói rằng lịch sử đời thượng cổ nước ta, ngoài sự nghiên cứu thư tịch xưa, phải nhờ đến cả các khoa khảo-cổ học, nhân chủng học, địa chất-học v. v. và cần phải có những nhà chuyên môn cầm cụ về vấn đề ấy thì may mới chiếu được ít nhiều ánh sáng vào khoảng đêm tối đầy thần quái ấy. Những bài tôi viết như bài này chỉ là những mẫu mực chứ trong khi đọc sách mà thôi.

2) Đất Giao-Chỉ, ở đời Chu gọi là Lạc-Việt, đến đời Tần thì gọi là Tây-Âu, Tây-Âu-Lạc hay Âu-Lạc. (Theo Cương mục và L. Arousseau).

3) Theo L. Arousseau thì vào năm 219.

4) Theo Hoài-Nam tử và Sử-Ký L. Arousseau dẫn.

Giá báo	
1 năm	18 00
6 tháng	9 50
3 tháng	5 00
Mỗi số	0 \$ 40
Cộng số giá gấp đôi	
Mua báo xin giá tiền trước	

THƠ XUÂN ĐỜI HỒNG-ĐỨC

(Tiếp theo trang 5)

« Một khí của giới, đắp dồi xoay vần khắp bốn mùa. Hết ba tháng đông, rồi lại xoay về ba tháng xuân. Sinh nên muôn vật, đều nhờ tiết xuân mà tươi tốt. Đầm-ấm hằng ngày, cùng hưởng hơi xuân được được nhuần. Khí tượng thái-hoà, như vua Nghiêu vũ yên thính trị. Gia ơn chần thả (phát-chần cho dân, hoặc cho dân vay), như đời Hán nuôi dân yêu dân. Khắp bốn bề đều vui-vầy hợp-tập như lên cảnh xuân-đài (đời thính). Xin lấy câu « tám nghìn xuân » là lời của bầy-tội chúc thánh-quân ». (Câu « bát thiên tuế vi xuân, bát thiên tuế vi thu », nghĩa là tám nghìn năm là xuân, tám nghìn năm là thu).

Xuân (bài thứ hai).

Từ thuở Đông-hoàng chịu lấy quyền,
Thiều-quang làm cảnh sáng xuân-thiên.
Đường hoa chấp-chơi tin ong dạo,
Dặm liễu thung-thăng sứ điệp truyền.
A Ngự nàng Diêu khoe đẹp-đẽ,
Người thơ khách rượu rộn mời khuyên.
Nam-nhi gặp thuở công khi ấy,
Aó ngự trảng-an mới phỉ nguyên.

« Từ ngày thần Đông-hoàng nhận lấy quyền coi giữ tiết xuân (thần Đông hoàng cũng có khi gọi là Thanh-đế). Bông thiều-quang làm cảnh, sáng tốt cảnh giới mùa xuân. Trong vườn hoa xuân, tin ong chấp-chơi dạo qua. Ngoài vườn dặm liễu, sứ điệp thung-thăng truyền đến. A Ngự tía, nàng Diêu vàng, tranh khoe đẹp-đẽ (Diêu vàng, Ngự tía là tên hoa mận-đơn. Bài *Mận-đơn ký* của Âu-dương-Tu có câu nói Diêu vàng là nghìn lá hoa vàng, gốc ở nhà người dân họ Diêu; Ngự tía là nghìn lá hoa đỏ thắm, gốc ở nhà tướng nước Ngự là Nhân-Phổ: bởi vậy người ta thường lấy A Ngự nàng Diêu để ví cảnh mùa xuân đẹp-đẽ). Kể ngấm thơ, người uống rượu, rộn-rịp khuyên mời. Người nam-nhi gặp được, trong thời-kỳ tuổi xuân. Nên làm thế nào cho tươi ngựa chốn trảng-an, xem hoa vườn thượng-uyên, mới phỉ nguyên ước ba sinh. »

Hoa

Một khuôn Tạo-hoa khéo hay là,
Nên khắp hòa cây trăm thược hoa.
Mở đóa xuân xưa bóng bạc bạc,

Nhị đòi thu muộn khóm vàng pha.
Phi Đường chỉ nhục tin thời lẫn,
Chúa Tống đã nhiều phát thưởng qua.
Thuở giá lui, đầm ấm lại,
Kho đầy phong nguyệt của nhà la.

(Hồng-đức quốc-âm thi tập, bản sao bằng chữ nôm của Trương Bắc-cổ, số A B 292, tờ 41 b).

Giải-ngữ-hoa (hoa biết nói).

Quốc-sắc xem bằng ngọc mới đông,
Hay cười hay thốt ý nhường bông.
Nhiều phen hỏi nguyệt đeo hơi quế,
Mấy phút triều xuân kém nhị hồng:
Một thức thơm-tho lâu gác phượng,
Mười phần tươi-tốt mặt tai rồng.
Bên thành cách ngõ lòng chưa vậy,
Bao mược huyền-đỏ đáp đỉnh bông.
(Hồng-đức..., tờ 43 a).

Chi-hoa (hoa giấy).

Đêm qua mừng thấy khi dương hồi,
Nở chẳng chờ lang, yểu trống thoi.
Năm thức la hồng lừng thế-giới,
Hai cành gấm đỏ choáng lâu đài.
Hội lành được dự Quỳnh-lâm yến,
Tiết ngọc chẳng nhường Ngự-sử mai.
Chiếm được bốn mùa xuân phú-quí,
Nào từng lưu-lạc tới trần-ai!
(Hồng-đức..., tờ 43 a).

Hoa-ảnh (bóng hoa)

Lãng-uyên đầm-hâm ngày tháng chầy,
Cổng hoa bóng ác ắt còn xoay.
Khí phé-phát, gương cơn gió,
Thuở dầm-dề, quét ánh mây.
Phong đổ nhọc-nhàn cảnh ngọc đổ,
Điệp bay uốn-éo nhị vàng bay.
Tiền-nga những bóng hương vừa lạ,
Giải đến nghi là mừng-rỡ thay!
(Hồng-đức..., tờ 43 b).

Hoa cục

Nết na nhận khăn khác chưng loài,
Chiếm được thù chơi ắt có hai.
Hương ắt chửn nhiều, vàng chửn có,
Tuyệt đã chẳng nhuộm, bạc chẳng phai.

Ba đường Tướng-Hủ hồn thêm nhứt,
 Mấy phút Uyên-Minh hừng chẳng dài.
 Mừng thấy trùng dương nên chẳng phụ,
 Muốn chưng thì-tiết hãy đeo đai.

(Hồng-đức..., từ 43 b).

Mẫu đơn

Dưỡng căn vườn tiên cửa lạ nhường,
 Trăm hoa tươi tốt đã khiếm nhường.
 Thức tươi chiêm được xuân thiên-hạ,
 Già trọng kham khoe đất Lạc dương.
 Khấp công đời khen quốc-sắc,
 Hơn chưng bạn khải hoa-vương.
 Dầu thêm hay thốt hay cười nữa,
 Thấy mặt đau lòng uốn đoạn-trường.

(Hồng-đức..., từ 43 b-44 a).

Mai thụ

Lối cảnh mai chiêm một chồi,
 Tin xuân mây-mây điểm cây mai.
 Tinh thần sáng, thuở giăng tạnh,
 Cốt-cách đóng, khi gió thổi.
 Tiết cứng trượng-phu từng ấy bạn,
 Nết trong quân-lữ trúc là đôi.
 Nhà truyền thanh-bạch chẳng lường khỏi,
 Vay xứng danh thơm đệ nhất khôi.

(Hồng-đức..., từ 44 a).

Lão mai

Dòng-dõi giang-lăng tiếng đã đồn,
 Già còn hơn nữa thuở còn non.
 Xuân thêm cốt cách hương càng bội,
 Tuyết giúp tinh thần ngọc hãy còn.
 Kề mặt hay thông đều bạn tác,
 Theo chân xem bằng những em con.
 Tiết là đá sắt thêm khoe muộn,
 Sức nước danh thơm kiếp chẳng mòn.

(Hồng-đức..., từ 44 a-b).

Tảo mai

Vườn xuân dóm-dõi đã chầy ngày,
 Lễ có làm bỏ biết được hay.
 Hoa bạc phau-phau xám khi tuyết,
 Nhị xanh yếu-yếu nhạt hơi may.
 Tổ-tường phòng khách khi dầm-ấm,
 Lậu tiếu lòng xuân đoạn đắng-cay.

Kham hạ điền canh còn đề đợi,
 * Kẻo còn đào mận những thầy lay !
 (Hồng-đức..., từ 44 b).

Thủy-trung mai

Nước kia leo-lẻo đã vô tình,
 Mai hiện thừa thừa hết tức thanh.
 Giá khôn đời, cảnh đứng-đỉnh,
 Giăng dễ thấy, bóng long-lanh.
 So cô-dịch quần in tuyết,
 Cách Vương-Duy bút vẽ tranh.
 Nhấn-nhủ đời già càng cốt cách,
 Dầu dầm chẳng nát thức xanh-xanh.

(Hồng-đức..., từ 44 b).

Họa mai (bài thứ nhất)

Hoa lân xưa nên thuở dốc sương,
 Chẳng tàn chẳng cũ hãy phong quang.
 Cài hiên nhác ngờ tiên cô-dịch,
 Choáng bóng ngờ là chúa thọ dương.
 Đêm có mây nào quyến nguyệt,
 Ngày dầu gió biếng đưa hương.
 Tinh-thần nhàn-nhủ xem càng lạ,
 Đóng chọn đóng, dầu xuân một nhượng.

(Hồng-đức..., từ 45 a).

Họa mai (bài thứ hai)

Thanh-qui bằng mai li kê lầy,
 Hình-dung mặc được lạ lòng thay !
 Nguyệt hằng đeo đuôi xuân hằng giỗi,
 Sương chẳng phao tung, tuyết chẳng đời.
 Thức tốt rồi, người dễ thấy,
 Mùi hương được, thể khôn hay.
 Ngộ thường lại có nơi hơn nữa,
 Hoa nở cây nên cũng một ngày.

(Hồng-đức..., từ 45 a).

Tùng thụ

Tán xanh đột-đột điệp hư-không,
 Qua mấy trâm thu thuở bão bùng.
 Tiết cứng chẳng kinh sương tuyết biể ,
 Tái sao dưỡng để miễn, đường dùng.
 Kỳ viên giống lạ nào so kịp,
 Xấu-tinh danh thơm dễ sánh cùng !
 Càng thấy tam công đeo chức trọng,
 Trượng phu há những chịu Tần phong !

(Hồng-đức..., từ 45 a-b).

(Xem tiếp trang 36)

Nhân tế đến chúng tôi nói tới :

TỪ TINH-THẦN QUỐC-GIA CỦA DÂN NƯỚC VIỆT-NAM ĐẾN SỰ THÔNG-NHẤT CỦA NƯỚC ẤY

Mãn-Khánh DƯƠNG KỲ

1 — Tinh - thần quốc - gia của dân-tộc Việt-Nam nhóm lên trong thời-kỳ nào, và vì những nguyên-nhân gì ?

Với tài liệu hiện có, thực chưa thể nào biết cho đích xác tình-hình chính-trị, sinh-hoạt của dân-tộc Việt-Nam đời xưa, nhất là trước thời-kỳ Bắc-thuộc. Tuy vậy, ta cũng có thể tưởng-tượng, không khỏi lăm lăm, rằng dân-tộc Việt-Nam thời bấy giờ đang sống dưới chế-độ phong kiến.

Vì giao-thông khó-khăn, vì núi sông cách trở, nên trong nước hia ra từng khu-vực, tại mỗi khu-vực có một bộ-lạc tự-trị ở. Sử cũ ta còn chép tên mười lam bộ-lạc ấy là : Giao-chỉ, Châu-diên, Võ-minh, Phúc-lộc, Việt-thường, Ninh-hải, Dương-toàn, Lục-hải, Võ-định, Hoài-hoan, Cửu-chân, Bình-văn, Tân-hung, Cửu-đức và Văn-lang. « Văn-lang tức là chỗ vua đóng đô » (1).

Vua? Hay là một tù-trưởng mạnh hơn các tù-trưởng khác. Ngoài khu-vực của mình, quyền của vua chắc là không bao nhiêu. Mỗi tù-trưởng giữ toàn-quyền cai-trị bộ-lạc của mình; cho đến quan chức cũng cha truyền con nối, gọi là phụ đạo. Còn chính-trị và nhân-dân thì chắc cũng như ở Tung đa nói : « Tất cả giấy làm chính-trị, dân không đối-tra lừa-

gạt nhau » (2), tuy họ đã biết dùng con nước lên xuống mà cấy cày. Thay triều đời họ vua luôn luôn, nhưng chế-độ phong-kiến cũng không phải vì thế mà thay đổi.

Khi người Tàu sang, thì chắc hẳn không vội tìm cách thống-nhất lại làm gì, vì họ cần đề trong nước chia-rẽ cho dễ cai-trị. Chính-sách người Tàu tàn-ngược thế nào điều ấy ai cũng biết. Đang lúc Giao châu quần-quai trong vòng nô-lệ, cũng có những vị anh-hùng bản-xứ nổi lên đánh lại người Tàu, nhưng sở-dĩ không thành-công, hoặc giữ không được lâu dài, là vì trong nước còn chia-rẽ, người nước chưa đồng-tâm, tinh-thần quốc-gia chưa có.

Nhưng ở đời còn gì làm cho ta giác-ngộ bằng đau-khổ. Mà có dân-tộc nào khổ-sở bằng người Việt trong lúc bị Tàu đô-hộ. Nào là người Tàu bóc-lột, nào là người Tàu chia ra phe đảng (nhất là những lúc bên Tàu có loạn) đánh nhau trên đất ta. Những nam mà không thấy sử chép chuyện gì, chính là những lúc người Việt im hơi lặng tiếng, nhẫn-nhục cho qua ngày. Nhưng sự nhẫn-nhục của người, dù cho người Việt nữa cũng có hạn; đến khi chịu không nổi, lại nảy lên một sức phản-động rất mạnh : chém giết thuộc-hạ các thứ-sử thái-thủ, đề mà bị đàn-áp

một cách dã-man. Lại thêm người Nam-chiếu phía Tây - Bắc, người Mã-lai ngoài biển lèo vào, nhất là người Chăm ở trong Nam, luôn luôn đến đánh-phá cướp bóc. Các trạng-huống ấy thay đổi nhau liên-tiếp, lại có khi dồn-dập chất-chồng một lúc trên đầu dân Việt.

Những thống-khổ ấy, ngày nọ sang ngày kia, làm cho dân Việt này chỉ tự-vệ, rồi lần-lần thiết-tha yếu mảnh đất, mà muốn sống trên đó, họ đã phải chịu bao nhiêu nỗi đau-khổ điêu-linh.

Họ thấy rằng cần thương yêu đùm bọc lấy nhau, cần hợp sức lại, mà bị sinh đòi cho được quyền tự-chủ đề, ở trong, tránh khỏi vòng nô-lệ quá cay-nghiệt của người Tàu, ở ngoài, có đủ sức chống với quân Nam-chiếu, quân Mã-lai, nhất là quân Chăm, mỗi ngày mỗi quật-cường tàn-ác.

Lòng thương đất nước thương giống nòi ấy, được cùng với thời-gian un-đức thêm, củng-cố thêm, nhất là sau khi có mấy đảng anh-hùng đã đề lại những kỷ-niệm sán-lạn huy-hoàng trên đất nước : như các bà Trưng Triệu, các vua Lý-Nam-đế, Triệu-Việt-vương, Mai-Hắc-đế và Bồ-cái Đại-vương...

Vả lại, những trận đánh Tàu, Chăm, Mã-lai, Nam-chiếu, lại là những trường cho người Việt tập can-dảm, những cơ-hội cho người

Việt thấy rằng dân-tộc mình cũng không đến nỗi quá đốn-hèn, rồi lần-lần tin vào sức mình, nảy chí tự-cường, tự-thủ.

Trong lịch-sử thường có những kết-quả mà giai-cấp thống-trị không thể ngăn-cản được, dù cho quý-quyết tàn-ác như phần đông các ông Thứ-sử, Thái-thủ Tàu. Các chủ con Trời ấy có muốn hay không, dân-tộc Việt Nam vẫn hấp-thụ được văn-minh Trung hoa. Rồi lần lần chế-độ phong-kiến cáo chung (3), dân trong nước hiệp-nhất và có một tinh-thần quốc gia rõ-rệt và mạnh-mẽ, đến nỗi có thể giúp Ngô-Quyền gây lên nền độc-lập lâu-dài và vững-chãi. Nếu lúc bấy giờ, nước Việt ta chưa hợp-nhất, tinh-thần quốc-gia chưa có, thì sự-nghiệp của Ngô-Quyền chắc cũng như sự-nghiệp của các bậc anh-hùng tiền-bối, nhóm lên rồi tắt, hoặc, dù giữ được, thì chẳng bao lâu phải đổ sụp tan tành trước sự tấn-công của người Tàu hùng-cường và tàn-ác.

Hai trăm năm sau, khi nước Việt đã thoát khỏi ách đô-hộ của người Tàu, Lê-văn-Hưu, như đọc sử đến đoạn nói về cuộc đô-hộ ấy, đã đề cả tâm-hồn, viết một câu ý-nghĩa như sau này (4):

(Xem sử đến thời nước Việt ta vô-chủ, bị Thứ-sử Tàu không tốt làm khổ, Bắc-kinh lại xa, không thể kêu-ca được, bất-giác vừa

thẹn vừa buồn. Rồi ước mong thấy có người tinh-thành như Vĩnh-Tông đời Hậu Đường 5, thường đốt hương khấn Trời, xin vì nước Việt sớm sinh thành nhân, lên làm vua, tự cai-trị lấy nước mình, để tránh khỏi người Tàu bóc-lột).

Ước-mong của Lê-văn-Hưu, chắc hẳn cũng là nỗi lòng của

3) Nam tiến.

Gây nền độc lập — Trong nước đã hiệp nhất, tinh thần quốc gia đã có, chẳng bao lâu người Việt giành lại được quyền tự chủ. Lãnh đạo phong trào tự chủ hồi bấy giờ, là nên kể nhà họ Khúc: Khúc-Thừa-Giụ (906-907) Khúc-Hạo (907-917), Khúc-Thừa-Mỹ (917-

923) kế nhau làm Tiết-độ sứ, tuy danh thì phụ thuộc vua Tàu, nhưng thực thì đã tự trị. Rồi đến Dương-Diên-Nghệ làm Tiết-độ sứ; nhưng oanh liệt và có công nhất là Ngô-Quyền phá quân Nam Hán ở sông Bạch-đăng, giết tướng Tàu là Hoảng-thảo. Cha Hoảng-thảo (vua Nam-Hán) đem binh tiếp viện.

(Xem tiếp trang 38)

1) Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ quyển 1, Hùng vương.

2) Việt Giám thông khảo đồng-luận, viết mùa thu năm Hồng-thuận thứ 6 (1515)

3) Đến cuối đời Ngô 965 có loạn Mười hai Sư-quân mỗi Sư-quân xưng độc lập mỗi nơi. Đó là dư-hưởng yếu-ớt và chủ-ý tàn (966-976) của chế độ phong-kiến cũ

4) Đại Việt Sử Ký Toàn-Thư, ngoại kỷ quyển 111, thuộc Đông-Hán kỷ.

5) Lê-văn-Hưu nói bóng đến việc vua Đường Minh Tông bên Tàu. Vua này, nguyên là dòng dõi họ Sa được Tây-Đột-quyết, làm vua ở Tàu trong đời Ngũ Đại. Minh Tông thấy trong nước loạn lỵ, thường khấn Trời, xin sinh ra người Hán có tài để làm vua Trung-nguyên, ngộ hễ dân Hán được yên ổn

XUÂN VƯỜN CŨ

☪

*Gió xuân sức lảnh hoa đào nở,
Trên những cành tơ lụa ứa đầy.
Xuân đã về đây xuân đã đến,
Với muôn ngàn sắc dẹt muôn cây.*

*Liều mơ, hồ xanh, nước đậm bờ,
Oanh vàng riu rít điểm lời thơ.
Và đôi ngan trắng trong hồ rộng,
Lặng ngắm xuân sang về thẩn thờ.*

*Cỏ cũng như hoa chẳng kém tươi,
Từng đôi cánh bướm nhón như hoài.
Từng giáy mưa bột rơi trong nắng,
Điểm trắng cành mai những cánh mai.*

☪

*Lòng ai phơi phới như hoa ấỵ
Xuân đượm lòng ai dễ mấy ngày.
Vườn cũ hoa xuân giờ lại nở
Ai về vườn cũ nhớ ai đây.*

HUY-TẦN

dân Việt trong lúc nội-thuộc Tàu; mà có lẽ họ còn mong-mỏi thiết-tha hơn nữa, vì chính họ là người trong cuộc, đang ngậm đắng nuốt cay, chờ ngày giải thoát.

11— **Hiệu-lực của tinh-thần quốc-gia và sự hợp-nhất.**

1) Gây nền độc-lập.

2) Bắc-cự.

Cánh

• Văn quần hà nhật qui,
Quán chỉ đào hoa hồng...»
(Chinh phụ ngâm)

Tặng Quỳnh-Như trong
thơ Phan khắc Kheam

Hôm nay lâu Thúy-Khue
hơn hờ đón xuân về.
Thềm hoa chan chứa nắng...
— Khách lạ bao giờ về?
Em đếm cánh đào tươi,
Gió vùn cánh lá rơi.
Kề hoa bên má phấn,
vìn hoa em đợi người...
Lòng em không bận sầu,
táng láng nở nhị đào.
Hương bay tìm nhủ bạn
rằng: em đợi xuân sau.

Xuân sau chàng trở lại.
Nắng vàng rơi vương vãi
theo gót hải văn-nhân,
dưới rặng hoa năm ngoái
Đôi má em nóng bừng,
sau màn em đứng trông;
dưới hoa, chàng cất bước...
— Văn-nhân cũng thẹn-thùng!
Trên cành hoa lá lướt
hón nhanh vai áo chàng.
Họa-mĩ lên tiếng hát:
Lòng em bỗng rộn ràng.

Me em bảo lấy chồng,
em vẫn chối rằng: không!
Sớm nay xuân đẹp quá,
em thấy em dối lòng.
Trên cành chim mĩa mai,
hoa đào cười lá rơi.
Sau màn em thẹn bóng,
đón ai em ngượng lời.
Muốn hỏi chàng đi đâu,
em không tìm thấy câu.
Hình như chàng cũng vậy,
ngẩn ngơ dưới bóng đào.
Thăm hoa chưa được phép,
bên hoa chàng khép nép
như cô gái mười lăm,
như sợ vì... hoa đẹp!
Me em ở trong nhà,
Me em vừa mới ra,
thoáng thấy chàng trai trẻ
cúi đầu nép dưới hoa...
Me cười, me gọi em:
«Thúy hỡi! chạy ra xem
«ai hỏi ngoài kia đó...»
— Nhưng em đành lặng im.
Vì em thấy con tim
bỗng nhiên làm sao ấy!
Em vội trốn sau rèm,
Không để me trông thấy
rằng... em đã ngắm chàng,
cùng với gió đông sang,
cùng hoa đào chúm chím,
niềm nở đón tân-lang.

hoa đào

Nhưng rồi xuân lại xuân,
đào-hoa nở mấy lần.
Mấy lần, trong xác pháo,
mưa lệ: màu đầy sân!
Ai đem dòng lệ cuối
tươi lên mùa xuân ấy?
Khăn đào phong xác hoa,
đợi người không trở lại!
Sớm nay ngồi chải đầu,
em khóc bên hoa đào...
Me em cười chẳng nói,
lặng lẽ me trở vào.
Em muốn ôm lấy me
kề lẽ niềm sau xưa;
thấy hoa em lại tủi,
rồi lệ đều chan hòa!..
Trên lầu vang tiếng mõ,
tiếng kiếng đin nhò nhò,
me em ngồi tụng kinh.
— Me ơi! Me có rõ
nóng, nổi kẻ phương trời?
Hoa đào rơi lại rơi...
Lòng con bên gối mẹ
từng mảnh rụng rơi.

Rồi một hôm pháo nổ,
em bừng tưởng xuân sang
Giấc mộng hoa tàn vỡ...
— Bao giờ em gặp chàng!
Rồi lợn quay, giầu, nem,
rồi bao nhiêu người xem...

En nhĩ: qua ngẩn lệ
người mặc áo màu lam!

Thế rồi xuân lại xuân,
đào hoa héo hèo dần.
Mơ tàn trong cánh thềm,
chàng rồi bước trần gian...
Đêm này mơ chàng về!
Hoa đào cười hã hê,
chôm cau chim tiu tiu
rắc hoa cau xuống hè...
Giữa lúc vàng tung nở,
lư trầm nghi ngút nhang,
giữa khi say lệ nhớ,
đôi tim mê với vàng...
Bỗng đâu đầy pháo nổ,
em vội ôm lấy chàng.

Bờ ải linh giác yêu đương,
trong tay, chồng, nức nở.
Nặng trĩu muôn trời sượng,
Hoa đào bay khắp ngõ

NGUYỄN ĐAN TÂM



Các nơi trường thi và cách xếp đặt

TRONG TRƯỜNG THI NAM-ĐỊNH

TRẦN-VĂN-GIAP, bác cò

Vấn đề khoa-cử là một thiên trọng yếu cần thiết trong văn-học-sử và văn-hóa-sử nước Việt-nam nhả. Chính đó là cái cơ quan nung đúc nhân tài của xứ mình. Trong khoảng mấy trăm năm, biết bao nhiêu danh-nhân, phần nhiều đều do đó mà ra: văn-nhân mặc-sĩ cũng có, danh-thần lương-tướng cũng có, đầy dẫy trong sử sách, ít người là không do khoa mục. Nói về nguồn gốc và sử-sự khoa cử, có lẽ mấy quyển sách cũng chưa chắc đã phân minh. Nay xin nói qua về các nơi trường thi. Về thi hội và thi đình thì bất cứ đời nào, nước Tàu cũng như ở nước ta tất là ở nơi đế đô. Về đời Lý, Trần, Lê đóng đô ở Thăng-long thì thi hội thi đình tất ở Hà-nội bây giờ; về bản-triều định đình ở Huế thì đại khoa cũng thi ở Huế. Còn đến thi hương là chọn lấy người vào thi đại khoa, nên phải có trường ở nhiều nơi. Thi hương mới có thể-lập từ đời Lê Thánh-tôn nên cũng chỉ từ đó mới có đặt ra các trường, những tỉnh to thì mỗi tỉnh có một trường, còn các tỉnh nhỏ thì một hai tỉnh thì chung một trường; mỗi khoa trường thì lấy đỗ nhiều, trường thì lấy đỗ ít là tùy số-số từng nơi.

Về đời Lê, cả nước ta tất cả có chín trường: Hải-dương, Sơn-nam, Tam-giang, Kinh-bắc, Thanh-hóa, Nghệ-an, Thuận-hóa, An-bang, và

Tuyên-quang. Trường thi của ta về đời Lê thì mỗi khoa làm một lần, chỉ có nhà gianh và rào nửa. Bốn phía ngoài cùng trường thi thì rào tre nửa thật kín, trong trường chia làm bốn lần: lần thứ nhất ở trong cùng là nơi các quan Đồng-khảo, Phúc-khảo cùng Giám-khảo ở; lần giữa là nơi ở của các quan đề-điều giám-thi cùng các quan dự vào việc thi; hai lần ấy thì đều rào phen tre thật kín. Hai lần ngoài là chỗ cho học-trò vào thi, lần nọ cách lần kia chỉ bằng cái rào nửa thưa, giữa có hai con đường thành hình chữ thập, có một cái nhà tre ở giữa để làm nơi thu quyền gọi là nhà *Thập-đạo*. Nhưng cách thức ấy không giống ở Tàu cho nên trong sách *Sử giao kỷ sự* của ông Chu Xán làm khi sang sứ ta vào hồi Lê, có chép: «(Nước Nam) thì cử không có nhà cửa, (học-trò) ở trong lều tre, ngồi đập xuống đất mà viết...».

Về bản-triều khoa thi hương thứ nhất là khoa Đinh-mão năm Gia-long thứ sáu (1807), cả nước có sáu trường: 1) Nghệ-an, 2) Thanh-hóa hợp thi cả học-trò Ninh-bình; 3) Kinh-bắc là Bắc-ninh Bắc-giang bây giờ hợp thi cả Thái-nguyên, Lạng-sơn, Cao-bắc; 4) Hải-dương hợp thi cả Quảng-yên; 5) Sơn-tây hợp thi cả Hoài-đức, Tuyên-quang và Hưng-hóa; 6) Sơn-nam hợp thi cả Sơn-nam thượng, hạ, trường thi ở làng Hoa-dương, huyện Kim-dộng

gọi là trường Hiến-nam. Đến năm Gia-long thứ 12 khoa Quý-dậu đặt thêm trường Quảng-đức tức là trường Thừa-thiên sau này, hợp thi cả Gia-định, Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Khánh-hóa; và trường Thăng-long, tức là Hà-nội sau này hợp cả Kinh-bắc, Sơn-tây, Hoài-đức, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Cao-bắc. Còn trường Sơn-nam thì Hải-dương, Quảng-yên hợp thi.

Từ đó về sau, từ Nam ra Bắc thỉnh-thoảng lại có thay đổi, hoặc đặt thêm trường, hoặc dời tên trường, hoặc tỉnh nọ dời thi trường kia, nói ra đây sợ rườm-rà quá, chỉ xin nói về sự biến thiên của trường Nam và trường Hà vì sau này cho đến mãi hồi kết cục hai trường hợp một.

Năm Gia-long thứ 18 là khoa kỷ-mão, trường Sơn-nam tức là trường Nam sau này hợp thi với tỉnh Hải-dương, Quảng-yên, di trường xuống đất Vị-hoàng gọi là trường Vị-hoàng. Năm Minh-mạng thứ 6 (1825) khoa ất-dậu là năm bắt đầu có tên cử-nhân và tú-tài về bản-triều mới theo tên tỉnh mà gọi là trường Nam-định, gọi là trường thi Nam-định là bắt đầu từ đây. Năm Minh-mạng thứ 12 khoa giáp-ngọ, chuẩn định ở Bắc-kỳ đặt hai trường: 1) Trường Hà-nội thì hợp thi cả các tỉnh Hà-nội, Sơn-tây, Bắc-ninh, Thanh-hóa, Ninh-

binh, Cao-bằng, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Lạng-sơn cộng là 10 tỉnh; còn Nam-dịnh, Hải-dương, Hưng-yên, Quảng-yên thì thi ở trường Nam-dịnh. Năm Kiến-phúc giáp-thân (1884) sau khi có việc ở Bắc-kỳ, các trường thi chưa kịp sửa-sang nên cả trường Hà trường Nam hợp là một mà phụ thi ở trường Thanh-hóa, chính khoa này cụ Thám Vũ Phạm-Hàm đỗ thủ khoa mà tã thường gọi là khoa Thanh. Ấy là trường Hà trường Nam hợp một nhưng chưa thi ở Nam-dịnh; đến á khoa năm Đồng-khánh bính-tuất, hợp trường Hà, Nam và Ninh-bình là một mới lại thi ở Nam-dịnh, rồi sau nhân loạn lạc, khoa Đinh-hợi ở Bắc lại hoãn, mãi đến năm mậu-ti, trường Hà trường Nam hợp thi là một, từ đó về sau thành lệ cho đến khoa kết-cục. Đó là đầu đuôi trường thi ở Nam, tóm lại trường thi có ở đất Nam trước tiên là trường Vi-hoàng từ năm Gia-long thứ 18 đến năm Minh-mạng thứ 6 thì trường ở đất Nam mới gọi là trường Nam-dịnh.

Cách xếp đặt ở nơi trường thi (xem bản đồ), sang bản triều từ Gia-long, Minh-mạng vẫn theo như thể-lệ triều Lê, mỗi khi đến khoa thi thì sửa-sang làm nhà gianh rào nửa, thi xong lại phá bỏ đi. Đến năm Thiệu-trị thứ ba bắt đầu sửa-sang trường thi ở Thừa-thiên là trường Ninh-bắc làm ở trong thành để làm nơi thi hương cùng thi hội, thể chế rất chỉnh-đốn. Các nhà quan Chánh, Phó chủ-khảo và Chánh Phó đề-diệu cùng nhà thập-đạo cộng là 7 tòa, mỗi tòa một gian hai chái; chín tòa mỗi tòa ba gian hai chái để cho các quan

Thông chế Pétain

đã nói :

Dân Pháp tin bản-chức cũng chưa đủ, lại phải tin nữa mới được. Mỗi người Pháp phải giúp ta một tay. Thời kỳ tư lợi đã qua, ngày nay chỉ có công tâm mới đáng kể

sát và lại-phòng ở Ngoại-trường; thi viện đường, công-sảnh các quan đề-diệu cùng các lại-phòng nội-trường thì có 3 tòa mỗi tòa năm gian hai chái; hai tòa mỗi tòa sáu gian hai chái, để cho các quan sơ-khảo, mỗi nhà đều có mở cửa ra đằng sau và có các nhà phụ tùng. Các nơi cửa trường có giồng hai cái cột.

Chung quanh trường, chung quanh nhà quan đề-diệu, chỗ nhà thập-đạo giáp bốn vi, nhà quan Giám-khảo giáp nhà các quan Sơ-phúc khảo đều có xây tường kín. Trong bốn vi làm 7 dãy nhà dài mỗi dãy 17 gian, để cho học-trò, thi hương thì mỗi gian 4 người, thi hội thì hai, ba gian một người. Các nhà đều lợp ngói cả. Đó là trường thi ở Huế làm năm Thiệu-trị thứ 3. Sau khi làm xong trường thi ở Huế, có chỉ bắt các trường Gia-dịnh, Nghệ-an, Hà-nội, Nam-dịnh cũng theo như mẫu ấy, duy chỉ có trong tám vi chỗ các học-trò làm bài thì không có nhà ngói, nhà lá gì cả. Vậy trường thi ở Nam-dịnh ở vào

khu nào và làm từ bao giờ? Trường Nam làm từ năm Thiệu-trị thứ 5 (1845) ở làng Năng-tĩnh, vòng quanh cả thấy 214 trượng (53 thước rưỡi tây), nguyên có tường cao 5 thước ta, trong trường cả thấy có 21 tòa nhà lợp ngói để các quan ở.

Đại khái trường thì chia ra làm ba ngăn, ngăn trong cùng là nội-trường, giữa là ngoại-trường, ngoài cùng là nơi học-trò làm bài thi.

Nội-trường ở giữa có nhà giám-viện là nhà để các quan nội-trường hội-đồng, hai bên có hai nhà quan phúc-khảo, sau hai nhà Phúc-khảo mỗi bên có hai nhà quan Sơ-khảo, sau nhà Sơ-khảo có nhà quan Giám-sát để coi các quan Nội-trường.

Ngoại trường ở giữa có thi viện là nhà các quan ngoại-trường hội-đồng, bên tả nhà quan Chánh khảo, bên hữu nhà quan Phó khảo, ngoài nhà các quan Chánh, Phó khảo mỗi bên có một cái nhà quan Chánh Phán khảo và Phó phán khảo. Sau nhà Chánh-khảo và Chánh phán khảo có nhà quan giám-sát rồi nhà lại-phòng; sau nhà hai quan Phó cũng có nhà lại-phòng. Trong ngăn ngoại-trường về phía giáp Nội-trường lại có một ngăn xây kín bốn mặt là nơi các quan đề-tuyên giữ quyền thi và khám phách. Ở giữa có đình Đề-tuyên sau có nhà lại-phòng, hai bên là nhà quan Chánh đề-tuyên và Phó đề-tuyên. Ngăn ngoài cùng là trường thi, chia làm 8 vi, có một con đường chữ thập cách 8 vi, giữa đường chữ thập có một cái nhà gọi là nhà

(Xem tiếp trang 34)

MỘT ĐÊM GIAO-THỪA RỪNG RỌ'N

Kính tặng hương-hồn, em Hoài-Châu

Ký ức của TIÊN-ĐÀM

Vào khoảng năm 1912, thầy tôi làm việc ở tỉnh Yên-bay, hồi ấy tỉnh chưa mở mang nha-môn dựng trên một trái đồi, trước mặt trông ra chợ, chung quanh tỉnh hãy còn rừng núi cả.

Mỗi khi mặt trời tà, màn sương trắng phủ các đỉnh đồi núi chung quanh, khi núi bốc lên nghi ngút là lúc ai ai cũng vào trong nhà đóng chặt cửa lại vì đã đến giờ các ác thú (nhất là hổ) hay xuống giao-choi trong tỉnh.

Ở nha-môn cũng thế, sau hồi trống thu không — một hồi trống dờ dờ đều đều làm vang động cả thung-lũng — anh em chị em chúng tôi cũng đều ở trong tư-thất đóng chặt cửa lại nhất là đêm ấy — một đêm cuối năm — tối, đen như mực.

Thầy tôi còn đi kinh lý chưa về, ở nhà chỉ có mẹ tôi ngồi khâu cạnh cây đèn dầu, vừa khâu vừa nghe em nhỏ tôi kể truyện Quau Âm thị kính, quanh đây, chúng tôi họp nhau chơi đùa và sắp những giấy hoa-tiên, bút mực để mai khai bút.

Cả nhà chỉ còn chờ thầy tôi về là cúng giao-thừa.

Trong cái không-khí thom ngào-ngạt những trầm cùng hương một gia đình sum họp vui vẻ chuyện trò, chuyện xa từ quê nhà bên Bắc đem lên, chuyện gần công việc hàng ngày mới lại, chỉ những vui là vui...

Lúc ấy, khoảng 10 giờ đêm, gió bắt đầu thổi mạnh, u già co ro từ dưới bếp đi lên, nói với mẹ tôi:

— Bẩm bà, đầu năm sương muối, cuối năm gió nồm... tiết sẽ thuận... ra năm mùa màng chắc tốt....

Mẹ tôi cũng gật đầu từ nhưng vẫn cặm cụi làm việc.

Hết cơn gió, đêm lại tĩnh, thỉnh thoảng có tiếng vạc kêu sương, và xa xa tiếng mõ ở vọng canh bên trại lính đưa lại... ngoài giới, chắc cảnh vật rừng núi âm u lắm.

Trong phút ấy, tôi có cảm giác, rờn rợn, nhìn ngọn đèn, nhìn trộm mẹ tôi, rồi hơi lo... rồi sợ; thì quả-nhiên, ngọn đèn bỗng xanh lét, gió lại bắt đầu thổi dữ, tiếng hú qua các khe cửa, rồi ngoài hiên bỗng như có tiếng gì ầm-ầm, tưởng như người chạy, mẹ tôi, các em tôi đều im bất cô đưa em tôi sợ quá đã sắp khóc; tiếng ầm-ầm vẫn liên tiếp, rồi một sự làm chúng tôi khiếp quá là qua cái nan cửa chớp gây một vật gì giải lóng thông vừa to, vừa lóng lá thò vào quây lút mấy vòng, rồi, mấy vòng... chúng tôi cùng thét lên một tiếng... đèn bỗng tắt phụt tiếng ngoài hiên vẫn chạy ầm ầm như đuổi nhau.

Mẹ tôi là một người rất can-dảm gọi u già thấp đèn lên và gắt chúng tôi.

— Im ngay... không có gì sợ cả... chắc đùa nào ở dưới trại dọa các con đấy!

Đèn thấp, các em tôi ngồi chụm vào với nhau trong một số, mặt tái mét, tay vẫn còn run, em tư tôi đã quẩn tròn trong chiếc chăn đỏ, thò hai mắt ra, tay còn cầm đầu chăn định lại thụt vào, còn tôi vì khiếp quá, vớt cả hoa tiên, quém cả mấy câu thơ sáo đã nghĩ đề khai bút... tôi chui luôn xuống gầm hương án thờ trong trí khờ-khạo cho là đã có các cụ che trở...

Đến 11 giờ đêm, có hồi trống báo, thì ra thầy tôi vừa về, may quá! Thầy tôi vào ngay tư-thất, thấy cửa ngõ đóng chặt, gọi mãi, mẹ tôi vội rục mở cửa, thầy tôi vào, hãy còn thấy chúng tôi nháo-nhác, lấy làm lạ, hơi cau mày, hỏi:

— Chúng bay làm gì mà co-ro thế! Đã bảo cái Truyện đụn nước sắp pha nước cúng giao-thừa chưa?

Nghe tiếng thầy tôi, lại thêm có cái đèn lồng vuông lấp lánh chiếu sáng mà một tên lính sách theo, Em Tư tôi từ trong chăn nhoi ra, xuống đất, tôi cũng ở hương án chui ra, thầy tôi trông thấy bật cười hỏi mẹ tôi vì lẽ gì chúng tôi lại như thế... Mẹ tôi kể qua việc vừa xảy ra, thầy tôi chỉ mỉm cười quay ra hỏi thầy đội lệ đi theo đó có biết như thế là nghĩa làm sao.

Thầy này — chừng đã đánh chén say đi ngủ từ chập tối — nghe hỏi hầy còn ngủ ngủ, với một giọng khàn-khàn gãi tai nói :

— Bầm... bầm ngài ở đây có thần đất thiêng lắm... Khi trước quan nguyên cũng có thấy như thế... rồi sau Bà lớn cũng phải cúng tiến...

— Hừ... thầy tôi ngắt lời thầy đội rồi nghiêm nghị bảo ngay :

— Làm gì có sự hoang-đường như vậy, ai bảo thầy thế... thôi thầy tại mê ngủ rồi... cho thầy đi nghỉ.

Rồi, cha tôi đi thay áo, làm lễ giao-thừa... cái tết vừa bị sự khùng khiêu tượng đã giảm vui lại trở lại với cái không khí êm đêm...

Mồng một — sáng hôm sau — anh em chúng tôi giậy sớm, sắp quần áo nhưng còn một việc rửa mặt vẫn không anh nào giám ra sân, cứ anh nọ đúp anh kia đi trước... ngoài giới lũy còn sấm sầm... những chậu nước mùi đã chờ cả ngoài hiên mà không có ai can-đạm ra trước, sau cùng mẹ tôi phải dắt chúng tôi mới kéo ra cả ghê đồ sợ, rồi rửa vội rửa vàng lại thụt vào ngay.

Sáng rõ chúng tôi mới giám lên nhà trên mừng tuổi thầy tôi và theo thầy tôi ra công-đường khai bút.

Đến cái phút này mới trình trọng làm sao ! Thầy tôi — một nhà nho — bắt chúng tôi mỗi người phải viết một câu thơ về mùa xuân đã học, cổ-phần là thơ cổ, viết lên đĩa tờ giấy

hoa-tiền đỏ, rồi đề niên hiệu và ký tên, dưới chữ tên có biên thêm mấy chữ « khai bút đại cát » — Chúng tôi đã ngồi cả ra chàng kỷ, nhưng vì đêm trước phải một mẻ sợ, tôi bị kích thích quá sáng vẫn còn hồi rộp chẳng nhớ ra câu nào cả, cứ cầm bút mầu mè mãi... Thầy tôi ngồi ở sập, bên chiếc kỷ trắc có lư-trầm nhẹ tỏa mùi hương... đang rung đùi se se ngâm thơ... quay ra phía chúng tôi... nhìn... tôi lo quá... vội viết ngay một câu mà tôi sức nhớ :

Xuân du phương thảo địa
các em tôi lần lượt trình giấy khai bút, đến tôi, thầy tôi chỉ hừ một cái rồi bằng một giọng rất nghiêm ngài nói.

— Sao con viết câu này..! bình nhật con học đã lười .. chỉ nghĩ đến truyện đi chơi thôi... nhưng hôm nay Tết ừ cho đi chơi...

Tôi sung sướng quá vì không ngờ hôm nay thầy tôi lại dễ rãi thế có lẽ vì Tết... nếu phải ngày thường thì đã « ồm » ghê rồi (phải dòn năm ồm vào ghê đầu).

Thế là thoát nạn khai bút lại được phép đi « du xuân », tôi chạy một mạch sang trại lệ từ thầy đội để hỏi về câu truyện đêm qua, câu truyện mà thầy đã « bầm ».

Thầy đội đang nằm lim-dim cạnh bàn đèn, thấy tôi vào, ngồi nhồm dậy, ừ ỏi dựa vào gối mới tôi ngồi chơi, tôi hỏi ngay :

— Hôm qua, thầy nói chuyện ở đây có thần đất... thần đất thiêng lắm... phải không thầy ?

— Vâng ! Cậu không biết... năm trước có một quan nguyên

không cúng lễ, cậu cả đi học về treo lên cây táo chơi... ngã đây !

Tôi có vẻ sợ... ngồi im.

Ngay lúc ấy, anh Cai Truyện vừa hầu trà xong, xướng trại tìm điều cây hút, thở khói, mắt lim-dim, thấy tôi ngồi thừ đấy, anh hỏi tôi.

— Sao cậu không đi ra chợ mà xem...

— Xem gì hở anh ?

— Xem những vết chân « ông kênh » (1) to bằng bát chiết yêu một, mà lạ lắm vết ấy đi vào sào dinh... cậu à...

— Thế à ! Ghê nhỉ !

— Cậu có đi, tôi đưa đi xem ? ..

— Chịu thôi !

— Ô kia ! sao lại chịu... ông kênh ở đây có ai sợ đâu, sao cậu rất thế ! nghe đầu hôm qua, ông chỉ công mất có con lợn con của thầy phó đội... rồi qua dinh, vụt ra chợ, lâu thôi mà

— Thế à ! Ừ thì đi, nhưng anh dắt tôi nhờ... không được dọa... nếu dọa... tôi mách thầy tôi...

Thế là chúng tôi ra phố... ra chợ, chúng tôi theo vết chân, có chỗ tròn như cái bát, có chỗ đất ướt, hay rêu còn hằn cả ngón chân, rồi lạng lách... theo ấn vết ấy mà đi thì thấy quả đi vào dinh thật mà ghê nữa là ở vườn hoa, cạnh nhà tư thất, cũng có nhiều vết.

Tôi don dả chạy vào nơi chuyện cho mẹ tôi nghe, mẹ tôi thần nhiên rồi cười bảo tôi.

— Con có nhớ cái gì về vết đêm ồm qua không ? Cái dọa

(Xem tiếp trang 15)

1 Ông kênh là tiếng gọi của người đường rừng để chỉ con cọp

Nhờ'n tết năm nào...

TÔI ĐI ĐÁM CƯỚI Ở THỤY-SĨ

Ký-ức của LÊ-VĂN-NGŨN

— Trời tốt quá, anh há !
 — Phải, mưa dầm-dề như hôm qua thì khổ lắm.
 — Chúng ta nên đi mau hơn một chút kéo trễ.
 — Anh nói rất phải...Ê, mau lên ! Mau lên !
 — Đi riết, mầy !

Bị gót chơn thúc nhẹ-nhẹ vào hông, con lừa mà tôi mượn làm chơn dựng sừng hai tai rồi bước 3... bước 4. Tuy đường xuống núi ngày nay ít tuyết, nhưng đá lớn nhỏ rải-rác đầy-dẫy cũng đủ làm cho con thú khó dễ dàng tiến tới. Từ nhà anh Jean — người bạn cùng đi với tôi đây — qua chợ cách có ba ngàn thước mà chúng tôi không còn căng giò cước bộ nổi vì nghe còn mệt-mệt sau gần một ngày đứng trong toa xe lửa ngập tràn du-khách. Trước khi đi, ba má anh Jean lính đề biếu sếp-phơ đưa chúng tôi xuống làng với chiếc « Simca cinq », nhưng tôi xin phép cho tôi dùng thử cái đi này vì nó đối với tôi không những là mới-mẽ mà còn thú vị nữa. Xe hơi, đâu lại không có ! Còn lừa, tôi chưa từng cỡi một lần nào. Tôi muốn thế, một phần bởi sanh trưởng ở chốn thôn-quê, tôi còn giữ sáng-suốt trong trí-não hình-ảnh cảnh ruộng-sấy bao-la đầy lúa vàng-tươi rực rỡ với đầu cò trâu bò qua lại cùng đoàn mục-tử nghèo - ngao. Tuổi ở thành - thị đã hơn mười

mấy năm, tâm hồn tôi vẫn luôn luôn ao-ước sống cuộc đời giản-dị của nhà nông-tang và luôn-luôn khao-khát bầu không-khí mát-mẽ dịu-dàng của đồng rộng minh-mông hiu-quạnh.

Lắc qua lắc lại, ngã tới ngã lui tùy theo bước dài bước vắn của chú lừa, tôi thấy trong mình vô cùng khoan-khoái.

— Hơn tám giờ rưỡi rồi, mà còn hơn một cây số nữa. Chắc chúng mình thế nào cũng trễ.

— Họ lại nhà thờ mấy giờ ?

— Chín giờ. Chúng ta nên đi riết. Hôm qua, tôi có dùng điện-thoại cho cô Denise hay rằng chúng ta sẽ có mặt hôm nay.

— Ê ! Mau lên ! mau lên ! « Cự thượng-thơ » này !

Tôi được quen biết cô Denise và cha mẹ cô do một gia-quyển người Pháp ở Grenoble giới-thiệu. Tuy là dân Thụy-sĩ nhưng toàn gia-quyển cô chỉ biết nói tiếng Pháp vì làng cô ở cách ranh Pháp không bao xa. Có dịp gặp nhau nhiều lần, cha mẹ cô đề lòng yêu-mến tôi, coi tôi như người thân-thuộc và nhiều phen có ngỏ lời mời tôi qua nhà chơi cho biết. Tôi nay, tôi chưa rảnh mà thi hành ý muốn, nhưng tôi vẫn nuôi trong thâm-tâm cái hi-vọng tới viếng một làng ở Thụy-sĩ dạng quan-sát cách làm ăn, cuộc đời sống của dân quê nước ấy.

Bởi thế, khi đang thiệp của cha mẹ cô Denise mời dự đám cưới người con trưởng-nam, tôi không ngần-ngừ rủ ngay anh Jean — bạn học của tôi mà cũng là người đồng-hương của cô Denise — đi dự lễ. Anh Jean nhận lời liền vì, cũng như tôi, anh có dịp thiệp mời.

Lừa cứ lần bước một. Mắt tôi đương say-sưa cảnh-vật Tiếng kêu của anh Jean bỗng làm tôi phải giật mình :

— Coi kia, tụi « skieurs » lên á đấy kia. Đề coi có ai quen không.

Dưới đồi, hơn hai mươi người, lưng mang cặp « skis » dài thước-thuốt, hai tay chống gậy leo lên. Tấm khảm tuyết trắng ngần được điểm mấy « hoa đen » (1) trông càng ngoạn mục. Ngày nay tha hồ cho họ giỡn đùa, chạy bay xuống núi. Cái thú vui ngộ-nghĩnh này mà xứ nào có nhiều tuyết cũng ham chơi khiến tôi sức nhớ nhóm người bắt sò-huyết ở bãi Ngao (2) của cụ Phan-thanh-Giản, tức là ở biên Batri yêu-dấu của tôi. Trời khuya, ước cạn, dưới bóng trăng tàn, nhóm người đó kêu hú nhau trong đêm vắng. Rồi từng tốp, chơn nải quỳ trên cái mòng (tấm ván mỏng hơi cong ở một đầu), chơn kia đầy nhẹ - nhẹ trên bùn lầy, họ trảy tới lạ-làng và phứt chốc đã biệt tăm mất dạng. Đây đi skis

vì thể-thao hay vì tiêu-khiên của bức phủ-hào. Đó đi mông vì sanh-sống của con nhà nghèo-dói.

— Chào mấy anh !

— Chào hai anh ! Hai anh đi đâu đó mà ung-dung thế ?

— Đi đám cưới dưới làng.

— À, đi đám cưới anh François phải không : Thôi rán khiêu-vũ cho đã nư nhé !

Chúng tôi thúc lừa đi riết. Thật báo hại ! Minh đã trễ mà nó cứ tiến chậm như thế này thì biết chừng nào mới tới. Tuy vậy cũng nhờ sự chậm rãi tự-nhiên của con, « xi-h-thổ tại dài », tôi có thời-giờ thưởng-thức cảnh đẹp thiên nhiên mà tôi chưa từng thấy : núi non chón-chở với lơ-thơ đầy đó vài cây tùng cây bá xơ-rơ trắng-toát dưới một lớp tuyết dày. Dưới một bầu trời âm-u vân-vu, cảnh-vật hiện ra mờ-mờ như núp sau một màn khói xanh-xanh đờn-dợt. Ai chưa thấy tuyết không thể tưởng-tượng được sự băng-khuảng, sự cảm-động nó gợi ra trong lòng người. Nhưng hình ảnh mà ta thấy trong sách báo hay trên màn bạc đối với sự thật lọt-lạt như hình với bóng.

Con lừa của tôi đi nhằm một chỗ mà tuyết đã cứng như đá. Nó trượt. Tôi giựt mình ôm lấy cò nó và nói :

— « May quá, thiếu chút nữa tôi té mất. Ngày nay là tết Annam, nếu té thì « sui » (rông) lắm. »

— Uả, Tết Annam khác ngày với Tết bên này sao ? Bữa nay là Tết của anh à ? Tôi có biết đâu ! Chúc mừng năm mới nhé ! « Anh Jean đồn-dã một cách thật tình.

Keng... keng... Văng-văng không biết từ đâu, đưa tới, chia tiếng

chuông ngân trong-trẻo, thông-thả bay phảng-phất giữa sương mai.

Sau khi gởi lừa ở một nhà quen, chúng tôi vuốt áo quần cho ngay thẳng rồi lật-đặt lại nhà thờ.

Tại đây đã có nhiều người vận y phục mới. Có ở Âu-Châu mới biết rõ nghĩa chữ « bạn đồ ngày chúa-nhật » (endimancher). Nhứt là người lao-động, cả tuần làm-lụng, ăn mặc đơn sơ, người nào cũng có một bộ đồ sạch-sẽ để dành mặc ngày lễ và chúa-nhật. Dẫu không dư-giả, họ cũng nghỉ để đi chơi tùy sở-thích. Ở trong nhà-quê ta càng nhận thấy rõ cái phong-tập ấy.

Trước nhà thờ, mười con ngựa cột nơi gốc cây, giậm chơn thờ khi-khì, hơi từ mũi bắn ra như hai làn khói trắng. Đây đó, xe chổng gọng dựa góc tường. Anh Jean liền giới-thiệu tôi. Ai nấy dòm tôi với cặp mắt ngạc-nhiên vì mới lần đầu, họ gặp một người « da vàng mũi xep ». Phải chi tôi có phép nhiệm-mầu đọc thử trong trí óc họ lúc này coi họ tưởng những gì ! Ba cô con gái, ngược-nghe trong bộ cánh còn lẫn xếp, may theo kiểu cũ đã vài năm, thỉnh-thoảng lén dòm tôi rồi thì-thăm với nhau. Một ông già, đầu đội kết, râu mép lơ-thưa xụ xuống tới cằm nhưng da mặt hồng-hào, bộ-dạng quắc-thước trong bộ đồ nhung đen có sọc, hỏi anh Jean :

— Mà người này cũng biết nói tiếng mình chứ ?

— Như mình, anh Thành đây là bạn học của tôi.

Sau khi tôi « trảm » vài ba câu tiếng Pháp, ôi huyền-diệu ! ôi nhiệm-mầu ! mấy cặp mắt mà mới vài phút trước đây còn tỏ vẻ nghi-ngờ bỗng sáng quắc ra tỏ tình thân mật.

— Té ra người này cũng biết nói như chúng ta vậy mà !

Họ xúm lại chuyện vãn với tôi không ngớt, và hỏi tôi nhiều câu ngờ-ngần : « Bên anh có ngựa không ? có lừa không ? người nước anh ăn gì ? có bạn đồ như chúng tôi không ? Xứ anh ở hướng nào ? đi mấy ngày mới tới ? » Sau khi nghe tôi nói phải một tháng trường và vượt năm cửa biển, nhiều người lảng-lặng liếc dòm tỏ dấu thán-phục nga .

— Kla, họ tới kla !

Đang xa, cô Denise đã nhận thấy chúng tôi và đưa tay ngoắt. Đám cưới vừa ở công-sở ra, sau khi làm tờ hôn-thủ.

Đinh... Đong... Cà dinh ! Cà đong !

Khiến nhà thờ đồ từng chấp từng bồi tỏ vẻ chào mừng. Hai cô con gái, mồi son má phấn lại gần gần trên áo mỗi người một bông cầm chương (cillet trắng thật tươi. Cô dẫu đi với người cha vào trước ; cô lướt-thướt trong cái áo dài trắng phết gót, đầu đội khăn the trắng, tay ôm một bó hoa tường vi toàn trắng vì màu trắng là biểu-hiệu sự trinh-tiết của cô dẫu khi xuất giá.

Theo sau, chàng rể vận lễ phục đen đi với người mẹ. Rồi cả họ hàng lục-tục kéo vào. Mấy ông lão kéo giày lạt-sạt. Cây đàn harmonium dựng trong một góc mà « hàm răng nga » đã hơi lung lay vì « có tuổi » kêu ầm lên dưới những ngón tay xúc-xích của ông Xã, người đã

(Xem tiếp trang 42)

1.) Ski là khúc cây dài dùng để đi trên tuyết. Những người đi ski đều mặc đồ đen.

2.) Bãi Ngao (Ngao-châu) là bờ biển Ba tri, có nhiều sò huyết ngon và không độc.

Một phóng sự ngắn về

Cét. lánh nạn

PHẠM-MẠNH-PHAN

Qua một phố đông đúc giữa thành phố Hanoi trên vỉa hè, tôi gặp ngay một ông già phục phịch mà tôi quen đã lâu ngày.

— Chào cụ cụ hãy còn ở đây chưa về quê ?

Nhìn tôi qua làn kính trắng người tôi hỏi như định thần để nhận rõ tôi là ai, cụ liền vội đáp:

— Kia, « ông nhật trình » đi đâu đây ?

— Tôi định đến thăm cụ.

Nghe tôi trả lời, ông liền tiếp:

— May tôi vừa ở quê ra.

Câu chuyện kéo dài thì tôi vừa tới trước nhà ông trưởng giả mà tôi đã gặp. Thấy cánh cửa kính và chớp đóng nghiêm nghiêm tôi biết ngay vì tình thế hiện thời sau những cuộc ném bom rừng rợn, ông trưởng giả của tôi cũng như phần nhiều người khác đã cho gia quyến về quê.

— Cụ soi tết ngoài này ?

— Không ông ạ, giờ đất này ai dám ở. Đây ông xem các đồ đạc tôi đã cho xe đến trên chục xe chở đem về ấp.

Rõ có cửa khố về cửa. Những đòi chóc và những đòi thối mà trước ông thấy bấy đây đều phải mang đi kéo nó vỡ phỉ mất. Chính

tay tôi phải bọc rơm và đi xe nhà kèm sau. Ông tính hôm nọ cụ Nghị đằng kia sợ ý một tý mà những ông phu xe lòi thối đi đâu không biết.

— Thưa cụ, ăn tết nhà quê chắc buồn. Người tôi tiếp chuyện như có ý nhớ tiếc một cái gì liền hạ giọng đáp:

— Buồn thì đã cố nhiên nhưng tôi đã bảo các tá điền sắp sẵn lợn gạo để giã giò và gói bánh. Tôi đáng lo làm sao mua được mấy cảnh đào lợt và cây cảnh mà mang từ đây về ấp được.

— Băm thời buổi này chắc cụ cũng tiếp diệp.

Ông trưởng giả của tôi sửng sốt:

— Ấy chết, không có sao được, nam ngoài tôi đã phải mua gần 300 đồng hai cảnh đào và mười giò đồng lan mỗi giò năm mươi đồng. Chỗ mình nhà « đại gia » phải bày biện cho tươm tất. Ông tính bộ lỗ bộ của tôi trước bày ở đây tôi cũng cho mang về bày cho người ta trông vào. Và lại sáng sớm mừng một bác Tuần nổ nhà tôi có bện lại xông đất. Nam ngoài bác cháu cũng xông đất nên cả năm tôi tuyền gặp sự may. . .

Biết ông trưởng giả của tôi giờ cụ Tuần của ông ra để khoe mình là đại gia mặc dầu ông không thêm học như cũ chỉ biết đủ ba chữ kỹ, nên tôi yên lặng đứng lên cáo từ để mặc ông với cái thân hình lớn ý tròn như cái hũ trong can nhà rộng với bộ óc tối tăm như đêm hôm trừ tịch.

Tôi thầm nghĩ nếu số tiền nghìn ông sắm tết mà đem giúp nạn dân đỡ cơn đói rét thì hay biết bao. Nhưng có lẽ đó là điều không bao giờ ông nghĩ đến.

Từ nhà ông trưởng giả tôi phân vân chưa biết đi đâu trong lúc mọi người ai cũng rộn rịp sợ bom và sắm tết. Tôi sợ nhớ đến bạn tôi một công chức ở trên một căn gác hẹp.

— Anh đã nghỉ tết ?

— Không tôi còn đi làm vài hôm nữa.

— Thế chị về quê trước ?

— Ấy, mấy hôm nọ nhốn nháo tôi phải cho nhà tôi và các cháu về. Anh tính, đau nhà nho quá, ai lại từ đây về Thường tín mà hôm đó tôi phải thuê hai xe tay mất tám mươi đồng. Cụ tôi, nhà tôi và nam cháu bé với chiếc hòm quần áo xếp

mãi vào một xe không hết! Thành ra dành dụm chắt bóp được bao nhiêu phen này các ông xe ông ấy xoi cả. Tiền nhà tháng này cũng chưa có giả. Lại tết đến nơi rồi.

— Anh ăn tết ngoài này?

Một nét buồn thoáng hiện qua trên mặt bạn tôi. Rồi bằng một giọng rầu rầu bạn tôi thưa thỏ nói:

— Anh bảo tết mới nhất gì. Nhà tôi về quê cũng ở nhờ chứ có nhà cửa đâu. Một nạch mấy con mọn thì làm gì, con vú phải cho về rồi y nuôi tốn lắm. Vả lại ở nhà người ta cũng vào đâu. Có chỗ dung thân là tốt.

Ngoài này đến tôi lo cho có đủ cơm ăn hai bữa cũng còp khó. Đi làm về chiều phải vác bị ra chợ mua thức ăn về thì nấu lấy. Thằng bé con kia (anh vừa nói vừa chỉ thẳng nhỏ 12, 13 tuổi) chỉ đề coi nhà chứ làm

an gì. Mà từ hôm tôi thôi cơm lấy thì mười bữa đến năm sáu bận khô.

Tôi cười để bạn tôi lãng quên nỗi buồn man mác đang ám ảnh bạn:

— Như thế anh hơn tôi lại càng thạo thêm việc nội trợ chứ sao...

Bạn tôi ngắt lời mà phản nản:

— Nay báo động, mai báo động, ấy thế mà nhà tôi nặng nề đòi ra đề đem hấp áo nhưng ăn tết và sợ tôi ngoài này rộng căng chợ. Anh tính cứ ra, rồi báo động lại thuê xe chạy hàng chục thì lấy tiền đâu mà đóng gạo. Lo cho yên thân chứ tết với nhất gì. Thôi năm nay lấy vong linh các cụ đánh bát gạo, nén hương với ly nước lã chứ chả

còn lấy đâu mà mâm cao cỗ đầy như mọi năm.

— Cần gì anh, miễn lòng thành là đủ.

— Nhưng thấy nhà người cùng mà mình không thì đạo làm con lòng những nao nao, ai chẳng chạnh nhớ công tiên tổ mà bùi ngùi tắc dạ...

Nghe lời bạn, tự nhiên tôi động lòng trắc ẩn thấy thoáng một nét buồn trong tâm khảm.

Tàu đi

Muốn cột giăng đều giàng thếp lướt
Tinh dài vương vấn nợ phong sương
Hồn mơ dáng núi từng cơn khơi
Lòng gọi theo ga mỗi chặng đường
Chuyến choáng toa say sầu tứ xứ
Ngang tàng bánh cuộn gió mười phương
Đôi đường ăn ai song song nổi
Mây gió biển thuyền, mộng cô hương

VÂN ĐÀI

Lững thững một mình trong đêm tối, gió thổi quanh mình, nghĩ đến tết lòng tôi thấy lạnh. Trên con đường Huế vắng tanh tôi lại gần một bác phụ xe quen mặt.

Bác cùng tôi chuyện vãn trong bầu không khí thân mật. Trông thân hình gầy còm với manh áo rách tôi liền hỏi:

— Bác chắc khỏe lắm mặc thế không thấy rét?

— Thưa ông nó quen đi.

— Dịp Hanoi bị ném bom vừa rồi tôi nghe nói các bác phát tài lắm.

— Bẩm ông quả có,

Qua hiệu cao lâu tôi liền dlu người tôi tiếp chuyện vào một bàn ăn:

— Bác vào đây, ta làm châu phở tái và vài cút rượu.

Sau khi cùng tôi chén tạo chén thù rượu vào lời ra, ngà ngà say bác phụ xe của tôi chệnh choảng hơi men:

— Thưa ông thật chẳng giấu ông tự rạo châu làm xe tết này mới mát mẻ một chút. Còn trước thật chẳng lợi đồng nào mà vất vả lắm.

Hai hôm ném bom ở Hanoi cháu luôn chân mà cũng không, hết khách. Từ Hanoi vào Hadong mười một cây số mà hai mươi đồng cháu không thêm đi. Từ đây lên Vẽ cháu đi được ba chuyến mỗi chuyến 50 đồng. Đi Thường Tín bốn chục một cuộc. Một hôm cháu kéo một cụ già xuống Hưng Yên d ợ 80 đồng lừa đi lòng cháu gả vờ kêu một ki ông d được nữa, cụ năn nỉ lấy

van cháu mãi buổi ngày chỉ thêm 30 đồng lừa cháu nời d cho.

Bẩm ông nếu cứ gáp chu ế mà thỉnh thoảng lại tu tu báo độ g thì lấy tờ nghề xe kéo của cháu g cháu cũng phát tài. Cháu b ế, cười đến chết, hai vợ chồng chủ một hiệu tạp hóa g ế cháu 40 đồng về Ừng Hòa cháu không kéo người chờ g lo cuống bèn thuê một cái xe bò rồi xếp ba đứa con va li bỏ n xuống lên trên, chồng kéo vợ đẩy đi suốt đêm đề lánh nạn...

Bác phụ xe trông tôi ngồi nghe không uống bác liền mời:

— Kìa ông cạ chén đi chứ.

(Xem tiếp trang 47)

Một chuyện thú giữa người mình và người Tàu

ĐÃ CÓ KHI NÀO NHÀ THANH BẮT DÂN TA RÓC BÍM HAY NHÀ LÊ BẮT THANH-KIỀU ĐỀ TÓC ?

LONG-ĐIỀN



NHÂN đọc quyền « Quan Thám Léo vó » của ông ban Tiên - Đàm, lại nhân khảo gia thế họ Nguyễn-đang ở Tiên-du, Bắc-ninh, tôi nhận thấy một chuyện thú giữa người mình và người Tàu, trong khoảng thế-kỷ 16. Chuyện thú đó, là việc nhà Thanh bắt dân ta róc بیم theo tục họ, hay nhà Lê ta nghiêm sức những người Thanh ngụ ở nước ta đều phải theo tục bản quốc từ y-phục đến ngôn ngữ.

Nếu lấy thế-lực bình đẳng mà nói nghĩa là nếu nước ta và nước Tàu cũng là nước lớn hay nước nhỏ cả, thì hoặc thi-hành với nhau lệ « nhập ra tùy tục », hoặc xếp dãi nhau theo cách xã giao thông-thường, việc giao-thiệp sẽ tùy nghi chằm chước.

Nhưng nước ta và nước Tàu, thế lực chênh-lệ h, cường-nhược rõ ràng, mà có những giai-sự như k'á, thế mới là câu chuyện thú.

Việc nhà Thanh bắt dân ta róc بیم, chứng-cớ cũng còn truyền, đề cũng có thể có; mà việc nhà Lê bắt người Thanh đề tóc, sử sách còn ghi rõ, kẻ không lẽ rằng không.

Vậy không rõ không không có ra sao, nay xin tạm trình bày tài-liệu về hai việc đó, còn quyết đoán sự nào có, sự nào không, xin nhường những đại-gia học-sĩ gia tâm tham khảo.

Việc nhà Thanh bắt dân ta róc بیم :

Người Mãn-châu thôn lĩnh nước Tàu, diệt được nhà Minh, lập lên nhà Thanh, cai-trị dân Hán. Năm giáp-thân (1644), Thanh-Thế-Tổ vào Bắc-kinh làm vua Trung-quốc (1), bắt người Tàu bãi bỏ thói tục mũ áo người Tống người Minh, phải róc بیم mặc áo ngắn theo tục họ (2).

Trương truyền sau đó ít lâu — không rõ đích năm nào — nhà Thanh có chiếu-thư sang bắt dân ta róc بیم. Vua Lê chúa Trịnh lo sợ, vội phái đại thần là ông Nguyễn đang Cảo (3) lên Nam-quan ứng tiếp. Ông Nguyễn dâng Cảo biệt bạch xác đáng, lại đưa bài « Giải chur-hầu hoặc » và biên thuộc lòng bộ sách « Đại-học chính văn », làm cho người nhà Thanh khâm phục không dám hạch-lạc gì nữa (4).

Việc trên không những khẩu truyền trong dân-gian, mà còn ghi trong gia-phả nhà họ Nguyễn-đăng, (5). Lại ông Vũ-Phương-Đề, Tiến-sĩ khoa binh-thìn (1736), năm Vĩnh-hữu thứ 2 đời vua Lê Ý-Tôn, cũng có chép rành mạch chuyện đó trong quyền « Cống-dư tiếp kỷ ».

Và đôi câu đối :

*Lão khuyển lạc mao, do
hướng đình tiền phệ nguyệt ;
Tiều oa đoán cảnh, mạn cư
lĩnh đề khuy thiên.*

Còn đó, bài « Giải chur-hầu hoặc » còn kia : không lẽ việc không có, mà nhất đán bày ra bấy nhiêu chứng-cớ.

Ấy là xét về mặt tài-liệu.

Còn xét về mặt tình-hình hoàn-cảnh, thì nước ta và nước Tàu thế lực khác nhau. Người Mãn-châu lại là người hung hãn cường-cường, một khi đập đổ nhà Minh vào làm vua Trung-quốc, đến cả dân Tàu nhiều hơn 100 triệu, còn phải theo y phục tục lệ của họ, phương chi ta là nước nhỏ, cái công lệ. « cường lang nhược » tất không sao tránh khỏi.

Xem tài-liệu và tình-hình như trên, thì việc nhà Thanh bắt dân ta róc بیم có thể có được ;

Song xét cho kỹ, di phong cả; tục là một việc lớn, can-bệ đến danh-giáo trong dân-gian, thế-diện của nội-giống, thanh-thế của quốc-gia, mà sao chỉ thấy hư-truyền ở sách ngoài, không thấy ghi-ký trong chính-sử.

Xem ngay năm kỷ-dậu (1789) — sau 150 năm nhà Thanh cai-trị Trung-quốc — vua Nguyễn quang-Trung mang quân ra bắc, đánh bại quân nhà Thanh ; Tôn-sĩ-Nghị, chánh soái binh Thanh, ruổi vua Lê Chiêu-Thống chạy sang Tàu (6) đề mưu cứu viện. Sau người Thanh không có ý cất quân, muốn an-trí vua Lê ở Tàu, bèn thác ra chuyện cải-trang đề lừa quân địch. Vua Lê nòng việc khôi-phục, nghe họ róc

Bím ; duy ông Lê-Quỳnh và mấy vị quan từng vong kháng-khải, kháng-cự nói : « Bọn chúng tôi, đầu cắt được, chửi tóc không cắt được. » Vua Thanh đành chịu, mà còn phải ban khen là « Lê-thị trung-thần. » (7)

Như vậy, đủ rõ : bắt cả dân cắt tóc róc bím không phải là việc dễ dàng.

Lại xét : ông Nguyễn-đăng-Cảo biện thuyết với Thanh-sứ về việc bắt dân ta róc bím chỉ đưa một bài « Giải chur hầu hoặc » mà người Thanh phải chịu, như vậy là một việc ngoại giao thắng-lợi vẻ vang ; thế mà Triều-đình không thấy ghi việc ấy, cũng không giữ bản lưu-nhà bài ấy, nhà họ Nguyễn-đăng không thấy chép ở gia-phả và giữ bản tồn-cảo, ở dân-gian cũng không thấy truyền tụng bài đó ; chỉ duy, ông Vũ-Phuron,-Đề — sau 100 năm — chưa xuống bốn chữ « Giải-chur hầu hoặc » trong sách « Công dư tiếp kỷ » của ông, chứ không thấy chép được nguyên văn hay đại-lược để biết văn-lý bài đó ra sao, mà người Thanh phải phục !

Từ xưa đến nay, nhiều bài văn kiệt-tác, có can-hệ đến cuộc hưng vong của nước nhà, thường hay

ghi chép và truyền tụng trong đám nho-lâm, như :

- 1-) bức thư của Hán văn-đế đưa cho Triệu-Đà ;
- 2-) bài thơ « Nam quốc sơn hà nam đế cư » ở đời Lý ;
- 3-) bài hịch của đức Trần Hưng-đạo ;
- 4-) bài « bình Ngô đại cáo » của cụ Nguyễn Trãi ;
- 5-) bài « Di sử biện » của ông Lý văn Phức...

Mà sao đến bài « Giải chur hầu hoặc » lại thất truyền ! Thật là đáng tiếc và đáng ngờ vậy.

Xem như thế, thì ài lệu đề lại vẫn còn hàm-hỗ không đủ cho ta rõ được thực sự.

Thăm-sát tài-liệu và tình-hình như trên, ta vẫn chưa rõ được việc nhà Thanh bắt dân ta róc bím có hay không, nay lại xin trình tài liệu về việc nhà Lê bắt người Thanh, cư ngụ nước ta phải ăn mặc đồ tóc theo tục bản quốc.

Việc nhà Lê bắt người Thanh để tóc
Nam quốc sơn hà Nam đế cư !
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư...

Trời đã định cho nước ta và nước Tàu lớn bé rõ rệt. Đến Tàu là nước lớn, đối với ta là nước nhỏ, còn không thể mỗi chốc di-phong cải tục được, phương chi ta đối với Tàu bao giờ cũng một niềm lòng thuận, dầu có nhiều lần :
Bảo rằng cháu-cháu đã xe,
Tưởng rằng cháu ngã, ai ngờ xe nghiêng.

Ấy là việc đời Lý. Lý thường Kiệt và Tôn-Đản đánh Tống nam át-mão (1075) giết hại đến 10 vạn người rồi lại bắt người lấy của về nước). (8)

...Như hà nghịch lỗ lai xâm-phạm.

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

(Ấy là việc tháng chạp năm bình-thìn (1076), quân Tống kéo sang xâm chiếm nước ta, ông Lý Thường Kiệt lại đem binh ngăn chống. Trong khi ấy trên sông Như-nguyệt có tiếng ngâm đọc bài thơ trên đề giục lòng quân sĩ. Vì thế, thuyền bại thành thắng).

« Đẳng giang tự cổ huyết do hồng » (9)

(Xem tiếp trang 26)

1) Thế giới đại sử biên — Từ nguyên.

2) Khâm định chính biên quyển 34

3) Người làng Hoài-bảo huyện Tiên-du (Bắc-ninh), 28 tuổi đậu Thám-hoa khoa bình-luất niên hiệu Phúc thái thứ 4 đời vua Lê-Chân-tôn

4) Công dư tiếp kỷ, quyển thứ 2.

5) Theo lời ông Tiền Đàm, tác giả quyển « Quan Thám kéo vô »

6) Khâm định chính biên, quyển 47

7) Khâm định chính biên, quyển 47

8) Việt Nam sử lược, của Trần Trọng Kim, quyển thượng.

9) Tương truyền có một người Tàu ra cho người Việt ta một vế đối : « Đông-trụ chi kim đã đi lục », người Việt ta liền đối : « Hà g gia tự huyết do hồng ».

Vế của người Tàu nghĩa là : Cờ đồng đến nay còn đã xa h, có ý mỉa ta rằng khi xưa Mã Viện đời Đông-Hán sang đánh nước ta, về có giồng Cột đồng ở biên giới.

Vế của người Nam nghĩa là : Sơn B h-đăng từ xưa hay t cò, cũ có ý nói cho người Tàu rõ : khi Nguyễn sang xâm nước ta, đức Trần Hưng đạo đã đánh giết bao nhiêu quân Nguyễn ở khác sông ấy

Hai câu đó, mỗi người nói m - thuyết, chừa tham cứu rõ là của ai, và vào thời nào (H B. chưa : theo chỗ tôi biết thì vế đối này của cụ Trần uy, bằng nhân khoa một tuất năm Mạc Đại chính thứ 7 1536 đời Mạc)

NHÀ GIỒNG RĂNG ĐỐ Ngọc-Giao

173 hàng Bông Lò Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cần thận hơn hết — Công việc, làm nhanh chóng và có bảo đảm.

p i đương ngái ngủ
arong màn the trắng
n ở hay là một cô-dâu
kiều - d ểm trong tấm
mạng bạch mịn màng
đang đính - đạo trên
chiếc xe hoa đầy xuân
khí,

Hương trà quện
hương mai đem đến
cho tôi những phút
êm dịu. Tôi lừng quên
cả những vị cay chua
đắng chát của « chén » đời !

Thấy mai tôi liền tưởng đến
n lững ánh thơ hay, nhã nhặn và
đẹp đẽ như mai này.

Trước hết tôi nhớ tới bài *Khán*
mai khúc của Hầu phu-nhân.

Phu-nhân chắc phải là người
đẹp lắm mới được tuyển vào cung
của Tùy Dạng-đế, một ông vua đã
khé tiếng xa xỉ dâm dật nhất đời.

Một bữa, c i ừng ở trong thâm cung
tịch-mịch, phu-nhân bỗng cuốn rèm
ngó ra ngoài sân, thấy thềm tuyết
hầy còn trắng xóa, không biết
ngày nào tan chảy, phu-nhân
không khỏi nhún vai, rùng mình,
nhiều đôi mày liễu. Nhưng kìa,
hoa mai mới chớm nở một vài
bông ở đầu cành, phu-nhân tưởng
cành mai thứ nhất kia dường có
ý thương yêu mình, mới vì mình
mà trở mảy bông trước tiên ấy.
Phu-nhân cao hứng, lạnh lạnh
ngắm :

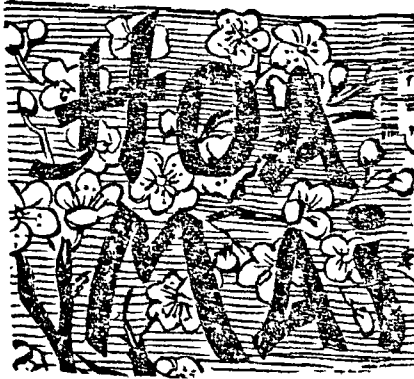
Sẽ tuyết tiêu vô nhật,

Quyền liêm thời tự tàn !

Đinh mai đối ngã hữu liên ý :

Tiền lộ chi đầu nhất diềm xuân »

BÚT
KÝ



(Tiếp theo trang 3)

砌雪消無日
捲簾時自響
庭梅對我有憐意
先露枝頭一點春

Dịch :

Thềm tuyết chưa tan chảy,

Cuốn rèm thường rìu rìu.

Trong sân mai ấy chừng yêu tớ :

Đầu nhánh, tin xuân báo trước đây !

Rồi tôi lại nhớ đến bài *Vịnh mai*
có in trong tập *Nhật - bản thi*
tuyển (Anthologie japonaise) của
Giáo-sư Léon Rosny (sách in của
trường Bắc-cổ) :

« Cửu châu đệ nhất mai

Kim dạ vị quân khai !

Dục thừ hoa châu nguyệt,

Tam canh, dạ nguyệt lại ! »

九州 第一 梅
今夜 爲 君 開
欲 識 花 真 僞
三更 踏 月 來

Dịch :

Cành mai đệ nhất Cửu-châu,

Đêm nay, nở mảy bông đầu vì anh...

Muốn coi hư thực cho rành ?

Giẫm trăng, tìm đến, lối canh ba này !

của

HOA
BẢNG

Bài này là một thiên
đoản ca ; hết thấy
người Nhật đều thuộc
lòng và thích đọc.
Người ta có thể ghép
vào bản đàn mà ca hát
được.

Trong nguyên văn,
có chữ « dạ », theo ý
tôi, tôi cho là hay
tuyệt ! Các bạn thử
tưởng tượng : Dưới
ánh trăng trong-trẻo,
êm-đềm, nhánh mai xòa ra
những bông trắng toát thơm-tho
chỉ chực đợi khách yêu hoa đến
thăm - nom thưởng thức. Bỗng
có một người, vì muốn thăm cho
biết đích xác xem mai có thật
nở bông hay không, xăm xăm
giẫm trên lối đi đầy ánh trăng
sáng, để đến ngắm cảnh nên thơ
kia thì còn thanh thú nào bằng
nữa ?

Nhưng, đó mới là nhữn thiên
giai-tác của mấy nơi xa-lạ tỏ ý
khên Mai hoặc yêu Mai, chứ chưa
phải là sản-phẩm của xứ-sở. Vì
thế, tôi lại lan-man suy-ngẫm, tìm
lấy mấy vần thơ ta xem cỡ nhân
đã có câu nào nói đến Mai trong
dịp xuân này :

Kề-ra thì nhiều. Nhưng kiểm
lấy một câu nói đến Mai mà có ngụ
biết bao tâm sự, chứa-biết bao ý-
nghĩa, tôi tưởng nên giới-thiệu
bài của Lê Cảnh-Tuân :

« Lữ quán khách nhưng lại,

Khứ niên xuân phục lại.

Quy kỳ hà nhật thị :

Lão tận cố hương Mai ! »

(Nguyễn nhậ

Dich :

<https://tieulun.hopto.org>

Một chuyện thú...

(Tiếp theo trang 23)

Ấy là việc tháng ba năm Mậu-tí (1288) tại sông Bạch-đăng, đại quân Trần Hưng-đạo, phá quân Nguyên, bắt sống được tướng Nguyên, bọn Ô-mã-nhị.

« *Giao-châu lũ kích, thi cương cao chiến cốt chi sơn.* » (10)

(Ấy là một vế câu đối của một nhà văn ngoại-quốc vịnh lúc đời Trần đánh quân Nguyên, vì quân Nguyên thời bấy giờ hùng-cường có tiếng đánh đâu được đấy, duy sang bên ta, gặp đức Trần-Hưng-đạo, mà đến nỗi thua, thấy chắt thành non).

« *Hà vật ngó cầu bĩ tự lai tống tử nhĩ!* » (11)

(Ấy là nhời vua Quang-Trung khi nghe tin Tôn-sĩ-Nghị mang binh vào Thăng-long, về đời Lê-mạt)

Như ng sau lại xin hòa, xin phong, vừa đề cho dân an cư lạc nghiệp, vừa đề làm kế hoãn binh, có ý dưỡng sức hồng gặp trường-bợp bách-thước, đủ lực-lượng mà đối phó.

Cải lối sử cương sử nhu ấy thực là tuyệt diệu, chính vì thế mà nước Tàu tuy coi ta là chư hầu, nhưng vẫn có lòng e ngại mà nước ta tuy coi họ là thượng quốc, nhưng vẫn thường hay đối đãi một cách đường hoàng.

Xem như năm binh-tí (1696), nghĩa là 50 năm, sau khi nhà Thanh vào Trung-quốc, nhà Lê nghiêm sức cho những người Thanh sang trú ngụ bên ta phải để tóc, ăn mặc như người bản địa. (12).

Nguyên từ khi nhà Thanh làm đế Trung-quốc, lễ tục cũ của

Tống của Minh bỏ đi hết cả, bắt người Tàu theo tục họ: mặc áo ngắn, cắt tóc, róc bím. Đám khách-thường sang ta buôn bán nhiều, thành ra người Nam hay bắt chước ăn mặc theo họ, vì thế Triều-dinh mới ra lệnh nghiêm sức người Thanh sang ta phải ăn mặc theo ta, còn những người nào sang ngụ, mà không có ai quen nhận lãnh thì không được tiện vào nước. Lại nghiêm cấm cả người Nam ở biên cảnh không được bắt chước mặc áo tàu, nói tiếng tàu; trái lệnh, phải tội.

Việc trên này, chưa rõ-ràng trong chính sử, tức là pho « *Khâm-định Việt sử thông giám cương mục* » là một bộ sách do vua Tự-Đức đời Nguyễn sai làm. Tài-liệu phong phú, kê cứu thận trọng, làm đến đâu lại dâng lên vua Tự-Đức ngự phê đến đấy. Thật là một pho sử có giá-trị.

Xét tài-liệu trên, thì việc nhà Lê bắt dân Thanh sang ngụ nước ta phải để tóc là rõ ràng minh bạch lắm.

Song, ta thử nghĩ kỹ xem, việc như thế, ở địa-vị nước ta là nước nhỏ, mà còn khẳng-khải kháng cự như bọn ông Lê Quýnh, huống hồ người Thanh, há lại chịu sao, mà không thấy phản nản phản-đối? Hay là họ, cho đó là « nhập gia tùy tục » giữ lễ khách vị mà không can thiệp đến chăng?

Sau 19 năm khi nhà Thanh vào Trung-quốc, tức là năm quĩ-mão (1668), bấy giờ nhiều người Thanh sang trú ngụ nước ta đến nỗi phong tục lẫn lộn, vua Lê Huyền-Tôn phải nghiêm sức các quan địa-phương xét trong thuộc hạt có người Thanh cư-ngụ thì phải tùy nghi khu xử cho ở phân biệt.

Lại năm giáp-thân (1764) — sau 120 năm nhà Thanh vào Trung-Quốc — Triều-dinh ta ra lệnh cấm người Thanh sang buôn bán bên ta không được đi ra ngoài nơi mình ngụ.

Vốn trước, theo lệ phàm người Tàu sang buôn bán bên ta, chỉ cho ở Vạn-ninh, Vân đồn thuộc xứ An-quảng, và cửa cầu, cửa Hội-thống thuộc xã Tráo-khầu (Nghệ an). Khi loạn lạc, dân siêu lưu nhiều, người Tàu mới nhân dịp ấy chiếm cư sang cả Vĩnh đại và Tráo-khầu mở phố buôn. Vì thế, Triều-dinh mới ra lệnh cho quan sở tại áp tống ra ngoài địa-phận, bắt về chỗ cũ cho ở riêng ra.

Hai việc trên như thế, (13) vậy mà nhà Thanh không hề can thiệp lại thường đối với nước ta rất là lễ nhượng, nên nhiều việc ngoại-giao của ta thắng lợi vẻ-vang.

SÁCH GIÁ TRỊ

Siêu Hình Học

của Ng. đình Thi Giá 5\$00

Phật Giáo Triết Học

của Phan văn Hùm (in lần thứ hai) Giá 3\$50

Học Thuyết Freud

của Tô kiền Phương 2.50

Triết Học Einstein

của Ng. đình Thi 2.30

Thi Hào Tagore

của Ng. văn Hai 4.80

Triết Lý về Vũ-Trụ và

Nhân-Sinh

của Phan Mật 2.30

Vàng Sao

của Chế lan Viên 2.50

Triết Học Descartes

của Ng. đình Thi 4.50

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

29, Lamblot — Hanoi

Như việc tháng chạp năm kỷ-hợi (1719), Thanh-sứ sang ta sách phong cho vua Dụ-Tôn, mới đến bắt làm lễ theo lệ Tàu ba quí, chín vái, Triều-định ta nhất định không nghe đòi làm lễ theo lối ta: 5 quí, 3 vái. Biện chiết ba bốn lần, sau Thanh-sứ cũng phải chịu theo (14).

Lại việc năm mậu-thìn (1728), nhà Thanh trả nước ta mỏ đồng Tự-Long (15).

Xét tình-hình và tài-liệu như trên, ta cũng không rõ được hẳn việc nhà Lê bắt người Thanh để tọc có hay không, và luật lệ đó có thi-hành không.

Vì việc đó không phải là nhỏ, nhất đán bắt các Thanh kiều phải đổi bỏ y phục ngôn ngữ. Dẫu Triều-định Thanh cho là sự nhập gia phải tuý tục, không ean-thiếp đến, nhưng dân Thanh cư-

ngụ bên ta há lại không có một vài người tỏ ý phản-đối hay phản-nản? Nếu có, tất trong dân gian có biết. Thế mà tuyệt không ai nói đến.

« Trăm năm bia đá thì mòn,
« Nghìn năm bia miệng hãy
còn tro tro! »

Những việc lâu từ đời bà Trưng, bà Triệu còn ghi rõ rệt trong trí nhớ của dân-gian, huống hồ một việc thế ấy, mà mới có hơn 300 năm, há đã không còn vết tích gì để khảo cứu được rõ thì thật là lạ!

Tổng kết

Nay bình-lĩnh mà xét cả tình-hình, cả tài-hiệu hai việc « nhà Thanh bắt dân ta róc bím và nhà Lê bắt dân Thanh để tọc » sự thực chưa tìm ra được, vẫn xin nhường cái nhà sử học đại-danh phê phán, như tôi đã thanh minh ở trên, nay chỉ xin lấy ý ngu kết luận như sau:

1. Việc nhà Thanh bắt dân ta róc bím có lẽ không có, mà chỉ có việc nhà Lê bắt người Thanh để tọc.

Việc năm qui-mão (1663), năm binh-tý (1696), năm giáp-thân (1764), chừng cho ta rằng việc nhà Lê bắt Thanh kiều theo tục nước ta là có.

Thêm việc năm kỷ-hợi (1719), ta lại thấy người Thanh cũng trọng quốc tục của ta vậy.

2. Nhà Lê ra lệnh nghiêm bắt dân Thanh cư ngụ ở nước ta, để tọc, nhưng họ có phản-kháng kinh-liệt vì thế nên mới có cuộc ứng-tiếp sứ Thanh của ông Nguyễn-đăng-Cảo. Mà vì thế, ông Nguyễn-đăng-Cảo mới đưa bài « Giải-chư hầu hoặc » có lẽ tức là bài văn

xin lỗi. Lại nhân lúc đồ sứ Thanh mới hạch-sách ta; ra câu đối, thử văn-chương.

3. Rồi người Thanh thời không bắt-bế nên luật bắt để tọc không thi-hành nữa, thành thử trong dân gian không ai biết tới.

4. Sau đó, ước hơn 100 năm (1736), ông Vũ-Phương-Đề mới đỗ tiến sĩ sau ra làm quan, nghề truyền tụng đời cầu đỗ và bốn chữ « giải-chư hầu hoặc » nên ông cứ chép vào sách, không khảo xét qua việc đó thực hư thế nào.

Theo ngu ý, thì lẽ là việc họ làm sang việc kia, như niều giải sự thuộc lịch sử quá khứ. Còn việc phân minh quyết đoán việc nào, có việc nào không, thì xin mong chờ ở một sử gia nào hiểu cứu tường tận cho vậy.

LONG ĐIỀN

10) Nguyên Genghis Khan (Thái h cát Tư hân) (1154-1227), người Mông cổ, hung hãn quật cường bậc nhất thời đó, đã thôn tính được hai phần ba đại lục Á. Châu là Hô-l Tát Liệt (Koubilai, 1279-1294), nổi chỉ ông (ở), nghĩ (ở) liền đã chinh phục một bắc nhiều rồi, đến mình phải chinh phục miền đông, miền nam, mới đem binh đánh Nhật và nước ta. Nhưng sang đánh Nhật, bị bão vỡ chiến thuyền; sang đánh ta, hai lần bị thua. Vì thế một nhà văn mới ghi việc ấy bằng hai câu:

« Nhật-Bảo nhất kinh nhạ nhạc tịch
trương đồng dưng chỉ thủy;
« Giao-châu lữ lịch, thị cườn cao
chiến cổ chỉ sự.

11) Tây-von thực lục.

12) Khâm định chính biên, quyển 34.

13) Khâm định chính biên, quyển 42.

14) Khâm định chính biên, quyển 35.

15) Khâm định chính biên, quyển 30.

ĐÃ CÓ BẢN:

BƯỚC ĐƯỜNG MỚI

Truyện dài tâm-lý

của Dương-Ngà giá 3\$00

Người ta thường chê người Việt-nam sống không có mục-đích, không có lý-tưởng, cho nên đời sống nhạt-nhẽo, và buồn tẻ. — Sau khi đọc cuốn **Bước đường mới** của ông Dương-Ngà, các bạn sẽ tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống, sẽ biết sống vui, và thấy đời đẹp đẽ vô cùng. — Các bạn sẽ biết hy-si u cho đồng loại, cho nghĩa-vụ, cho lý-tưởng.

PHIÊU-LƯU

Tức Hoa-Mai số 34

của Nam-Cao giá 0\$20

Giấc mơ Phò-mã

Tức Hoa-Mai số 35

của Vi-Hồ giá 0\$20

Nhà xuất-bán Cộng-Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

Xuân với vũ-trụ và thi-ca

NHẬT-NHAM

Cỏ non xanh rợn chân trời..

Mỗi khi xuân đến, màu tươi tràn ngập rừng xanh, đồng nội. Tạo vật, sau một lớp áo xanh tươi, tung-bùng rạo rức, theo dịp đàn xuân ngọt-ngào êm-dịu.

Trên rừng núi, « *cỏ cây chen đá, lá chen hoa* » : cỏ hoa nghìn sắc đua tươi. .

Dưới đồng bằng, giữa những tấm thảm xanh, đầm muông tia nghìn hồng...

Những ngọn suối, nước trong suốt đáy phản chiếu ánh dương-xuân, lững lờ buông xuôi để hưởng ứng với cảnh xuân êm-dịu, sau những cơn gầm thét, cau có, để làm việc bồn-phận trong mùa mưa lũ

Những ngọn đèo lơ lửng đầu non, giữa hai trặng thông xanh biếc vì vút trước làn gió xuân hiu hiu thổi, đa hình-dung cho một chuỗi ngày hưu-nhân dưới trời xuân, một khi đàn dê non lững-thững về làng.

Không kít êm-dịu. Cảnh-vật im lặng dưới bong d rong-xuân.

Một con ong bay qua... Rồi vẫn bầu trời im lặng và tươi sáng.

Đồng lúa xanh um đã đem lại hạnh-phúc cho nhân-loại và màu-sắc cho vũ-trụ. Hạnh phúc ấy đã được biểu-lộ bằng những câu hát nhẹ nhàng, trong trẻo của các cô xuân nữ làm cỏ trong các ruộng nương. Giọng hát từ miệng hoa cười của các cô, rồi từ giữa đồng nội vang động ra khắp vũ-trụ bao-la bát ngát.

Phải, đồng ruộng là quê hương của tất cả sinh-lực. Ta thường quên rằng mọi thứ đều phát nguyên từ đồng ruộng, từ ánh sáng từ mặt trời soi tới, để đem sinh-khí cho tạo-vật. Mỹ-thuật, sở-trường của mỗi người đều bắt đầu từ màu sắc ngọn cỏ, lá cây và giữa không gian, từ số hoa nhiều ít, từ hình-dung trái quả, từ khung ảnh của cây cối, của mây ngàn, của non xanh, nước thăm.

Phong-cảnh nơi thôn-dã có ảnh hưởng đến cuộc đời như thế, mà người thôn-quê cũng không phải không góp cho đời, để giảm những sự ưu-tư do cuộc cạnh-tranh gây nên.

Những buổi chiều xuân tại nơi thôn-đ, trực-liếp với người đồng ruộng, đã để lại cho tôi nhiều kỷ-niệm êm-đềm không bao giờ quên.

Thời-kỳ niên-thiếu là một thời-kỳ tự-do và vui sướng. Nhưng thiếu-niên nơi thôn-đ nhờ khu-vực rộng rãi của hoàn-cảnh, nhờ sự thay đổi của tạo-vật, có thể mở mang trí-tuệ và thái-thai nhiều điều mới lạ, để vừa chơi đùa, vừa học, vừa chiêm nghiệm.

Muốn làm nên sự-nghiệp oanh-liệt, cần nên ở những nơi không-khoảng, sinh-trưởng với nông dân, những dân bình-tĩnh tản-nát trên cánh đồng, trong óc có một quan-niệm riêng về vũ-trụ, một tâm-hồn tươi sáng như màu-sắc mùa xuân.

Phần nhiều người không chú-ý đến đồng ruộng và dân đồng ruộng,

không nhớ đến đồng ruộng là một quyền sách vũ-trụ, không bắt nào chép hết được, không tài lực nào đủ ghi hết được. Dân đồng ruộng tuy sống một đời thanh-đạm, giản-dị, không đủ cho thể-nhân bàn-luận đến luôn, nhưng họ rất giàu tình-cảm, họ có một kho thi-ca, phong-dao di-truyền từ đời nọ qua đời kia, một kho vô-tận, rộng rãi, bao la, bát ngát, như đồng ruộng dưới ánh dương-xuân, năm năm tươi sáng với cảnh xuân êm-dịu.

Biết bao thi-nhân đã lấy đồng ruộng làm đầu-đề cho văn thơ của mình, mà chính giữa nơi đồng ruộng đã sản-xuất ra biết bao thi-nhân ngậm vịnh về cỏ cây non nước, tạo nên một nền thi-ca rất đầy đủ, đánh dấu bước đường sinh-hoạt nông-dân.

Thi-ca không phải là một cuộc giải-trí. Các thi-nhân thường làm thơ để bớt thêm việc đời. Vì vậy đó, thi-nhân tổ cho đời biết là

Phòng thuốc

CHỮA PHÔI

chuyên môn về bệnh Phôi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Têl. 1630

Giờ mở cửa :

Sáng từ 8 đến 12 giờ

Chiều từ 2 giờ đến 7 giờ

Chủ nhật nghỉ buổi chiều

Đặc biệt: Thứ ba, thứ sáu
xem mạch, cho đơn không
lấy tiền.

Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa
giao ngân. Và muốn hỏi bệnh
gì, định theo tem 0 \$ 06, sẽ
được trả lời ngay.

còn nhiều phương-pháp hiểu đời hơn là Khoa học, luân lý, tôn giáo, trong sự sinh-hoạt hằng ngày, trong cuộc xã-giao, và trong sự sử-thể và xuất-thể. Mà mỗi người có thể tùy tài tự tạo lấy một phương-pháp để tự hiểu biết về đời. Vì vậy một thi-nhân chưa lấy làm thỏa-mãn khi đã được các tiền-bối để lại cho mình một nền học-thuật về thi-ca; gặp một dịp nào là thi-nhân trỗi dậy nhiều ít. Thi-nhân nhờ sự cộng-tác giữa mình về hình-thức và tinh-thần và những sự biến-cải của ngôn-ngữ, đã tổ-chức nên nghệ-thuật của mình về thi-ca. Như vậy thi-nhân biết được vũ-trụ, liên-lạc với vũ-trụ và cố quyền-lực đối với vũ-trụ. Rồi thi-nhân luôn luôn xét đến độ đượm sự am-hiểu vũ-trụ và đến cái quyền-lực đối với vũ-trụ. Ngôn-ngữ tiêu-biểu cho tư-tưởng, một nền tư-tưởng tự-do, trong trẻo, độc-lập. Thi-nhân giải-phóng cho loài người ra khỏi vòng còng-lòa của tạo-hóa.

Ngôn-ngữ, sau khi đã thử làm những việc không thể làm được, lại trở lại bằng thi-ca với sự thực, sự thực vô biên, có thể hứa hẹn một tương-lai đầy tươi sáng.

Loài người luôn luôn trực-tiếp với vũ-trụ và hình-dung sự trực-tiếp ấy bằng sự vui vẻ khỏe mạnh, bằng câu thơ, giọng hát. Thi-ca đều tiêu biểu cho một sự thực ở hiện-tại, một mảnh tiền-định của cá nhân. Trong chốn thâm-u của vũ-trụ, những sự hành-động thường nhật của loài người có một tiếng vang rất linh-động ! Cảnh vật bày nên một kỳ quan : nào phố-xá, nào lầu điếm, nào đường đi, nào sự hưu-quạnh, nào sự hỉ, nào, ai, lạc, nào kỷ-ức chuyện

thần-tiên, cuộc đời dĩ-vãng đều nhờ ngôi bất của thi-nhân mà được sống mãi với thời-gian

Đây không phải là phép màu nhiệm của thi-ca đã khiến loài người có thể thay một vũ trụ vui tươi vào một khổ hải vô nhai. Thi-ca chỉ là nhời nói của tiền-định cá nhân, của đời cá-nhân, địa-vị cá-nhân trong xã-hội, nỗ-lực cá nhân từng giờ phút, màu sắc và linh-lồn của một lợi-khí riêng từng người. Thi-nhân thường tự hỏi mình luôn luôn : người ta có thể làm những gì ? . . .

Và, lúc đầu, thi-nhân có thể sống một cuộc đời ẩn-dật để tìm chân lý. Nếu phấn-dấu với đời bị kiệt-quệ, nếu thiếu phương pháp để hiểu việc đời, thi-nhân có thể tự an ủi một khi đã sản-xuất bằng văn-thơ những lâu-đại hay những bài-đạo. Như vậy cũng là một dịp để chống đến không-gian. Theo nhiều người, cái quyền-lực to nhất của người ta là tạo nên cái chết, trong lúc sinh-thời và tuy còn sống cũng như sống trong cõi chết.

Nhiều điệu thơ sâu đã làm cho loài người mơ mộng, để linh-lồn phiêu diêu trên chín tầng mây, để quên hết những nỗi thông-khở của cõi trần đầy gió bụi.

Nhưng thi-nhân có thể công nhận vũ trụ và dự vào công việc thế nhân, bắt đầu từ những việc tiêu-tiết, khiến giữa nhời văn và tạo vật không có chút chi phân biệt. Thế là thi-nhân có thể lên tới một bậc tối-cao của tạo-hóa và tìm đến chỗ tận thiện, tận mỹ của cõi không.

Dù thi-nhập về giống nòi nào hay sở trường về môn nào, nhưng thi-ca là cái sách-độ từng đoạn đời, trong mọi hoàn-cảnh và mọi thời-đại của lịch-sử

Không có một sinh lực nào là không có âm điệu. Vì vậy người nào cũng có thể là thi-nhân cả. Thi-ca sẽ phổ cập khắp hoàn cầu, mỗi khi mùa Xuân đem sự vui sướng, màu tươi tươi, tươi tắn khắp trần gian.

Với thơ xuân và xuân tứ, xuân có riêng ai..

NHẬT NHAM

BẢN CỔ BẢN :

Un Poète humaniste Annamite
(Một nhà thơ cổ điển việt nam)
bằng pháp văn của cụ Thượng
Phạm Quỳnh nói về thơ văn
của thi-sĩ Phan Mạnh Danh.

Có kèm theo bản dịch ra quốc-
văn của ông Hán Thu Nguyễn
Tiểu Lãng và nhiều bài khác.
Giá : 2 \$ 00

Phan-Phong Liệt, 7 Rue de Miroir de Nung Tich, Nam-dinh xuất bản.

Một quyển sách hoàn toàn thơ
cả về hình thức lẫn tinh thần :

HỒNG KIỀU

của Phan Mạnh-Danh

tác giả Thi Văn Tập (còn rất ít và
Bạt Hoa (hết), quyển sách đã được
Đức Bảo Đại ngự khen. Giá : 1 \$ 50

VĂN-HỌC NAM-KỲ 1943

KIỀU-THANH-QUẾ



MÃM vừa qua là một năm rất đáng ghi nhớ của văn-học xứ Nam-kỳ.

Với năm ấy, Nam kỳ văn-học bước vào một kỷ nguyên mới. Năm hoạt động đã bắt đầu hưng khởi... với những cuộc lễ kỷ niệm Đờ Chiểu, Thủ khoa Nghĩa, đức Khổng tử, Nguyễn Du; với cuộc diễn thuyết có tánh cách lịch sử: *Theo dấu Cao hoàng*; với mấy giải thưởng văn chương của Hội Khuyến-học Nam-kỳ và Hội Khuyến-học Cần-thơ; với các sách của mấy nhà văn Nam-kỳ do các xuất bản xã và các ấn quán Manoi đứng in, phát hành mà đáng đề ý nhất là: *Bệnh ho-lao*, *Triết lý về vũ trụ và nhân sinh*, *Phật giáo triết học*.

Ngày 28-6-1943, Hội Khuyến học Nam-kỳ tổ chức tại nhà Hát Địa-phương Saigon lễ kỷ-niệm Đờ Chiểu rất long trọng.

Chiều hôm ấy trời mưa bụi. Nhưng thỉnh-giả đến nghe cũng đông...

Lễ kỷ-niệm bắt đầu bằng một cuộc nói thơ Văn Tiên: một người đàn bà già-nua mù-lòa vừa đánh đàn độc huyền vừa kể lại những lời thơ áo-não của một bậc tài hoa ngày trước cũng mất quan-niệm về ánh sáng như mình, còn gì ý nghĩa bằng?... Còn gì cảm động cho khán giả và thỉnh giả bằng khi được mục kích một hiện

trạng phò-bày nghèo khó và bệnh tật đề liên-tưởng đến một « nổi lòng » đã thồn thức nên hồn *Lục vãn Tiên*.

Giữa lúc ấy trời mưa lớn — như sầu, như lụy vì ai ?!

Ông Đoàn-quang-Tấn, hội trưởng Hội Khuyến-học, bước ra nói về ý nghĩa cuộc lễ kỷ-niệm. Kết luận, ông không quên nói đến « bài học về giản-dị » — cái đề năm ngoài ông đã nói trong dịp kỷ niệm tác-giả *truyện Kiều*.

Nam ngoài, ông bảo « Hội Khuyến học Nam-kỳ kỷ niệm Nguyễn Du là nhắc cho văn-sĩ nhà Nam nhớ chừng mà nổi gót theo tác-giả *truyện Kiều*, áng văn cao nhất, mà cũng là giản-dị nhất của Việt-nam vậy. »

Năm nay, ông bảo « Hội Khuyến học Nam-kỳ kỷ niệm Đờ Chiểu là nhắc cho văn-sĩ nhà Nam nhớ chừng mà nổi gót theo tác-giả *Lục vãn Tiên*, áng văn cao nhất mà cũng là giản-dị nhất của Việt nam vậy. » Nhưng ông quên cho thỉnh-giả rõ: *Lục vãn Tiên* và *Truyện Kiều*, quyền nào giản-dị hơn quyền nào; đề « bài học về giản-dị » của ông được rõ rệt đôi chút.

Dáng-diệu ông Đoàn-quang-Tấn trang nghiêm, rất hợp với phong thái một người đứng ra khai mạc buổi lễ kỷ-niệm. Nhưng phải giọng ông hơi nhỏ, trong lúc mưa nặng hạt, mà máy truyền thanh lại như muốn cọt ông từng chặp réo lên một hồi dài.

Sau Đoàn-quan, Chim-Hải-Yến biệt hiệu Hải-Đường « theo dấu Văn Tiên tìm Đờ Chiểu ».

Nghe đến biệt danh Hải-Đường, người ta tưởng tượng diễn giả ít nhất cũng phải là hiện thân của một nàng Dương quý-phí.

Nhưng đến khi diễn giả bước ra, ô! người trông khỏe lạ! Giọng nói của ông lại át cả tiếng mưa rơi, bất cần máy truyền thanh...

Cuộc nói chuyện của ông Chim-Hải-Yến có vẻ hoạt động và vui tươi. Nhưng đến đoạn Michel Ponchoa gặp Đờ Chiểu, giọng diễn giả cũng hạ thấp xuống trên sự nghèo-nàn trong-sạch của tác-giả *Lục vãn Tiên*. Có nhiều thỉnh-giả, cùng với diễn giả thành thật cảm động.

Tâm sự Văn-Tiên, nổi lòng Đờ Chiểu, ông Chim-Hải-Yen vừa nói dứt. Bước ra cô Tư Sặng một danh ca ở Nam-kỳ, cùng với tiếng đàn tranh phụ họa, bình lên bài thơ của Tây-dô Cát-sĩ (biệt danh của giáo-sư Nguyễn-lương Kiết ở Cần-thơ) vịnh về « Tâm sự Văn Tiên ».

Lời thơ đã náo nùng, giọng bình lại ai oán: một im lặng trầu xuống bao nhiêu mái đầu của cử tọa đang nặng lòng hoài niệm cồ nhân.

Bầu không-khí buồn buồn của bao nỗi mến thương tiếc hận phút bỗng bị mấy bản nhạc trầu n hàng của Lưu-hữu-Phước đánh tan!

Ai Chi-lăng, *Sóng Bạch-đăng* như hai khúc khải hoàn ca. Kéo thỉnh giả ra khỏi cơn hôn thụy đề ra về, vui tươi và phấn khởi.

Cũng trong tháng 6, ở Cần-thơ, nhóm Tây đô với Hội Khuyến-học tỉnh ấy hợp lực tổ chức lễ kỷ-niệm

Thủ-khoa Nghĩa. Và người ta lại quên tiên đề tu bỏ lại phần mộ tác-giả *Kim thạch ký duyên*. (Xin mở một dấu ngoặc đề nhắc người ta cũng nên nhớ lo tu bỏ luôn một ngôi mộ nữa ở Cần-thơ: Mộ Cử Trĩ) (1).

Ngày 9-9-1943, là « ngày văn học »! Sở Vô-tuyến-diện Saigon phát âm nhiều bài diễn thuyết đề kỷ-niệm tác-giả *truyện Kiều*. Đáng đề ý nhất là bài diễn thuyết của Nguyễn-văn-Cồn.

Cuối tháng 9, sở Vô-tuyến-diện Saigon lại làm lễ kỷ-niệm. Không-từ vào ngày 26 tây. Cũng có nhiều bài diễn-thuyết. Đáng đề ý nhất là bài Thiệu-Sơn nói về « Nho-học với Nhân đạo ».

Đến hai giải thưởng văn chương: một giải lấy tên là *giải Đỗ Chiêu* sẽ tặng trong năm 1944 cho danh sĩ nào viết được một quyển hay nhất về sự nghiệp và thân-thể tác-giả *Lục Văn Tiên*. Giữa Phan văn Hùm và Lê Thọ-Xuân, người ta không biết rồi ông nào sẽ giật giải. Nhưng Lê Thọ-Xuân tuyên bố chỉ nhất định « theo dấu Cao hoàng » mà thôi. Còn tác-giả *Nỗi lòng Đỗ Chiêu* thì lại bảo rằng cho người ta mượn tất cả tài liệu về Đỗ-Chiêu rồi, còn đâu mà viết với lách! Hãy còn một ông nữa cũng lắm lẽ tranh giải ấy: ông Trương-Chánh Nguyễn-văn-Nghĩa — cây bút năm xưa đã đưa ra đời một tập sách nhỏ về Thủ-khoa-Nghĩa.

Giải văn-chương thứ hai trong nam vừa qua của xứ Nam-kỳ là giải của bác-sĩ Lê văn-Ngôn và nhóm Tây-dô đặt ra đề khuyến

khích riêng các văn-sĩ Nam-kỳ thời. Vì thế có kẻ không bằng lòng! Nền trong quyền *Nguồn gốc văn minh* của nhà xuất bản Hàn-Thuyên, ở mấy trang cuối cùng có những lời « bóng gió » về cái giải thưởng có tánh cách địa-phương ấy.

Từ lâu, tôi có thành kiến cho rằng các bậc du học ở Pháp về đều không hiểu và viết được quốc văn; cũng như các bậc ấy đã khinh-miệt phần nhiều văn sĩ Việt-nam là bọn vô học viết báo chỉ đề nội xấu người ta, viết sách chỉ đề kiếm lợi. Nhưng mấy năm gần đây, thành-kiến ấy không còn nữa trong thâm tâm tôi. Và tôi nhận thấy các bậc đi Tây về cũng không nghĩ lầm lạc về văn sĩ Việt-nam như trước nữa. Họ đã đọc các tác phẩm của danh-sĩ Việt-nam một cách trân trọng. Riêng chúng tôi cũng sốt-sắng chờ đợi những « công trình quốc-văn » của họ.

Sách của các bậc đi Tây về xuất bản ở Nam-kỳ cũng bọn! Nhưng trong năm ngoái, chỉ có quyển *Bệnh ho lao* của bác-sĩ Lê văn-Ngôn là thấy trình bày khả quan nhất. Đến phần nội dung cũng có điều đáng đề ý: bác-sĩ Lê văn-Ngôn viết chuyện khoa-học bằng một lối văn giản-dị, kích thích. Không gì buồn bằng đọc một quyển sách khoa học! Lời ấy tôi thấy không đúng sau khi đọc tác-phẩm của bác sĩ Lê văn-Ngôn.

Ngoài những đoạn nghiên-cứu về lịch-sử bệnh lao và về các phương pháp ngừa lao, trị lao, quyển *Bệnh ho lao* có một phần đáng đề ý nhất là phần nói về bệnh lao với hôn nhân và bệnh lao với thai nghén.

Quyển *Triết-lý về vũ trụ và nhân sinh* của Phan văn Hùm tuy mang cái tên rất « triết học »; nhưng chân giá trị của nó là không phải ở những giòng chuyên trị về triết học; mà chính ở những giòng nhân cái triết lý về vũ trụ và nhân sinh đưa ra mấy bài học lịch sử đầy ý nghĩa. Phan quân đem đời người, với những phương diện sanh lý, trí tuệ, tình cảm, sánh cùng bốn mùa xuân hạ thu đông của thời tiết. Mùa xuân là mùa của tuổi trẻ Trĩ; qua hạ, thu, đến đông là mùa của tuổi già, của điều tàn. Nhưng « khi ông lẽ cả thảy đông thiên kéo dài mãi » (trang 151), « vì luật tuần hoàn đưa đẩy, cảnh đông thiên lạnh lẽo âm u mấy rồi cũng phải hết. Và một phen đã nhẹ nhàng thoát ly ra ngoài sự đau khổ, những sự thất bại, những điều kinh nghiệm đau đớn kia sẽ giúp cho ta tạo lập lại một cuộc đời mới mẻ, tốt đẹp, khác nào những lá vàng lênh lạc dưới gốc cây bỗng đập cho cây được xanh tươi » (trang 154). Từ xuân đến đông của *thời tiết* cũng như từ sớm đến tối của *một ngày*, cũng như từ trẻ đến già của *một kiếp người*.

Hết đông thì phải trở lại sang xuân;

Hết tối, hết đêm thì phải trở lại sáng sớm;

Hết già, chết thì hóa sinh kiếp khác, để lại *tươi trẻ*.

« Chung-tộc cũng tấn hóa như cá nhân. theo lẽ tuần hoàn, sự định (doanh) khuỵu tiêu trưởng cứ tiếp tục đổi thay, cuộc thế suy vi cũng có ngày phục hưng thịnh vượng... » (trang 137).

(Xem tiếp trang 45)

1) Xem Trĩ Tân số 75, bài « Ngổn mã hoang ».

TRÊN ĐUỜNG «NGHĨA-VỤ»

Truyện ngắn của KHÁI-SINH

Trong số vườn năm Ngọ dưới đầu đề «nghĩa-vụ», các bạn đọc đã rõ vì sao Văn phải dẫn thân vào chốn từ bi...

Một đêm không trăng sao, vào hôm 20 tháng Giêng, một thanh niên cứng cáp trong bộ đồ tây, gọn gàng đi ven hồ lại. Người ấy đi một cách nhẹ nhàng, lanh lẹ, mặt cho tiếng chó ở xa đang xủa gió. Người ấy đi đi để làm việc cho đời.

Hai năm qua, kể từ năm Ngọ. Đầu xuân năm ấy, Văn lần theo làn cát trắng chỗ gần chùa Bà-Đế ở bãi biển Đồ-Sơn, bước thấp bước cao, đến bến Sầm (1), ngồi một lúc rồi ngoảnh cổ lại: Kia làn nước biếc mòng mênh bắt ngát, lớp sóng bạc nhấp nhô trôi dạt vùng thái dương đỏ ối một góc trời...

Dưới chân Văn, lũ Dã-tràng xoăn xoe se cát làm cho Văn càng thêm xúc, tăng thêm cái chí lập thân. Ủi Con Dã-tràng kia sao cứ kiên nhẫn se cát dù biết chỗ cát se ấy chỉ có thể tồn tại trong khoảnh khắc.

Dã-tràng se cát bề đông,

Nhọc mình mà cô nên công-
cán gì!

Không nên rộng cái gì thực, nhưng nó cứ se, vì là nghĩa vụ của nó. Ta đây, đường đường một thanh niên, thì khôn có dĩa sức khỏe vốn sẵn, không lẽ lại vì một cuộc thất-bại trong tình trường mà liễu thân

hoại thể, ta cần phải sống tự lập, đem tâm thân bày thưởe mà đền nợ xã hội, quốc gia...

Ấy Văn nghĩ thế, nên quyết chí về Hà-nội. Nhân người anh quen một ông bạn có cái ấp trệu Thái, đang thiếu người trông nom, Văn yêu cầu ông ta lên đảm nhận việc quản-lý ấp ấy.

Văn vốn thích nghề giồng gạo, chăm nuôi ngay từ khi còn đi học đã từng ao ước: «Được một khoảnh vườn và một tú sách, thì đời tôi chẳng còn thiếu chi nữa». Vì Văn vốn tin rằng: «Xuất năm giồng hoa, cái ăn thức mặc có thể không thiếu được» (2).

Bởi vậy Văn thường ngâm nga những câu:

«Ai đi đường ấy mặc ai,
«Ta về cấy ruộng giồng đời ta ăn.
(Rân Đai)

«Mưa xuân phơi phới vườn hồng,
«Ta về đập đất, ta giồng lấy cây,
«Giồng lấy cây mong ngày ăn quả,
«Can chi mà vất vả như ai?

(Phong Dao)
«Ai giàu thì mặc ai giàu,
«Tôi về nhà tôi hái dâu, chăn tằm.
«Tôi nhàn lắm lấy tờ tờ dệt,
«May áo quần khỏi rét ai ơi!

(Phong Dao)
«Ao to là thả cá chơi.
«Hồ rộng nuôi vịt vườn, khơi
nuôi gà,

«Quanh năm khách khứa
trong nhà,
«Ao vườn sẵn đó lo là tịm đầu.
(Phong Dao)

Và bài thơ:

«Mấy khoảnh vườn còn, mấy
khoảnh ao,
«Nào nơi giồng chaốt chốn giồng
câu,

Xóm làng đi tại vui trưa sớm,
Khách-khứa ra vào sẵn củ rau
Hóng gió trên cây khi hái quả,
Xem trăng dưới nước lúc buông
câu.

Cơ buồn đất trẻ thăm vườn cảnh
Chẳng tỵ chi ai, cũng chẳng câu.
(A Nam)

Ngày ấy, nhiều người biết Văn có những tư-tưởng đó đã bảo Văn là người vị kỷ, chỉ muốn sướng lấy một mình, không thiết gì đến việc xã-hội cả. Nhưng Văn phản-đối:

«Người nào nói thế là chưa nghĩ kỹ. Ông Thái-Công ngày xưa, suốt ngày với một câu câu, cứ ngồi hết tảng đá này đến tảng đá khác ở sông Vị, công hầu phú quý mặc ai; ông Trần Đoàn cũng cứ suốt đời lấy gió giảng làm thích, coi danh lợi như giấc chiêm bao, để những người ấy đều là những người vị-kỷ cả sao? Bọn ta ngày nay không dám sánh với các bậc ấy, song cứ thiên ý tôi nghĩ thì ở trên thế gian này, trừ cái hạng vô dụng ra, còn ai là người có chút lương-tâm có thể phân làm 2 hạng một hạng ông Trời phủ cho tất thông minh, tài cán, một hạng ông Trời phú cho trí khôn vừa vừa, phải cố công cùng sức, đem hết tâm lực lo gánh vác cho xã hội, nếu không thế mà cứ tự lợi tự hại

thì mới là hạng người có tội. Còn hạng dưới không làm được những việc lớn thì chỉ bằng cứ an phận làm ăn, có dư của dư công chút nào, giúp vào mọi cuộc công ích : Thế cũng là biết đi trên đường nghĩa-vụ.

Nay cậu được cơ hội thực hành cái chí của mình nên Văn vui vẻ mà :

*« Quyết chí phen này xếp bút nghiên
Trở về vui với thú điền viên,
Văn chương vẫn biết ta vô giá,
Canh-tác xem ra lại có quyền.
Nghĩ những thiên kinh cùng vạn
quyền,*

*Sao hơn lắm thác với nhiều tiền.
Nghề nông chẳng khác chi nghề chữ
Nghĩa vụ làm dân cốt vẹn tuyền.»*
(Khai Hóa, 2-4-25)

Giữa ngày mồng một tháng hai Văn đáp ô-tô cùng với ông chủ ấp lên Thái nhận việc.

Ấp này ở cách tỉnh lỵ 5 cây số, 3 mặt sông, một mặt núi, cảnh trí rất đẹp, ngoài hơn trăm mẫu là ruộng, còn ngót 30 mẫu là đồi cỏ.

Mấy ngày đầu, Văn đi quan sát địa thế, xem xét tình hình. Thấy công việc còn phải khuếch trương nhiều, Văn mới thảo một chương-trình hai năm gửi về cho ông chủ ấp. Ông chủ xem biết cái tài của Văn, liền chu đáo ngay. Thế là Văn cứ làm :

Năm thứ nhất, Văn sửa-sang đường xá, khơi những vực nước cho chảy ra suối, mua bò ở các đồi cỏ, nuôi dê ở một khu riêng ;

Năm thứ hai, Văn cho đào các lạch con khiến nước ở suối vào nhiều để những năm hạn-hán, các tá điền có đủ nước cấy. Văn lại mở trường học cho các con cháu tá điền, tổ chức những cuộc nói chuyện về vệ sinh thường thức và các cách giồng giọt chăn nuôi cho dân ở ấp và quanh đấy hiểu biết. Ngoài ra, Văn lập một quỹ lương tế trong hàng tá-diên, mỗi khi có hoa lợi mẫu mỗ gì, các người bạn-diên đều phải trích ra một phần hai mươi bỏ vào nghĩa sường phòng lúc túng bấn thì lấy

ra mà ăn tiêu hay có các an-bê chẳng may gặp hồi đen thì sẵn đây đem ra cứu giúp.

Vì thế, suốt trong hàng ấp, ai ai cũng mến Văn, quý Văn kính trọng Văn, coi như một vị phúc tinh

Thời-giờ qua, ngày mồng hai tháng mười năm Mùi, vừa gần 2 năm. Một buổi sớm trong trời, vừng ô đỏ rực chân trời, cơn gió hiu hiu thổi mát, trên rãnh hồng thắm long lanh cánh hoa tươi, dưới ngọn xanh rử, riu riu tiếng chim nh. Văn vội bước rảo lên đồi gần nhà Văn, cảm thấy vẻ đẹp bày trước mắt : dưới chân đồi những thửa ruộng cao thấp xen lẫn giồng nước đục, trắng xóa, mấy lều tranh nhấp nhô trong đám bụi che xanh ; ... đây là đàn bò béo vàng đang ngọan ngoãn theo mấy đứa nhỏ chăn trên đồi cỏ ; kia là đám dê sặc sỡ nhầy nhót sát bụi cây rậm. ... Thật là một cảnh đầy thi vị Văn lấy làm khoái trí : Phải, được sống một đời êm đềm ở chốn này thì còn gì thú bằng ! Thực thế, cảnh vật với Văn tuy hai mà một, vì nó luyện Văn, mà Văn cũng mến nó không những Văn mến nó, lại mến cả cái xã hội giản-dị của mấy bác sống giữa cảnh vật ấy.

Này, mới mở đất, có lẽ trước khi Văn thức dậy 1 giờ, bác nông phu đã vác cây dật trâu đi làm. « Đi đi », con vật ra sức kéo, dật tuy rắn chắc nhưng cũng bị lật qua lưỡi cây sắc bóng dưới tia lửa hồ g.
(Xem tiếp trang 40)

1) Một bên đỡ cái thuyền danh cá trú lại đờ sông, giáp với biệt thự của phủ toàn-quyền.

2) Trung niên tài hoa, y thực khá dĩ vô khuyết (chữ trong quyển chữ nho học lấy của Đường Bá Trục)

XUÂN PHONG VĂN TẬP

Với những món quà văn chương đầy hương sắc :

Đón gió xuân — Xuân dư phương thảo địa — Lê Thọ
Xuân vô xuân — Phan Khôi đa tình — câu đối của Đông Hồ —
Nụ cười giai nhân và văn nhân — Lê văn Trương với đàn bà — Từ Oscar Wilde đến Nguyễn Tuân — Lỗ mũi và da của Nguyễn Tuân — Cái tát của Nguyễn công Hoan — Ngày mai của Phan trần Chú và của các nghệ sĩ Việt Nam — Ông khoa học giả dối của Trương Tửu — Một cặp bất tử : Diệu Anh, Xuân Sanh — Thơ Đa Đa hay thơ Cặp thề — Nhạc trong thơ — Kể nào nên đét và nên chém trong văn chương Việt Nam — Trọng quốc sử Lê đại Hành hữu công hay đắc tội ? — Ngọc Hào vương phi (lịch sử tiểu thuyết).

Bìa chạy litho nhiều màu. Mỗi tập dày dặn khổ lớn : 2 \$ 20

Mua bốn C. R. gửi về 303-304 Pétrus Ký Cholon

Các nơi trường thi...

(Tiếp theo trang 15)

Thập-đạo nghĩa là giữa con đường chữ-thập. Thẳng nhà thập-đạo ra đằng trước có một cửa gọi là cửa Tiền, cửa này chỉ để riêng cho học-trò khi làm bài xong ở trong trường đi ra. Bốn vi đằng trước gọi là vi Giáp-nhất, Giáp-nhị, Ất-nhất, Ất-nhị; bốn vi đằng sau gọi là Tả-nhất, Tả-nhị, Hữu-nhất, Hữu-nhị. Mỗi vi có một cửa ra ngoài để cho học-trò vào và một cửa ở trong đi lên nhà Thập-đạo. Ở tám cửa để cho học-trò vào, trước hôm thi mỗi cửa cho treo bảng biên tên những người nào vào vi nào, học-trò vào xong thì các cửa ấy đóng lại. Trong trường có ba cái tròi; cái giữa cạnh nhà Thập-đạo để các quan Ngoại-trường ngồi coi học-trò làm bài; hai cái hai bên ở vào giữa con đường từ tả sang hữu tám vi, có quan ngự ngoại-trường và nội-trường để giám sát cả quan trường và học-trò.

Các quan-trường nghĩa là tất cả các viên-chức ở trường thi, xin chia làm hai hạn cho dễ hiểu.

A. — Một ban là các quan chỉ chuyên việc chấm quyền thi: có một quan Chánh chủ-khảo, một quan Phó chủ-khảo là quan ngoại-trường; hai quan Giám-khảo, 4 quan Phúc-khảo 8 quan Sơ-khảo là quan Nội-trường. Mỗi quyền thi do quan Sơ-khảo chấm trước, dấu chấm son ta, rồi đến quan Phúc-khảo dấu xanh, Giám-khảo dấu hồng đơn, quan Chánh Phó khảo chấm sau cùng để định được hay hỏng, chấm bằng dấu son tằm. Nếu quyền nào quan Sơ, Phúc, Giám đánh hỏng thì đến phần quan Phân-khảo xét lại và chấm,

quyền nào đáng đỗ thì lại giao sang quan Chánh, Phó định. Quan Chánh, Phó và Phân-khảo lại còn trông coi việc soạn quyền chia thể. Việc soạn quyền chia thể làm ở sở đề-diệu ở giữa Ngoại-trường và Nội-trường, bốn bề xây tường kín làm nơi đựng quyền, không quan chấm trường nào, được đi lại chỗ đó, chỉ có trước ngày tiến trường năm sáu hôm, quan Phân-khảo đến đấy soạn quyền đề tên vào các thẻ gỗ, đem thẻ trộn đều lên rồi chia làm 8 vi, tên nào vào vi nào viết lên bảng treo ở cửa vi gọi là bảng cửa.

Vào khoảng 10 giờ đêm trước hôm học-trò vào thi, 8 quan trường đều bận đại-triều ngồi trên 8 ghế chéo ở tám cửa để đốc thúc lại-phòng soạn quyền xướng tên phát cho học-trò vào thi. Quan Chánh chủ-khảo ngồi cửa Giáp-nhất, quan Phó cửa Ất-nhất; 2 quan Giám-khảo Giáp-nhị, Ất-nhị, 2 quan đề-tuyên tả-nhất, hữu-nhất; 2 quan Phân-khảo tả-nhị, hữu-nhị. Khi học-trò vào xong, các quan hội-đồng ở nhà Thập-đạo đề ra đầu bài; yết ở một cái bảng dựng trong từng vi về phía nhà Thập-đạo. Khi hết hạn, các học-trò ở các vi đem nộp quyền ở nhà Thập-đạo rồi theo cửa tiền mà ra. Lại-phòng thu quyền đóng dấu bỏ vào hòm rồi giao cho các quan Đề-tuyên coi việc đọc phách cùng chia quyền cho các quan đề-chấm.

B. — Một ban là các quan trông nom việc thi; Có hai quan Đề-tuyên ở trong trường chuyên chủ việc đọc phách, khắp khách, soạn từng hiệu phong lại. Việc này thật là nghiêm-mật, và hai viên quan ấy chỉ dùng người lại-diễn nghĩa

là không đỗ gì. Khi quyền văn đưa đến, 2 viên ấy đem đánh dấu đọc phách tên họ học-trò cất kín đi, chỉ đem quyền văn đưa chấm, khi chấm xong, các quan chấm thi lại giao lại hai viên đề-tuyên đem phách cũ mà đính lại. Hai viên đề-tuyên chỉ được biết ai đỗ ai hỏng, chứ không có quyền cho ai đỗ ai hỏng.

Một quan Ngự-sử ở Nội-trường đốc suất 4 viên mật-sát đi khám xét công-việc ở Nội-trường. Một viên Trưởng-ấn ở Ngoại-trường đốc suất tám viên thẻ sát khám xét các công việc ở Ngoại-trường. Các viên ấy tuy không được dự chấm quyền thi, nhưng mà hết thấy các công-việc ở trong trường, từ quan Chánh chủ-khảo trở xuống ai có sự gì tình tiết không công hay trái phép thì quan Trưởng-ấn và Ngự-sử đều phải kể tội mà tâu về triều. Trong ngày thi việc canh-phòng trong trường giao cho 8 người đội thẻ sát dưới quyền quan Ngự-sử. Trong 8 người đội ấy, 4 người chuyên giữ việc gian-lậu, coi cả quan-trường cùng học-trò, còn 4 người để giữ trật-tự. Các quan-trường có chừng 40 người lại-phòng đó các thuộc các tỉnh cất ra để giúp đỡ, hoặc viết bảng, hoặc sao chép, v. v... Suốt cả các vụ thi quan Đề-đốc và Lãnh-binh tỉnh Nam phải đem lính điểu quanh ngoài trường để canh-phòng. Còn học-trò, ai cũng phải sắm-sửa đủ các đồ cần dùng, lều, chiếu, yên, trống và một cái cháp trong đựng đủ các thức: bút, giấy, nghiên, mực

dao, kéo, dùi, com, nước và các vật-liệu dùng trong một ngày, nhưng cần nhất là một cái ống gỗ đeo ở cổ để đựng quyền thì gọi là ống quyền, và không được mang một tờ giấy có chữ nào. Đêm hôm vào trường phải đủ các vật-liệu ấy, mà phải mang lấy, đứng đợi ở cửa vì nào có tên mình. Khi xướng đến tên, dựa vào mà vào lĩnh quyền bỏ ống rồi vào trường đóng lều đợi khi có trống hiệu có đầu bài ra chép về mà làm. Những quyền mình lĩnh đó là quyền đã nộp ở các quan Đốc-học các tỉnh sau khi đỗ hạch; các quan Đốc đệ vào trường đóng dấu rồi mới phát cho.

Lĩnh quyền xong, đối thể-sát sai lĩnh, lục soát khám xét kỹ càng rồi mới cho vào trong vi. Người học-trò nào mang sách vở hay văn cũ thì phải đuổi ra ngay, người ấy cả đời không được đi thi nữa, lại đem già-hiệu ba ngày. Còn học-trò vào trong trường chính lệ ra phải đóng lều cho nghiêm-chỉnh, sao đầu bài mà làm văn, không được đi lại hỏi nhau, người nào trái phép thì đuổi ra. Cho nên có khi cha con anh em cùng một nhà mỗi người ở một vi, không được gặp nhau.

Hết kỳ thứ nhất, thứ hai đến kỳ thứ ba, quyền nào có phê, thời các quan đề-tuyên, soạn đem những quyền kỳ thứ nhất, thứ hai cùng thứ ba của từng tên đóng thành một tập, thông-tính ba kỳ giỏi cả, đem kê quyền ấy tên họ là gì, tư trình quan Ngoại-trưởng, chiếu tên ra bằng phúc hạch.

Ài được vào phúc hạch, trước một hôm phải đóng quyền cách-thức cũng như quyền thi rồi đem nộp cùng với lều chiếu ở nhà Thập-dạo. Quan trưởng sai lĩnh thu lấy đem chia đóng ở 8 vi, xét mỗi tên viết vào một cái biển có đóng ở trước lều, mỗi lều cách nhau chừng 20 thước tây để không hỏi nhau được.

Sáng sớm ngày phúc hạch, các tú sĩ đều chực ở cửa trường đợi xướng tên rồi lĩnh quyền. Quan trưởng sai lĩnh đưa từng ngời vào vi, nhận lấy tên mà ngồi yên trong lều làm văn vì mỗi lều đã có một bản đầu bài đề sẵn. Khi phúc-hạch không ai được ra khỏi lều, nếu ai trái phép thì phải đuổi ra ngay.

Làm xong bài đem chấm, ai giỏi thì đề vào bảng Cử-nhân, ai trung-bình vào bảng Tú-tài còn ai kém thì hồng bản. Bảng Cử-nhân lệ có xướng danh treo bảng, vua ban cấp cho mũ áo và giày văn hài, đến sáng ngày hôm sau theo các quan trưởng và quan tỉnh đến vọng-cung lạy tạ rồi lĩnh cổ yển. Đến như bảng Cử-nhân thì bằng gỗ đằng sau bảng có vẽ hình con hổ, còn bảng Tú-tài thì làm bằng phen tre mà không có xướng danh.

Việc trường xong rồi, các quan trưởng soạn những quyền đỗ và những quyền được vào kỳ thứ ba đóng cả vào hòm đệ về kinh giao cho bộ Lễ hội-dồng tam nha là bộ Lễ, Nội-các và khoa-đạo để xét lại tâu vua ý cho. Trong những quyền đỗ nhớ ra có ai phạm trường qui, phạm huỷ, viết nhầm lẫn hay văn kém còn phải đánh hồng; còn những quyền quan trưởng trót đánh hồng những văn giỏi thì có khi lại lấy đỗ. Các ông cử thì đến tháng giêng năm sau phải về kinh thi hội, vì có khi vào thi hội, nhớ ra văn kém quá thì mất cả cử-nhân.

Đó là cuộc thi hương trường Nam từ lúc vào thí cho đến lúc đỗ Cử-nhân, còn phải thế nào mới được vào thi cùng cách học từ thuở bé những thế nào mới đủ tư-cách đi thi, xin kê qua sau đây.

Trước năm có khoa thi ở các tỉnh có một kỳ thi gọi là Hạch đề chọn học-trò cho đi thi. Ai tỉnh nguyện xin thi phải do lý-trưởng sở tại khai rõ họ, tên, tuổi, quê-quản và vẫn là người lương thiện không rạn án bao giờ mới được nộp quyền hạch, gọi là loại khai. Trên quyền hạch cũng đã phải theo như cách thức quyền thi, ngoài tên tuổi quê-quản ra lại phải khai rõ học-trò ai, gốc tích mình từ ba đời; cụ, ông và bố làm nghề gì, chức gì, còn hay mất. Các quan Huấn, Giáo các phủ, huyện phải xét hạch xem ai học thông thì làm danh sách đệ lên tỉnh, quan tỉnh hội đồng học-nha xét lại xem ai khá có thể thi đỗ được thì đệ danh sách vào bộ Lễ để biết rõ số học-trò là bao nhiêu mà cử quan chấm trường. Thế gọi là đi hạch, ai đỗ hạch có giấy sức về làng đem quyền thi để phan mình nộp tại quan Đốc, mỗi người phải nộp cả quyền ba kỳ, thu xong gần đến ngày thi các quan Đốc đóng hòm đệ xuống Nam nộp các quan trường để phát cho học-trò.

Đó một phần về lĩnh thức của khoa cử nước nhà. Còn cái chân tướng về tinh thần của khoa-cử, tại sao mà thịnh, tại sao mà suy, có lẽ đều do cách học sai lạc. Ta muốn biết kỹ, cần phải khảo sát. Khoa cử có lúc có nhân-tài, có lúc không có. Nay ta qui công hay qui tội cả cho khoa cử có lẽ chưa phải là định-luận.

TRẦN-VĂN-GIÁP
(Xem bản-dề trang 41)

THƠ XUÂN ĐỜI HỒNG-ĐỨC

(Tiếp theo trang 9)

Trúc thụ

Kỳ-viên dưỡng dự nẻo sơ đông,
Tiền mặt đầu cành thuở gió dong.
Giá chẳng xâm hay tiểi cứng,
Giăng những tỏ biết lòng khong.
Đài vương-tử vắng nhàn xoang phượng,
Trầm cát pha thanh dễ hóa rồng.
Thiên-hạ tri âm hay cò mấy,
Mai thì ngư sử trượng phu tùng.
(Hồng-đức..., tờ 45 b).

Quân-tử trúc

Giống lạ giang lăng ắt được dành,
Một mai nắng chiếu được cao-danh.
Lòng không chẳng vả phó niềm tục,
Khi cứng hằng thì một tiết thanh.
Sớm còn đeo chim phượng đỏ,
Khuya chờ mọc chấu rồng xanh.
Kham chi thể gọi là quân-tử,
Sương tuyết nào hề biến mình ?
(Hồng-đức..., tờ 45 b-46 a).

Hải-đường thụ

Trầm-hương ngày vắng sạ sơ xong,
Hoa hai-đường đã một giấc nồng.
Nghĩ ngại tóc loan trăm chữa vén,

Mơ-màng tin điệp nhị con phong.

Lầu xuân chứa tỉnh ba canh nguyệt,
Trướng vóc thêm ngưng một đoá hồng,
Chờ thuở ổn tuyền khi tắm đã,
Tốt tươi dễ động hừng huyền-lôn.

(Hồng-đức..., tờ 48 a)

Tàn-xuân lữ-xá (Cảnh lữ-thứ buổi tàn xuân)

Hoa bay nước chảy cũng vô tình,
Giò quện xuân đưa đến Sở-thành.
Hồi-diệp mơ-màng nhà mấy dặm,
Tử-quì khắc khoải nguyệt ba canh.
Thư nhàn dễ cách lòng nên bạc,
Tóc tuyết khôn cầm thức lại xanh.
Nẻo ấy chẳng về, về ắt được,
Năm hồ cảnh vắng, có ai tranh ?
(Hồng-đức..., tờ 29 b)

Thiên-hạ thái-bình

Thụy ứng điềm lành thuận gió mưa,
Đường Ngu đem lại Thái-hòa xưa.
Giữa giới chêm-chêm áo vàng đất,
Tám cõi lâu-lầu được ngọc phau.
Ài tắt ngòi lang không nở quét,
Bề thanh lâu thộn phẳng như tờ.
Ở yên mấy kẻ lo nghèo trước,
Tĩnh nước lòng mây đại chẳng chừa.
(Hồng-đức..., tờ 36 a)
Ứng-hoà NGUYEN-VĂN-TỔ

Một cuốn sách quý (đang in)

Sau trận thủy chiến ở Bạch Đằng, trận Đống đa là 'một võ công oanh liệt nhất ở trong sử ký Việt-Nam ; muốn biết rõ những cách hành binh cùng sự toán thắng, xin các bạn đón coi :

QUANG TRUNG

lịch sử kỹ sự của HOA-BÀNG

Một quyển sách có nhiều tài liệu mới lạ về triều Tây-sơn.
Xin nhận mua trước tại :

Ty xuất bản Tri-Tân

95-97, Chanceaulme — Hanoi

Nhà Thục và nhà Triệu

(Tiếp theo trang 7)

có thể đứng vững được thì Thục-Phán chẳng phải là người nước Thục ở miền Tứ-Xuyên (5) mà chính là một người lỗi lạc trong dân Việt nổi lên cầm đầu trong khi nguy biến mà dân không có chủ. Cái tên Tây-Âu, hay Tây Âu-Lạc Lạc hay Âu là do người Tàu dùng để gọi xứ ấy, để phân biệt với các rợ Việt khác, như Đông-Âu, chứ không phải do Thục Phán dựng nước rồi đặt quốc hiệu. Bấy giờ Thục Phán bèn xây Loa-Thành ở Phong-Kê, (nay là làng Cồ-Loa, huyện Đông-an, tỉnh Phúc-An) để phòng bị quân nhà Tần.

Điều tôi nói đây chỉ là một ức thuyết do một câu sách Hoài-Nam-tử (làm trước năm 123 trước kỷ-nguyên). Nhưng nếu sau này có chứng cứ khác lắm vững-vàng

thêm ức-thuyết ấy thì các nhà sử cũ (như Toàn-thư và Cương-Mục) đặt nhà Thục vào sử nước ta cũng không phải là làm càn.

Trong tạp-chí Tao-Đan số 3 (1er Avril 1939), ông Ngô-Tất-Tô (6) cho rằng thành Cồ-Loa hoặc là do người Hán đắp, hoặc là do Ngô-Quyền (Ngô-Quyền đóng đô ở Cồ-Loa) đắp, chứ quyết không phải là có vua Thục dựng lên thành ấy. Ông cho rằng các nhà chép sử nước ta chỉ bằng vào sách *Lĩnh-Nam trích-quái* mà gán thành Cồ-Loa cho vua Thục và đưa vua Thục vào sử mình.

Nhưng theo lời chú của họ Diêu (Diêu văn-Hàm) ở sách *Quảng-Châu-Kỷ* về đoạn nói vua Thục thì ta thấy họ Diêu đã nói rằng An-Dương vương đóng đô ở Phong-Kê, mà Phong-Kê thì là tên huyện (theo sách *Hậu-Hán-thư*), đặt ra từ đời Hán Kiến-Vũ, ở khoảng giữa sông Cả-Lồ và hữu ngạn sông Nhị-Hà, tức là miền mà hiện nay còn thấy dấu tích của Loa-Thành (7). Ta nên hiểu câu của họ Diêu là An-Dương-Vương đóng đô tại đất mà nhà Hậu-Hán đặt làm huyện Phong-Kê. Họ Diêu là người đời Tấn (265-420) có lẽ căn cứ vào những tài liệu hoặc những truyền kỳ ở bản xứ. Vậy thì cái thuyết vua Thục đóng đô ở Phong-Kê, nghĩa là ở miền tỉnh Phúc-An ngày nay, đã có từ thế kỷ thứ 4 thứ 5 rồi. Dù vua Thục có xây Loa-Thành hay không thì ta cũng có thể nhận rằng Thục-Phán hay An-Dương-Vương đóng đô ở miền Bắc-Kỳ, thì nước Âu-Lạc, có thể là đất Lạc-Việt (8) hay Giao-chi.

Lại có thuyết cho rằng vì An-Dương Vương là người Thục đến

đánh diệt Hùng vương mà gồm chiếm đất đai (theo thuyết chính thống xưa nay), thì ta phải xem An-Dương-Vương là kẻ chinh phục chứ không thể xem nhà Thục là một triều vua chính thống của ta được. Thuyết ấy cho An-Dương Vương là người ngoài cũng chưa có chứng cứ chắc chắn đầy đủ, nên ta chưa thể tin được.

Song, dầu An-Dương Vương là người Việt hay là người ngoài đến chinh phục đất Việt, ta cũng không có lẽ nào bỏ chuyện An-Dương-Vương mà không chép vào sử của ta.

(Còn nữa)

ĐÀO DUY ANH

5) Sách *Khân Định Việt sử thông giám Cương mục* (ngoại kỷ, 1, 3 b) cũng nói rằng: Nước Thục, từ đời Chu (năm 316 trước kỷ-nguyên) đã bị nhà Tần diệt, và cách đền 2, 3 nghìn dặm, nước Thục làm sao mà vượt qua các nước khác để đi chiếm Văn Lang? Gọi rằng Thục đó chỉ là một họ nào ở lân cận nước Văn Lang ở miền Tây Bắc.

6) Nước Nam không có ông An-Dương Vương nhà Thục.

(7) Theo L. Arousseau.

(8) Theo sách Du địa chí của Cồ Hy Phùng ở thế kỷ thứ 6 nói rằng: đất Giao-chi đời Chu là Lạc Việt, đời Tần là Tây Âu hay Tây Âu Lạc.

(9) Sử-ký, quyển 116 — Xem luận Tiền-Hạ thư, quyển 95

HÃY ĐÓN XEM

XUÂN TÂY ĐÔ

— Bài vở đặc sắc của Lê văn Ngón, Tổ phụng Tây Đô cát sử, Trục thần, Trường sơn chí, Trình Tường, Hoài văn, Trần ngọc Lân, Nguyễn văn Mười.

— Bìa láng bốn màu,

— Hì họa

— phụ bản 30 x 40 ba màu in litho rất mỹ thuật do họa sĩ Nguyễn văn Mười vẽ và trình bày

XUÂN TÂY ĐÔ

là một TẬP SÁCH TẾT mà mỗi gia đình đều phải có trong lúc Xuân về.

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam.	3 \$ 50
Tinh các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa phôi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa tre con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00
cước quyền lớn 0 \$ 69, nhỏ 0 \$ 30.	

Hỏi : M. Nguyễn-xuan Dương-Lạc long 22 Tientsin Ha 101.

Từ tinh-thần quốc-gia...

(Tiếp theo trang 11)

cho con, được tin ấy khóc oà (động khốc) rồi kéo quân về (938). Những giọt nước mắt ấy chấm hết cho cuộc đô-hộ Tàu, đã kéo dài hơn mười thế-kỷ trên nước Việt vậy.

Bắc cự. — Đuổi được quân Tàu, gây nền độc-lập, dân Việt lo sắp-đặt trong nước, củng-cố lực-lượng của mình. Nhưng người Tàu chẳng khi nào quên « Nam-châu » là miếng đất béo, nên không dễ sót cơ-hội tốt nào mà không qua xâm-lấn, chực quận huyện nước ta. Nhưng tinh-thần quốc-gia và sự liệp nhất mà dân tộc ta đã mua được với một giá quá cao là những nỗi ki-ô-sở ngót mười thế-kỷ dưới chính-sách tham-làn của người Tàu, gặp những lúc Bắc-xâm, lại giúp dân-tộc ta chiến-đấu cho đến thắng-lợi, mà bảo-toàn đất nước cùng giống-nòi.

Được các triều vua nối nhau un-dúc, xây-đắp thêm, tinh-thần quốc-gia càng ngày càng mãnh-liệt, đến nỗi sau này, về cuối đời Hồ (1407), trong nước vì nhất đán lòng người ly-tán, nên bị quân Minh sang đánh, đặt cuộc đô-hộ (1414), nhưng chẳng bao lâu, toàn-quốc lại do một vị đại anh-hùng là Lê-Lợi đứng chỉ-buỵ, nổi dậy (1418); rồi sau mười năm « năm gai nuốt mật, chải gió tắm mưa » (6), đuổi đợc quân Tàu ra khỏi nước.

Bài thơ « Nam quốc sơn hà Nam đế cư » ở đời Lý bài nghị tướng sĩ của Trần-quốc-Tuấn, bài thơ thuật-hoài của Đặng-Dung bài *Bình ngô đại-cáo* của Nguyễn-Trãi, các áng văn ấy đều « ầy-dầy một quốc-hồn, khi thì hùng-

đống, khi thì bi-ai, nhưng lúc nào cũng nồng nàn, thấm-thía.

Nam tiến. — Nhưng dân Việt sanh tụ mỗi ngày mỗi nhiều, chẳng bao lâu thấy chỗ dung-thân thành ra hẹp-hòi, bèn tìm cách mở-mang đất nước. Phía Bắc, nước Tàu to lớn, hùng-cường, làm thế nào mà tranh đất của họ được? Phía Tây, rừng-núi hiểm-trở, chỉ còn mỗi một con đường là vào Nam vậy.

Suy hiện-tại có thể biết dĩ vãng; xem cách người mình bây giờ lên Lào và qua Cao-man làm ăn, có thể tưởng-tượng được dân-tộc ta đời xưa đã đánh nước cô Nam-tiến thế nào. Đầu-tiên là một cuộc di-dân êm-ái: dân Việt làm như vết dầu tràn sang, canh-khẩn các mảnh đất mà người Chăm bỏ hoang, hoặc làm các việc mà một dân-tộc không cần-lao bằng dân-tộc ta không thêm làm, như thương-mại, cố-công chẳng hạn. Đối-phó với sự phản-động của dân bản xứ, khi còn lẻ-loi, yếu kém, thì ta dùng mưu, đến nay dân-gian còn kể lại hai mưu-mô kỳ-quặc mà theo họ thì người mình đã dùng để phỉnh người Chăm. như trồng tre, trở gốc lên Trời (7) và xây thành bằng cốt (8). Rồi chẳng bao lâu nền kinh-tế các khoảng đất ấy lọt vào tay ta, khi ấy ta ra mặt chiếm lấy.

Chắc-hắn người Chăm cố giành lại đất-đai của họ, nhưng người Việt đã vững chân mất rồi. Người Chăm đến ít thì di-dân Việt vác cuốc và nấp sau những lũy tre đã trồng lên một cái tài-tình như vừa nói trên, mà trống cự lại. Quân Chăm kéo đến dòng-chăng? Thì di-dân Việt đã có hậu-thuần chắc-chắn là những đạo binh Việt ò-ạt,

hùng-hồ tiến vào. Đến khi ấy binh-lính Việt, chẳng những lấy các mảnh đất đã có người Việt ở mà thôi, lại còn nhân tiện thắng tay chiếm thêm đất-đai nữa, rồi cho di-dân vào làm ăn. Nhưng chẳng bao lâu tất cả các khoảng đất nói trên kia đều đầy dân Việt, đến khi ấy làn sóng Nam-tiến của dân ta lại nhưng cự tràn vào.

Năm 1069, Lý-Thánh-Tông lấy ba châu Bố-chính Ma-linh, Địa-lý (9) Đến 1306, người Việt đòi chiến-lược, dùng sắc đẹp của Công-chúa Huyền-Trần đánh lấy hai Châu Ô, Lý; (10) Rồi vua Hồ-Hán Thương giựt châu Amaravati (11) (năm 1402). Nhưng oanh-liệt nhất là vua Lê-Thánh-Tông diệt nước Chiêm-thành, lấy thêm được châu Vi-jaya to rộng (1471) (12).

Trên bước đường Nam-tiến, sở dĩ ta đã thành công rực-rỡ như thế, chính là nhờ một tinh-thần quốc-gia đồng-bộ, nhờ sự hợp-nhất mạnh-mẽ (*forte unité*) của dân-tộc ta, nhờ nhà vua biết đặt quyền-lợi quốc-gia trên thành-kiến, trên quyền-lợi cá-nhân, trên cả quyền-lợi gia-đình. Tôi muốn nói đến việc vua Trần-Anh-Tông, chẳng đề tai đến các lời gièm-pha, chẳng kể đến cái lễ-giáo hẹp-hòi, mà gả công-chúa Huyền-Trần cho vua Chăm. (13) Bà Huyền-Trần phải chẳng đã hiểu được đôi phần lẽ hy-sinh cao-thượng của vua Trần-Anh-Tông, nên mới « nước non ngàn dặm ra đi » như thế — ? Ta hãy nghe vài lời than-thở mà nhà thi-sĩ vô-danh đã đề vào miệng công-chúa Huyền-Trần :

« Nước non ngàn dặm ra đi
Mỗi tình chi !

Mượn màu son phấn
Đền lặn Ó, Ly,

Vàng lộn theo chì !

Nhưng,

Vì lợi cho dân,

Tình đem lại mà cân,

Đặng cay muốn phần ;

Nỗi lòng vì nước vì dân ấy, tình-
thần quốc-gia ấy, cũng tràn-trề
trong bài Chiếu thân-chính Chiêm-
thành của vua Lê-Thánh-Tông.
Ngài đã viết :

(Vua tôi Chiêm-thành) « Phát
chứng điện lại dăm nghĩ
xằng, xưng vua bác mà cho
vua ta là cháu ;

« Buông thoi ngược bỏ điều
nhon-đức, hiệu nước Phật
mà đòi nước ta làm tôi ».

« Coi dân ta nhẹ hơn là cỏ
rác, nở sinh lòng bò-chét hại
người ;

Cho nước ta dễ lấy như đánh
cờ, mong tìm cốt Bồng-Nga
lúc nọ ».

Vì-thế nên vua Lê-Thánh-
Tông mới :

« Chỉ thu công trong một
buổi, mà rửa thẹn cho trăm
vua.

« Đã vì dân trừ nạn cũ của
sáu keo ;

« Không nuôi giặc để HỌA
SAU CHO CON CHÁU. »

Nhưng, như trên đã nói,
trong lịch - sử thường xảy ra
lầm chuyễn bát ngát, người cầm
quyền dù cho hăng - minh tài-
tử đến bậc nào, cũng không ngăn-
ngừa được. Các vua Việt, như
muốn diệt giặc Hồi để trừ loạ
sau cho con cháu, nhưng vì rặc
ngài quả băng-hai nên đã gây ra
trong nước tai-họa tam phần ngũ
liệt, như ta sẽ thấy sau này.

(Còn nữa) .

Mãn khánh DƯƠNG-KY

6) Chữ của Lê Tang, trong bài
lồng luận nói trên kia :

7, 8) Ở Quảng bình, tại huyện Bò
trạch còn lượng một con bò của
người Chăm Dân vùng ấy thuật lại
như thế này : Người Việt vào ở đây
rồi giành nhau đất với người Chăm.
Sau người Việt đặt ra một cuộc thi
tài, ai hơn thì ở, ai thua phải đi.
Người Chăm vốn chạp trờ khéo thì
phải chạp một con bò bằng da, nếu
bò da ấy biết cử-động thì người
Chăm hơn. Còn người Việt phải
trồng một cây tre, trở gốc lên Trời,
nếu cây tre ấy sống thì người Việt
hơn. Người Chăm thật thà nhận
cuộc thi kỳ-dị ấy, chạp một con bò
bằng da, nhưng ôi thôi ! rồi vọt mẩy
cũng chẳng chịu đi, đến nay còn
nằm ỳ trong bụi rậm. Còn người
Việt thì trồng tre trở gốc lên Trời
thực, nhưng ban đêm lên ra quay
gốc xuống đất, nên cây tre sống :
người Việt hơn.

Chuyện trồng tre này ở Thừa-
thiên người ta cũng có kể ; nhưng
các ông lã mà tôi đã hỏi chuyễn
lại nói thêm rằng : vì có chuyễn
đấu-tri ấy nên nay người mình, khi
nào trồng tre, cũng lấy bẹ chuối bọc
đất ướt vào đầu chổng tre (thực ra,
bọc như thế để cho chóng tre khỏi
phải khô trước khi bén rễ), Hồi xưa,
khi ta thi với người Chăm, trước
mặt họ, ta trồng một chổng tre đầu
xuống đất, gốc lên Trời, nhưng sợ
nắng khô rễ tre, nên phải lấy đất
và bẹ chuối bọc lại. Rồi, thừa đêm
lỗi, ta trở đầu chổng tre xuống đất ;
nhưng muốn cho người Chăm khỏi
nghĩ ngờ, người Việt lại lấy bẹ
chuối bọc đất vào đầu chổng tre

làm như gốc vẫn còn giờ lên Trời
thực.

Người Việt ở chung quanh thành
Lôi (tên Nguyệt biên, Thừa thiên)
thuật lại rằng thành ấy do người
Hồi (Lôi) xây lên trong một cuộc
đấu tri với người Việt. Hai bên
thách nhau rằng, trong một thời
gian nhất-định, bên nào xây được
một bức thành dài, cao hơn bên kia,
thì được ở, bên thua phải đi. Tài
kiến-trúc của người Chăm không
cần phải nói ai cũng biết là hơn
người mình nhiều. Họ xây mau lẹ
và tài-linh quá : cứ lấy đất ước
nặng gạch, sắp thành thành, rồi chắt
lúa đốt. Nhưng người Việt đã có
mưu sẵn, họ đan một bức thành
khổng lồ bằng cốt, ở ngoài phết với
màu gạch và kẻ đường chỉ giống
như gạch thực ; rồi đương đêm
dựng bức thành cốt ấy lên. Đến
sáng, Người Chăm thấy bức thành
ấy cao và dài hơn bức thành của
họ nhiều, tưởng thật, nên chừa thau,
kéo nhau đi, giao đất và thành của
họ cho người Việt.

Những truyền-thuyết ấy, lẽ tất
nhiên ta không thể tin là hoàn toàn
thực được, nhưng cũng cho ta ý hội
qua loa cách Nam tuyền của dân tộc
ta khi xưa thế nào

9) Tỉnh Quảng bình và một phần
tỉnh Quảng trị, cho thâu Cửa Việt
bây giờ.

10) Một phần Tỉnh Quảng trị và
Tỉnh Thừa thiên bây giờ

11) Tỉnh Quảng - Nam và Tỉnh
Quảng ngĩa bây giờ

12) Tỉnh Bình-định bây giờ

13) Bây giờ có người hiểu sự để
về quốc ngữ chế độ việc gả Công-
chúa cho vua Chăm. Sự chế độ ấy
chắc là gay gắt lắm vì mãi 200
năm sau này, mà sử gia Lê-Tang
còn viết trong bài lồng-luận nói trên
kia như thế này : Đem một vương
cơ đang kình gả cho Chăm, người
biết giữ lễ không ai làm

Nhưng những bậc anh hùng, như
vua Trần-Anh Tông, nghĩ đến việc
lợi lâu dài cho quốc gia sau này,
thường đi trước thời đại, thì khi
nào thêm đề ý đến sự chế độ của
người đương thời, đang mà quan
bơi nh rug thành kiến lập hội cổ hủ

Dạy học thuốc và chuyên
chữa nội-khoa
theo thầy-thức

ĐÔNG-PHƯƠNG

chỉ có ;

Thượng-Đức

15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tin-nhiệm hoàn toàn

Trên đường nghĩa-vụ

(Tiếp theo trang 33)

Ruộng tuy rộng, đất đảo lên vẫn theo luống thẳng mà cặp chân da đồng chưa ngót bước đều.

Quá trưa, lúc chim ẩn dưới bóng cây, cá chìm đáy nước, ngọn cỏ héo rấp trên mặt đất nóng, con trâu mới được nghỉ ngơi.

Chiều chiều, khi tham đồng lúa, lúc phát cỏ bờ, luôn luôn bác sẵn câu hát trên môi. Kia mấy cô gái thơ ngây gánh nặng trĩu-trật trên vai đã từ làng bên kéo qua thung lung cắt cỏ trên sườn non xanh. Cô nào nhi-nhảnh mà bác chẳng ghẹo một đôi câu :

« *Hỡi cô gánh cỏ bên đồng,
Đề tôi gánh đỡ cùng chung một nhà...* »

*Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho anh cắt với chung tình làm đôi ;
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng ! »*

(Phong-dao)

Ơn vua lộc nước, bác không ao ước, mà có lẽ cũng không hay

biết, bác chỉ cần làm hết bổn phận của một tên dân lành.

Bác sống bằng cơm ngô, cơm khoai, bác mặc quần cộc, khoác áo vá, khi ngủ cây, lúc phơi sương ; bác đâu có nghĩ gì đến việc thế giới chiến tranh, quan tâm gì đến vận hội nước nhà.

Về phần Văn, được sống cái đời giản dị như bác nông - phu đó, được xuất hàng ấp miễn tài đức, Văn càng nghĩ cách làm cho cái ấp cậu đứng quản lý đó được thêm phần thịnh-dạt.

Ông chủ ấp thấy mỗi năm hoa lợi mỗi tăng, cũng rõ biết cái công của Văn không nhỏ, nên năm đầu, trừ số lương hằng tháng, ông lại tặng thêm Văn mười lăm phần trăm cái số ông thu được ở ấp ; năm thứ hai, số hoa hồng ấy tăng lên hai mươi nhăm phần trăm, thành ra mới có vừa vặn hai năm giới, đúng hôm 30 tháng chạp năm nay Văn đã đề dành được cái vốn tới sáu nghìn đồng bạc.

Hồi tưởng cái Xuân năm Ngọ, nếu Văn không sớm nghĩ tới tương-lai thì có đâu được như

thế, vì vậy, Văn vừa trích ra số tiền ba nghìn đồng giúp vào công-cuộc bài-trừ nạn « dốt ». Còn ba nghìn đồng, vẫn đang tìm mua một ngôi nhà ở Hà-nội có thể cho thuê được độ hai mươi đồng một tháng, Văn sẽ dùng số tiền thuê ấy làm một cái học bổng Vinh-viên cho một học-sinh nghèo ở một trường Canh-nông thực hành.

Một buổi tân xuân Văn cùng bạn uống trà, ngắm những bông đào đương chớm-chím, Văn nói với bạn : « Tôi mong các bạn thanh niên nước ta nên làm việc tùy theo sở năng. Nếu ai có đủ điều-kiện và hợp sở-thích nên trở lại với thôn quê, nghĩ đến sự sinh hoạt nơi đồng ruộng, chốn vườn trại để các sản vật của ta được dồi-dào, tốt đẹp, hòng chen chân lấn bước trên thị trường thế giới. Phải chăng đó cũng là một nước bước trên đường « Nghĩa vụ... »

KHÁI SINH

ĐA CỐ BẢN

Triết học Descartes	4\$50
Triết học Einstein	2.30
Phật giáo triết học	3.50
Siêu hình học	5 00
Học thuyết Freud	2 50
Triết lý về vũ-trụ và nhân-sinh	2 30
Thi hào Tagore	4.80
Văn hào Tolstol	2.40
Luận Tụng	1.50
Vàng Sao	2.50

HÃY ĐỌC

TRĂNG MA LẦU VIỆT

của Quách Tấn
(Viết theo bộ Tân Biên Truyền Kỳ của cụ Nguyễn Dữ)

Phiếm luận về

AUGUSTE COMTE

của Ng. Ái-Lang

MÁI TÂY tức Tây sương Kỳ

Bản dịch của Nhượng Tống

HÁT DẠM NGHỆ TĨNH

Khảo cứu của Ng. đồng Chi tác giả

« Việt nam cổ văn học sử »

ĐANG IN

Vương dương Minh

của Phan văn Hùm

Việt-Nam cổ văn học sử

quyển II

của Ng. đồng Chi

Lý Tao

bản dịch của Nhượng Tống

Triết học Aristote

của Ng. anh Nghĩa

Truyện dị thường

của Edgar Poe

(bản dịch của Mộng Huyền)

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT 29 LAMBLLOT HANOI

Chú ý.—Trong năm 1944-45 ngoài những sách triết học, văn học, sách dịch, nhà xuất bản Tân Việt còn cho ra n.ất độc giả những tác phẩm giá trị về khoa học, xã hội học, kinh tế học do các ngời bút chuyên môn về các khoa ấy.

Nhân một năm qua

NHẬT-NHAM

TRONG khi khắp thế - giới đương chìm đắm trong vòng khói lửa, trong cơn giông-tổ, riêng xứ Đông-dương được thanh - thoi ngoài cảnh núi xương, sông núi, đề tiến-hành mọi việc về văn-hóa, xã-hội, chính-trị. Được như thế là nhờ cái vận may-mắn, lại nhờ sự khôn - khéo của các nhà cầm-quyền, nên dân-chúng Đông - dương, tuy có bị thiệt-thòi ít nhiều về sự tàn-phá của quân địch, nhưng so với các nước dự - chiến, cũng đã tránh được nhiều nông nổi thâm sâu của chiến-tranh, vẫn được sống một cuộc đời bình - thường, tuy không sung-túc nhưng cũng không thiếu thốn nhiều. Trước cảnh-tượng hoà-bình ấy, giữa trăm mối lo âu hằng ngày, người Pháp cũng như người Nam vẫn không quên đoàn-kết với nhau, nỗ - lực để phấn-dấu với mọi nỗi khó khăn, hăng-hái thẳng tiến, để giúp Chính-phủ cải tạo xã-hội về mọi phương-diện.

Nhân một năm qua, ta thử tóm tắt công việc của Chính-phủ đã thực hành từ đầu năm 1943 đến ngày nay :

I — *Những công-cuộc cách-mệnh quốc-gia đã thực-hành tại Đông-dương và nhất là ở Bắc-kỳ.*

— Truyền - bá những phương-pháp cách-mệnh quốc-gia để cứu-vãn lấy cái nền-tảng luân-lý của xã-hội. Những phương-pháp ấy hợp với cổ-tục di-truyền, đã tạo nên một phong - trào để duy-trì những phong-tục cổ-diễn của ta,

— Cải-tạo văn-hóa và phát-triển văn-học (mở mang việc học : đặt trường Đại - học về khoa - học, dựng Học - xá, dạy môn - học về Viễn-Đông, bành-trướng nền học binh-dân như mở trường làng, trường công - nghệ thực - hành truyền-bá những điều cần - thiết về vệ-sinh, canh-nông và dưỡng-súc. Khuyến-kích việc lập các hội xuất-bản như thư-xã Alexandre de Rhodes, vân vân)

— Thu-dụng các nhân-tài, tuyển bổ vào những chức giám-đốc (đặc - cách thuyền - bô các viên chủ sự, mở kỳ thi tuyển các quan hành-chính, tư-pháp và các học-quan).

— Mở mang nền thê-dục và phong-trào thanh-niên trên khắp cõi Đông-dương. — Mở các trường thê-dục và các trường huấn-luyện thanh niên. Công việc của Tổng-ủy-ban thanh-niên, thê-dục đã đem lại nhiều kết quả mỹ-mãn.

II — *Sự hợp-tác Pháp-Nam có ích - lợi và cần - thiết như thế nào ?*

Sự hợp-tác giữa tinh-thần Pháp và nỗ-lực Nam càng ngày càng cần-thiết và có nhiều sự ích-lợi,

— Cải tạo về mọi phương-diện : tuy tinh-thể hiện-thời có bề nghiêm-trọng, nhưng chính - phủ Bảo-bộ đã cải-tạo chương - trình học-quy, tổ-chức lại ngạch tư-pháp, khuyếch-trương nền tiêu - công-nghệ, mở rộng các thành - phố Hà-nội và Nam-định và sửa-sang lại miền Sài-gòn — Chợ-lớn, cùng thực-

hành những công việc vệ-nông và trị thủy tại miền nam xứ Trung kỳ

— Làm thực hiện cái tinh thần đoàn - kết của Liên - bang Đông-dương. Nhờ có mấy truyền thanh mà các huấn-lệnh được phổ-cập, những điều mới lạ được lưu-hành một cách có hiệu - quả trong dân gian.

— Việc mua và bán thóc được Chính-phủ giám-sát. Nhờ thế dân-chúng không bị ăn lãi và tránh được nạn đói kém. Chính - phủ lại bài-trừ những nạn chợ đen, có ảnh-hưởng đến cuộc sinh hoạt của quần-chúng.

III — *Sự hòa-bình tại Đông-dương.* — Đương lúc năm châu khói lửa, biết bao gia-đình phải búi-ngùi trước cảnh tử biệt sinh-ly biết bao người phải uống sương, ăn tuyết, gọi sủng, tắm bom, thổ mà riêng xứ Đông dương được yên ổn, thanh thoi ngoài vòng nước sôi, lửa nóng.

Cũng có một vài thị trấn Bắc kỳ bị quân-địch tàn phá, nhưng nhà chức-trách đã hết sức liệu các phương-pháp để cứu-vãn tình-thế. Nhiều nhà từ-thiện tự-ý quyền tiền giúp nạn-nhân chiến tranh và hằng ngày có rất nhiều đồng-bào ta hưởng-ứng giúp vào quỹ cứu-lệ Bắc-kỳ.

Nhờ vậy, sự thâm - sâu của chiến-tranh cũng giảm được nhiều phần và dân chúng Đông dương cũng đỡ được nhiều nỗi lo âu. Trong bước khó-khăn đã thực-hiện cái tinh thần đoàn - kết giữa hai dân-tộc Pháp Nam,

NHẬT-NHAM

Nhơn tết năm nào...

(Tiếp theo trang 19)

biến nó cho nhà thờ. Đứng một bên, cô con gái của ông trong bộ y-phục rất tân-thời dương-dương tự-đắc kéo đờn violon nghe cũng hay-hay. Đối với phụ-nữ trong làng, có lẽ cô là người « bảnh » nhất về mọi phương-d diện nên cô có dáng như kiều kỳ. Nhưng nếu bỏ cái kiều kỳ ấy ra — và lại người con gái nào đứng vào địa-vị cô mà không thể! — cô đâu phải là người mà hạng « tu mi » ao-uớc. Mà sao đương ở trong giờ phút trang-nghiêm này, tôi cứ quan sát lờithời, lẫn thẩn thẩn!

Một giọng hát ò-ò nổi lên. Anh thầy giáo đã đứng tuổi mà tôi định là người có học nhiều nhất trong làng, hát một bài ca tụng. Giọng lên giọng xuống rang rang hoá rất ăn nhịp với đờn. Nhưng, rồi thay, anh rón lên cao quá nên phải hụt hơi rồi bỏ rơi một đoạn làm nhà nữ-tài-tử phải rùng vai. Trên bàn thờ, ông cố đạo làm lễ đã xong, đeo vào ngón tay cặp uyên-ương hai chiếc nhẫn vàng. Cuộc lễ tới đây chấm dứt.

Tân-Lang và tân giai-nhơn rút vào phía sau bàn thờ dựng ký tên vào sổ. Họ-hàng kéo vô sau chúc mừng, người bắt tay, người ôm cô dâu hôn chùn-chụt trên gò má. Một lần nữa, tiếng kiêng vang lên inh ỏi: tin vui mừng loang khắp hơng-thôn.

Ra ki ời nhà thờ, cô dâu ôm tay chú rể, rồi ai nấy đứng theo sau, từng cặp, một người đàn ông và một người đàn bà. Tró-trêu thay! Cô Emilie, nhà nữ-nhạc-sĩ mà tôi tự-do bình-phẩm khi nấy, lại « bị » cắt đi dôi với tôi. Rồi cả đoàn

theo thứ-tự kéo ra làng, đi hết phố này sang phố khác.

Tuyệt lai-rai chẳng sót một nơi nào, Gió hiu-hiu hắt nó vào đầu, vào mặt đoàn dự lễ. Nhưng mặc kệ.

— Ô, ra coi đám cưới!

Trẻ con trong nhà tung cửa chạy ra, có bọn chạy theo bao chung-quanh cô dâu chú rể, lảng-xăng cười nói. Hai bên đường, cửa sổ trên lầu mở loát để lộ ra lỗ-nhỏ đầu người.

— Chúc mừng!... Hạnh-phúc!

— Cảm-ơn!... Cảm ơn!

Không những chỉ buông tiếng chúc mừng ồ ạt, họ còn liệng xuống nào bông giấy, bông thiếp, nào giấy xanh đỏ cắt nhỏ (confettis), nào cuộn giấy đủ màu (serpentins). Chúng tôi qua chỗ nào, chỗ đó đều có bông và giấy vàng, xanh, trắng, đỏ che trời lợp đất.

Cô Emilie siết chặt tay tôi, thỏ thẻ:

— Lạnh quá, chú há! Bên chú, đám cưới có vui như vậy không!

— Vui lắm. Có lẽ còn ồn-ào, vui-vẻ hơn bên này nữa.

Như đã quen nhau lâu ngày, vừa đi tôi vừa thuật chuyện cho cô nghe những nghi-lễ trong đám cưới ở xứ ta. Tuy nhiên, tôi không quên thêm bớt ít nhiều làm cô tưởng tôi là một ông hoàng đi lạc và Việt-nam là một cảnh Bồng-lai. Luôn dịp, tôi cũng không quên « thả » ra vài câu sáo đặc-biệt á-đông tán-tụng tài cô về khoa âm-nhạc. Mấy câu sáo ấy như một cục ngải có hiệu-lực diệu-kỳ, vì sau khi thổi nó ra rồi, tôi dường như nghe mấy ngón tay mũi viết của cô lần-lần siết chặt lại và ngo-

ngoe trên tay tôi như lúc nãy uyên-chuyên trên tơ đờn.

Bảy giờ rưỡi tối! Đèn khí trong tiệm ăn lớn nhút trong làng sáng rực như trăng một đêm thu. Trong lò lửa, một khúc gỗ kèch-xù đang cháy lên ngùn-ngụt. Khi anh Jean và tôi vào tới, khách có mặt sớm mai ở nhà thờ đã tề tựu đủ vì chiều nay có tiệc đãi cả họ-hàng trai lẫn gái. Cô Emilie đương đứng sửa bông huệ trong bình, thấy tôi, lật-đật chạy tới nắm tay nói:

« Hai anh tới trễ quá làm tôi tưởng đã về mất rồi chứ! »

Khách-sáo nữa, tôi thốt: « Về vội sao được vì tôi biết đêm nay cô cũng lại đây. »

Cô háy tôi, rồi thân-mật: « Tôi đã sắp anh ngồi gần bên tôi. »

— Thế thì vui lắm! Còn gì hơn nữa?

Sau khi chào hỏi mọi người, chúng tôi ngồi vào tiệc. Giữa mỗi khoảng bốn người ăn, trên bàn để sẵn một cái xoong nhỏ, dưới có một ngọn đèn leo-lét. Trong xoong, một vật trắng-trắng như hồ đương sôi ừn-ừ. Gì mà lạ vậy? Đã ngụ hơn mười năm bên Pháp và nhiều lần qua chơi nước Ý, Thụy-sĩ, tôi chưa hề ăn một vật chi như thế. Tuy vậy, tôi cũng làm bộ biết rành, không hỏi-han chi cả, chỉ đợi người ta khởi-sự đựng cốc coi theo mà hành động. Tôi liếc qua phía cô Emilie, thấy cô lấy dao cắt bánh mì ra từng miếng nhỏ. Tự nhiên, tôi cũng bắt chước làm theo. Rồi cứ việc mạnh ai nấy lấy nửa mình xăm miếng bánh mì, chấm vào xoong mà ăn coi rất ngon lành. Cách ăn này cũng nên cho là lạ, vì ai cũng biết không

khi nào người Âu-châu ăn chung trong một đĩa, một xoong bao giờ. Họ cho thế là ghớm-ghiếc lắm. Và đây, thật khác hẳn! Tôi cũng chấm bánh mì vào... Thấy dễ chịu làm nữa... rồi nữa... Trong xoong ấy chỉ toàn là phở-mách nấu tạt ra sệt-sệt, ăn thật thơm-tho. Có người còn... tiếc của, tuy xoong đã hết sạch, còn lấy bánh mì vét cho sạch thêm hơn. Không biết cách ăn ấy chỉ ở đây mới có hay ở đâu cũng thế? Ngày sau, trong khi chuyện-văn, tôi mới hỏi khéo anh Jean. Tôi mới học được rằng vùng này, nhứt là ở Fribourg, người ta thích ăn phở-mách như thế lắm. Ăn và uống rượu. Chút trắng trước khi dùng cơm như ở xứ khác người ta uống rượu khai-vị vậy.

Hết món này đến món kia. Trong phòng ồn-ào như nhóm chợ. Nút sâm-banh nổ lấp-lấp. Tôi nhận nó là tiếng pháo mừng xuân từ Việt-nam vang dội đến nước non này. Tôi từng cà-phê, một cụ đã già-nua đứng dậy. Cô Emilie ra dấu biểu mọi người im lặng. Với giọng run-run, cụ hát một bài chúc mừng rất xưa mà ngộ-nghĩnh. Rồi anh thầy giáo đứng lên, sửa lại cặp nhãn kính tăng-hằng vài ba tiếng, rút trong túi ra một xấp giấy trắng đầy những giống chữ lằng-nhằng. Là một nhà

mô-phạm, một bậc tri-thức đáng kính trong làng — và cũng có lẽ hỏi anh ta biết chúng tôi cũng có chữ ít nhiều — trong hơn ba mươi phút, anh tuôn ra dài dặc nào triết-lý, nào luân-lý, nhiều vì nhiều màu. Mấy người nhà quê trong đám ngó không chớp mắt, lằng-lặng thưởng-thức mấy câu văn đầy ý-nghĩa cao-xa mà cổ lỗ họ không hiểu thấu...

Đến lượt cô dâu. Cô đứng dậy vui tươi, cời mành the trùm đầu mà cô mang khi ở nhà thờ xuống, rồi mỗi người dùng kéo cắt lấy một miếng nhỏ. Theo phong-tục Âu-châu, chút vải mỏng ấy sẽ đem lại cho người nào có nó nhiều điều hạnh-phúc. Tôi cũng cắt lấy hai miếng: một, cho tôi và một, tôi trao cho cô Emilie với nụ cười mà tôi muốn hết sức... có duyên?

— Vật quý này sẽ đem đến cho cô một ông Hoàng mà cô mong-ước. Mà cô muốn ông ấy như thế nào?

Cô mỉm cười, đáp:

— Dễ thương như chú vậy lỵ..

Tiệc đã mãn, ai nấy đều đứng dậy. Bàn ghế dẹp lại một bên. Cuộc khiêu-vũ bắt đầu vô cùng vui-vẻ. Một anh trai-trẻ — có lẽ bởi anh không biết khiêu vũ hay còn e-lệ — tình nguyện đứng ra lựa đĩa hát và quay máy hát. Mọi người — ông già bà cả cũng thế — ôm nhau từng cặp đi theo nhịp đờn một cách dịu-dàng. Sản trong góc có một cây « đờn máy », anh Jean bỏ hai xu vào lỗ ở bên, cây đờn bỗng tự-nhiên trời lên một bản tango xèn-xèn cũ kỹ. Xu này rồi xu khác. Đĩa này rồi đĩa nọ. Cuộc khiêu-vũ cứ tiếp tục không ngừng, Thoạt nhiên, anh

Jean vỗ tay biểu dừng yên cả rồi, hô to:

— Bà con có biết không? Ngày hôm nay lại là ngày Tết của anh Thành đó. Ở bên xứ anh, người ta không ăn Tết một ngày với xứ mình.

— Vay à! Vay à!

Đoạn ai nấy xúm lại bắt tay tôi và nói: « Chúc mừng năm mới! » Nhiều cô xin phép hôn tôi. Cô Emilie cũng chạy lại đề hai môi tốt đẹp của cô trên gò má tôi và thì thầm: « Ông Hoàng của tôi ời! Tôi chúc ông được muôn điều hạnh phúc trong năm mới đây! » Tôi rung động cả người...

Nút sâm-banh nổ nữa. Người nào cũng muốn cụng ly với tôi. Nhều cô còn bắt tôi uống riêng với nể cô một ly nữa. Tuy không phải là độ-tử trung-thành của Lưu Linh, tôi cũng tự biết sức mình đáng đứng vào hạng khá về việc. « Chịu đựng » với vài ly, rồi nhấc. Nhưng tôi ly thứ chín, đầu chưa có chỉ gọi là say, tôi cũng đã thấy trong cổ tôi một cảm-giác dị kỳ: Họng tôi thấy dường như bị tắc cứng đến nỗi uống chỉ vào rống không nghe đắng hay ngọt hay cay chỉ cả...

Hôm nay: ngày tốt Việt nam

Hôm nay tôi đã thí-nghệm được « ảnh-hưởng » của chín ly rượu sâm-banh trong cuống họng một người Nam-Việt ».

Và cũng nhờ sự thí-nghệm tình-cờ này mà đêm tiệc hôm nay in sâu vào trí-não tôi một kỷ-ức đậm-đá rửa tuổi trẻ không khi nào quên lãng.

Mỗi năm tôi nhớ cái ngày hôm nay:

Ngồi say rượu say...

LE-VĂN-NGON

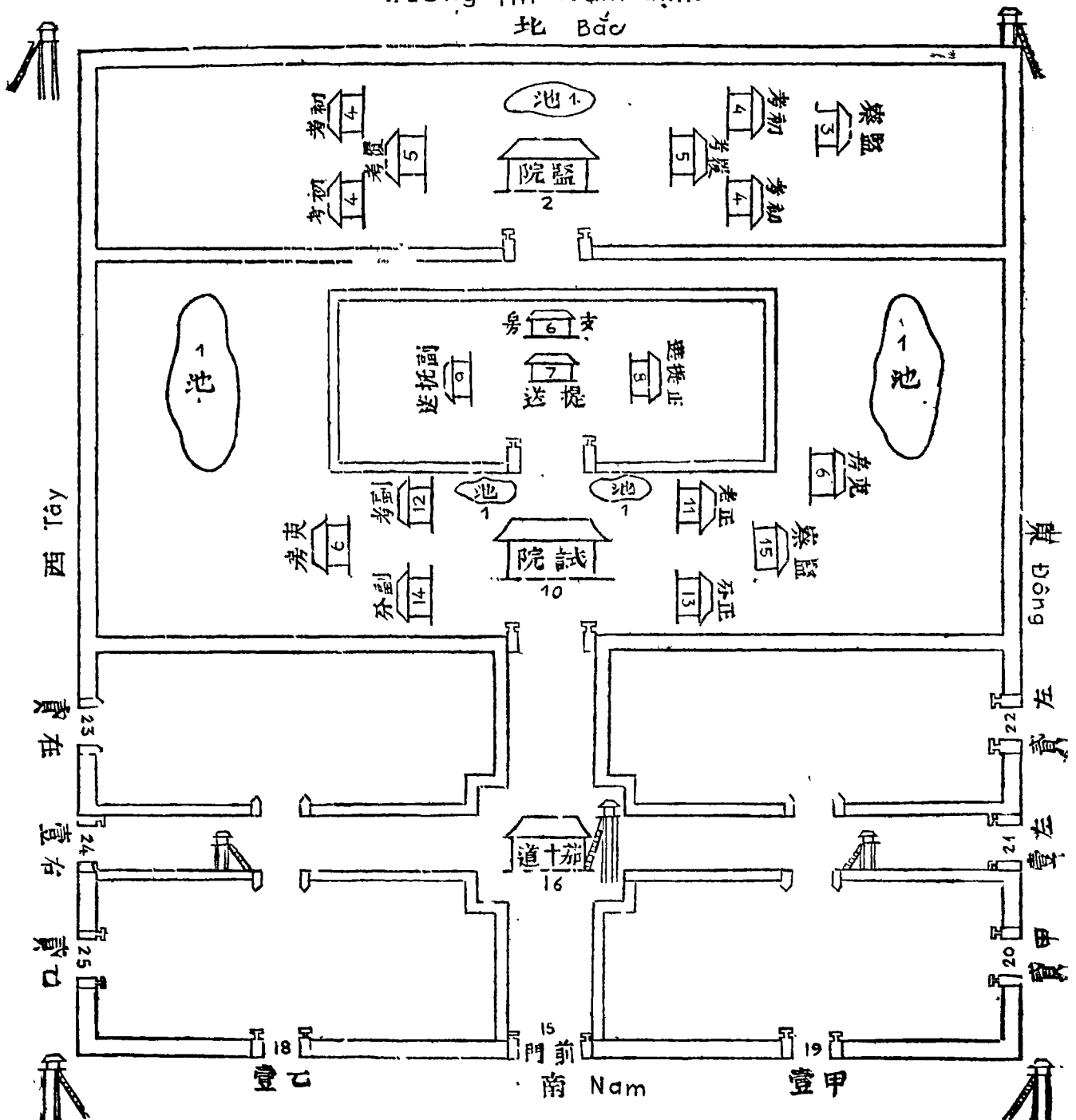
Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p.00 một vé

(Tiếp theo trang 35)

Trường Thi Nam-dịnh
北 城



1, Ao ; 2, Giám-viện ; 3, Giám-sát ; 4, Sơ-khảo ; 5, Phúc-khảo ; 6, Lai-phòng ; 7, Đề-tuyển ; 8, Chánh Đề-tuyển ; 9, Phó Đề-tuyển ; 10, Thi-viện ; 11, Chánh-khảo ; 12, Phó-khảo ; 13, Chánh-phân ; 14, Phó-phân ; 15, Giám-sát ; 16, Nhà thập-đạo ; 17, Cửa-trước ; 18, Ất nhất ; 19, Giáp-nhất ; 20, Giáp-nhị ; 21, Tả-nhất ; 22, Tả-nhị ; 23, Hữu-nhị ; 24, Hữu-nhất ; 25, Ất-nhị.

Văn-học Nam-kỳ 1943 (Tiếp theo trang 35)

Trong *Triết lý về vũ trụ và nhân sinh* có câu : « Về tôn giáo thì Ấn-độ là thủy tổ của hoàn cầu. Triết lý Phật giáo cao siêu và thâm trầm không có tôn giáo nào bì kịp » (trang 141).

Thảo nào trông nam vừa qua, Phan văn Hùm đã chẳng cho in đến hai lần quyển *Phật giáo triết học*.

Người đọc sách ấy thì nhiều. Nhưng hồ dễ mấy ai đọc nó khôn ngoan bằng nhà sư Mật Thê ? Trong tạp chí *Viễn-Ám* số 63, sư Mật Thê, sau khi đọc *Phật giáo triết học*, có viết bài biện chánh về mười mấy chỗ lầm của quyển ấy. Những lời biện chánh xác đáng của nhà sư, chính Phan văn Hùm cũng tuyên bố công nhận là đúng. Cả

đến quyển « *Phật giáo triết học*, của một nhà trước th ật Nhật bản tên Tiêu-giả-Thanh-Tử, do Trương Phật dịch ra Hán-văn và do Trương Vạn ân quán ở Thượng-hải xuất bản, là quyển sách mà sư ông Mật Thê bảo Phan văn Hùm lấy nhiều tài liệu để viết tác-phẩm mình, Phan-quân cũng công nhận là quả có như thế !

Đoạn đường văn học 1943 của Nam-kỳ tuy có hơi ngắn, nhưng trông về tương-lai có nhiều hi vọng lắm ! Có điều đang mừng lắm !

Với 1943 là một bước đầu khả quan, thì những ngày sẽ tới toàn là những ngày sản-lạn — như tôi mong ước !

15-XII-1943

KIỀU-THANH-QUẾ

MỘT ĐÊM GIAO-THỪA... (Tiếp theo trang 17)

« ông kỉnh » đấy ! thì ra « ông » vào liền, thấy ánh sáng đèn... nên tò-mò thò đuôi vào xem có gì không... sau khi nghe ta thét thì bỏ chạy đi nên có tiếng âm-âm... kia kia cén thấy ở vườn hoa bên này cũng có vết chân rõ lắm !

Theo lối tay chỏ, tôi ra góc vườn thì quả có vết chân mà lối « ông » đi qua đã làm cho những bông hoa hồng, cành cành rụng rã rời lá tả trên mặt đất.

Thì ra đêm giao thừa năm ấy, « ông kỉnh » đã đến « sông đất » nhà tôi, một sự « sông đất » tuy có táo bạo nhưng đã làm cho chúng tôi hết vía. Tôi liền tưởng đến câu truyện « thần đất » của thầy chánh vụ hiểu ngay là câu truyện tưởng tượng của người quen năm mơ-mộng bên ngọn đèn dầu lạc.

TIẾN ĐÀM THUẬT

MỘT BỘ SÁCH :

Cổ nhất Đông-Phương ! lạ nhất nhân - loại !

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy biến thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ :

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thay tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-gải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giấy trên dưới 2000 trang
luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng :

trọng giấy thường	sẽ bán từ	20000
gạch lụa đỏ	(đựng hộp bọc lụa)	50.000
Hạng Bạch Minh châu (đựng hộp gấm)		150.000

Thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi



HÀN-THUYỀN

71, Tiên Tsln — Hanoi

Giám Đốc

NGUYỄN XUÂN TÀI

Sắp có bản

CĂN ĐÔNG CỔ SỬ

của giáo-sư NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

Giá 3\$00

Miền cận đông giữ vai trò quan-trọng trên lịch sử thế giới — Muốn biết rõ lai lịch miền cận đông xin đọc *Cận Đông Cổ Sử* trong loại sách Tân Văn Hóa

Tân Văn Hóa

HÀN THUYỀN

71 Tiên Tsln Hanoi

TIN VĂN

I) Về cuộc thi văn-chương ALEXANDRE de RHODES năm 1943

Trước khi năm 1943 đã tàn, làng văn Nam-Việt, — hay nói cho đúng — của khắp 5 xứ Liên-bang Đông-Dương đã được biết rõ về số-phận và kết-quả của 133 bản dự-thi hai giải GIA-LONG và ALEXANDRE de RHODES.

Bản hội tậi-trọng cảm-on anh-em dự-thi đông như thế; con số 133 cuốn thực không ngờ!

Bản-hội muốn có vài lời nói với làng văn, mà những ý-kiến dưới đây là dự-luận của cả Hội-đồng khảo-đuyệt:

Về Phẩm. — Xét ra trong các tác-phẩm, có một số những người mới bắt-đầu làm văn, nhân thấy có thi thi lạo-thảo gửi tới, nào có hiểu rằng văn-chương là phải dày công tu luyện! Lại thấy có nhiều người, vì quá nông-nõi háng hái tưởng có thể gửi những sự bực-tức chế riếu vào tờ giấy trắng mực đen, chỉ làm-le phá-đồ cái nền-nếp cũ chứ thật-vô chẳng có hoài-bảo xây-dựng chi cả. Làm văn như thế chỉ có tội, chứ chẳng thể giúp ích cho đời. Ngoài ra, có tới một chục tác-phần bị loại ngay từ kỳ đầu, vì tác-giả không chú ý xét kỹ điều-lệ, hoặc gửi tới một cuốn thơ, cuốn phú một tập bài hát. Cố-nhiên, bản hội chẳng muốn nhận những pho tiêu-thuyết «tràng giang» quá 600 trang cũng như những đoản-thiên văn-vện độ mươi trang. Trong cái phẩm cũng phải tính cái loại g.

1) Bao Indochine số 176 có nói rõ về cuộc thi văn-chương năm 1943

Về dịch - thuật. — Nhiều dịch-giả đã sơ-y trong sự lựa chọn tìm những tác-giả ngoại-quốc, hay những tác-giả Pháp-quốc, nhưng lối hành-văn thuộc về hạng đặc-biệt — như Proust hay Duhamel — dịch ra chắc hẳn ít có số độc-giả người Nam có thể hiểu nổi. Về giải Alexandre de Rhodes, chúng-ta chỉ nên theo gương ông Ng. v. Vĩnh, dịch những danh-văn cổ điển, sẵn có một tính-cách đại-đồng và đã vượt ra khỏi vòng thời-gian.

Về hạn thi. — Dự-luận làng văn có ý phản-nản về sự chậm-trễ trong công-cuộc chấm-bài của Hội-đồng, thành ra 'định tuyên-bố kết-quả vào lễ Hưng quốc mà phải lui tới cuối năm 1943 lại khóa sổ cuộc thi văn-chương 1944 thì thời-hạn quá ư gấp-rút. Xin anh-em thể-lượng, một Hội-đồng muốn làm việc cho đúng mực, trong 4 tháng không tài nào chấm-phê 133 cuốn văn, có khi dài tới 5, 600 trang được. Còn về khóa-sổ, bản hội xin nhắc năm 1943, tờ-đặt đã tuyên bố cuộc-thi văn-chương của hội Alexandre de Rhodes sẽ tổ-chức hàng năm, vậy thì sự dự-định đã cố báo trước rõ-ràng. Nhưng vì hiện-tình, bản-hội vui lòng lui hạn khóa sổ vào 1er mars 1944.

Hội làng văn Việt - Nam. Cuộc thi văn-chương 1944 đã bắt-đầu. Lần này, điều-lệ có vài chỗ sửa-đổi tỉ như nhận các sách đã xuất-bản từ cuối năm 1941. Bản-lội rất mong các văn-nhân cao-sĩ lại dự đông hơn kỳ trước, đề xây-đắp và trau-dồi cho nền văn-học nước-nhà,

Một lần nữa, bản-hội cảm-on 133 nhà-văn dự-hì năm 1943. Trong số đó, có nhiều

tác-giả đã từng nên tên tuổi trong văn - đàn, lại có vị đã chiếm giải văn-chương trước kia. Sự sai-biệt ở kỳ này, có lẽ vì kém ở như cao-bừng, cho nên tác-phần chẳng được Hội-đồng phê đủ điểm-số. Nhưng dù sao, các bạn sẽ thể-lượng cho bản-hội rằng một hội-đồng khảo-đuyệt có những vị đã đăng tên trên báo-chương, đều-độc một công-tâm, chỉ mong cho văn-chương quốc-ngữ một ngày tốt-đẹp, sản-xuất vài tác-phần có thể sánh vai với những thiên kiệt-tác của đàn-anh thế-giới.

TRÚC ĐÌNH

II) Kết quả cuộc thi của hội Liên Hữu Tương Tế (Asecourfi) về «Đố Kiều» và «Tập Kiều» Giải nghĩa câu đố.

Câu 1 : máy điện thoại — 2 : bút hồ tây — 3 : phong bì thư vàng — 4 : bút chì xanh — 5 : đôi nệm sập — 6 : chữ Mịch (tịch mịch) — 7 : Hàn Thiên Thu — 8 : Đa hậu bất cấm.

Giải nhất : ông Hoàng gia-Thân, giáo học ở Kiến An.

Giải nhì : ông Phụng Tri, ở Phát Lộc Hanoi.

Giải ba : ông Đình văn - Liên, Đốc học trường Vĩnh-Lộ; Thanh Hóa

Giải tư (thêm thủ) : ông Nguyễn chi-Toại, ở huyện Phúc-Thọ, tỉnh Sơn-Tây.

Asecourfi cần bạch

— Vì số Xuân dày gấp đôi số Đường và số báo in ra lằng lờn hơn nên theo lệnh của sở Thông tin, tuyên truyền và báo chí (I.P.P), chúng tôi bắt buộc phải nghỉ một số trước Tết và sau Tết. Xin các bạn thể tình cho.

Số sau 128 sẽ ra nhằm ngày mùng 5 Tết (29 Janvier 1944)

Bản chỉ được tin buồn Decoux phu nhân đã tạ thế tại Dalat ngày 6 Janvier 1944, tang lễ đã cử hành ngày 8 Janvier 1944.

Nhân dịp buồn rầu này bản chỉ xin trân trọng kính viếng Decoux phu-nhân và phân ưu cùng quan Toàn quyền Đông-dương.

TRI-TAN

Tết lạnh nạn

(Tiếp theo trang 21)

— Có bác cứ tự nhiên. Chắc bác đề dành được cái vốn lớn.

— Bẩm bu cháu ở nhà cũng chuộc được năm sào đất cháu cần năm ngoái cho ông Hàn bên cạnh. Và có thể mới có tiền cạy xe chứ. Ông tính cái xe họ ác lắm. Tết nhất đến nơi cháu phải thầy thợ đứt lốt mới có xe kéo. Tiền thuê xe cháu phải cạy một món tiền lớn tới vài chục đồng cho cái rồi kéo ngày nào trả tiền ngày ý, mà xe hỏng đâu thì xăm lốp phải chữa lấy mà dùng. Ông tính xăm lốp bây giờ có rẻ gì cho cam. Chẳng những thế họ có ma tà đi thăm thính không cho đi xa sợ hỏng xe. Nhớ ra gặp ma tà đi thanh tra thì lại phải khấn nó dăm đồng kéo nó về hót với chủ.

Nói ông thứ lỗi cho chúng cháu cứ muốn thỉnh thoảng lại tu tu thì chúng cháu lại tha hồ mà kéo dân chạy nạn...Tết đến nơi, thế nào năm nay cháu cũng nghỉ ba ngày tết cho bố để báo thù mọi năm vất vả quá.

Bác phu xe của tôi vừa nói vừa đi từ trong tiệm ăn ra chân nam đá chân xiêu từ già tôi bằng câu :

— Ông cho cháu uống say quá. Hôm nào cháu xin kéo hầu ông Xướng Vạn Thái !

Kết luận

Khói lửa chiến tranh đang bùng cháy ở khắp mọi nơi. Biết bao nhiêu triệu sinh linh đã nghiêng mình nhắm mắt bên bờ nghĩa vụ.

Giang sơn đất Việt, trước cơn giông tố của năm châu cũng đã từng qua những ngày mưa gió nặng nề !

Cuộc ném bom tàn khốc, vô nhân đạo liên tiếp trong hai ngày 10 và 12-1943 đã đem reo rắc sự rung rợn, sự khủng bố trong đám dân gian đồng đúc của kinh thành Thăng Long. Hàng trăm gia đình đang sống trong cuộc yên vui đã biết những chua xót của tan tác, những đau thương của biệt ly mà nhuộm một màu tang tóc.

Hết thầy mọi người như có cảm tưởng đang sống trong cơn ác mộng. Sống thì, sống giờ, sống ngày nay không còn giám biết đến ngày mai.

Nay năm cũ đã qua, gió xuân đã bắt đầu đùa rơn trên nhành cây ngọn cỏ. Trước sự hăm dọa của Thần chiến tranh, mọi người như thiết tha cầu khẩn cho những ngày đến tối đừng trở lại để cùng vạn vật đón xuân sang với bao niềm mong ước trong tâm tưởng.

PHẠM-MẠNH-PHAN

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ

— Bà Xuân này do ông bạn thân của chúng tôi là họa-sĩ Phạm-gia-Giang vẽ giúp. Xin cảm ơn bạn.

— Nhiều bạn quá yêu có gửi bài về tòa soạn để cùng chúng tôi vui Xuân, song gửi chậm quá nên không sao cho ra được. Chúng tôi sẽ lần lượt đăng vào các số tới. Xin các bạn lượng thứ.

— Ô. N. T. H. Rạch giá. Đã nhận mandat 16\$00 đã chuyển 16\$00 sang ban cứu tế nạn nhân. Cảm tạ.

TRI-TÂN

ĐẦU NĂM

MUỐN LÀM QUÀ
BẠN KHÔNG GÌ QUÝ
VÀ LẠ HƠN



Rất dễ, ai làm cũng được : cắt 1 phần thư lấy bút tích và chữ ký của bạn mình (không kể trai hay gái) cho nhà triết tự có chân-tài, thực học Mr An ngọc-Phụng kiosque Thanh Tao (vinh) dợi vài ngày sẽ nhận được bản cắt nghĩa rõ ràng tính tình, tâm-địa, ý-chí, tư-tưởng và sức khỏe của bạn mình thư nhờ kèm theo tem 1\$00

Một bộ sách quý

do thư-xã ALEXANDRE DE RHODES

xuất - bản

THƯ'ONG-CHI VĂN-TẬP

quyển nhất

của cụ PHẠM-QUỲNH Lại-bộ thượng-thư

Sưu-lập những áng văn hay đã đăng trong tạp-
chi Nam-Phong từ 1917-19, sẽ lần-lượt phát-
hành từ 6 đến 10 quyển.

Sách dày 350 trang, khổ 12×18

Bản thường 5\$00 — Bản giấy láng 10\$00

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Hai quyển sách trọn vẹn in khổ lớn 21×18
trình bày rất công-phu in giấy trên trăm trang,
mỗi quyển 2\$80, bản quý in trên giấy Hoàng-
minh châu, Tường-vi, Giò lụa giá 25\$00, sắp
phát hành khắp Đông-đương.**LÃ GIA**

Danh nhân chuyên

của HẢI-TRẦN

Thần thể và công nghiệp một vị lão thần nhà Triệu.
Một quang sử vẻ vang và bi đát.
Một tâm trạng eo le thắc-mắc của một người thiết
thần yêu nước thương dân.**MỆ TÔI**

Sách đọc trong gia đình

của NGUYỄN KHẮC-MẪN

Tặng tất cả những ai đã thiếu thốn sự an-yếm, nuông
chiều. Đây không là lời văn mà là những rung động
thành thực của một tâm hồn hiếu tử.
Cổ phụ thêm mấy truyện tâm-tinh nhẹ nhàng và

ĐÓN CỎI

ANH THƯ ĐỜI MẠC của Cha-Thiên

THANH NIÊN CA lời ca và âm nhạc

của Đào-Hợp

MÓN-QUÀ TRẺ EM của bà Trương-Phổ

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

Giám đốc : Ái Lang NGUYỄN-TẾ-MỸ

50 Sinh-Tử — Hanoi

Sách của**Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẦU**

I — Đã xuất-bản :

A) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng
trong các Học-Đường Đông Pháp :

1) Trịnh-gia Chính Phả (in lần thứ hai) hết

2) Hưng yên địa chí — —

3) Cương Luân-Lý — —

4) Bắc-giang địa-chỉ dày 284

trang, có bản đồ phụ đính

Giá cũ 1\$50

B) 5) Vị tiền

hết

6) Hoa xưa ong cũ

Giá cũ 0\$30

7) Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (du-kí)

2\$00

« Hồ này từ đời Lê, đời Mạc tới nay, có bao
« nhiều anh-hùng lưu dấu vết, có bao nhiêu danh-
« sĩ dấn-lâm, mà có du-ký như ông nay mới thấy
« là một! Ông chẳng những chép phong cảnh và
« lịch-sử Ba Hồ, mà lại kể cả cuộc hành-trình-
« đi đến dân-cúng để mắt quan-sát : nào là nhân,
« tình phong-tục, nào là công cuộc mở mang của
« đời xưa và hiện-thời, thực có ích cho nhà khảo-
« cứu, có thể làm kim chỉ-nam dẫn lối cho nhà
« du lịch sau này. »

« Du-ký này có giá-trị lắm thay! »

Trích bài tựa của cụ Phó-bách Nông-sơn Nguyễn-can-Mộng

II — Sắp xuất-bản :

Uyên-Bái Tử-Bình ; — Ngàn Treo Đanh (huyện Đình
Sơn) ; — Bắc-ninh địa-chỉ.

Xin viết thư cho :

Nhật-ni am Trịnh-như-Tầu, Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ
hay Biêm-tập-viên Tập-chi Tri-Tân
95-97 Rue Chanceaulme hanoi**TU SÁCH « TÂN VĂN HÓA »**

- | | |
|------------------------------|-------|
| 1.) Nguyễn Du và Truyện Kiều | 3\$50 |
| 2.) Nhân loại tiền hóa sử | 1,80 |
| 3.) Gốc tích loài người | 1,80 |
| 4.) Đời sống thái cổ | 2,20 |
| 5.) Ai cập cổ sử | 2,50 |
| 6.) Cận đông cổ sử | 2,50 |
| 7.) Nguồn gốc văn minh | 2,20 |
| 8.) Luân lý thực nghiệp | 2,50 |
| 9.) Lê thánh Tông | 3,00 |
| 10.) Ôc khoa học | 2,20 |
| 11.) Triết học là gì | 2,50 |
| 12.) Lý thường Kiệt | 2,50 |

Sắp phát hành

NGUYỄN - CÔNG - TRỰ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Giá 5\$00

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN CỤC

71 Tiên Tsin — Hanoi